

Số: 2523/QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày 01 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Phương án ứng phó với thiên tai theo các cấp độ rủi ro
trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19/6/2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;

Căn cứ Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai;

Căn cứ Công văn số 60/TWPCTT ngày 11/5/2021 của Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng, chống thiên tai về rà soát, chủ động phương án sẵn sàng đảm bảo an toàn phòng chống thiên tai trong điều kiện dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp;

Căn cứ Công văn số 76/TWPCTT ngày 30/6/2021 của Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng, chống thiên tai về việc triển khai kết luận chỉ đạo tại Hội nghị trực tuyến công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2021;

Theo đề nghị của Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh tại Tờ trình số 151/TTr-BCHPCTT&TKCN ngày 11/8/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Phương án ứng phó với thiên tai theo các cấp độ rủi ro trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Điều 2. Trưởng Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh; Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; Chánh Văn phòng Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 3972/QĐ-UBND ngày 05/12/2019 của UBND tỉnh phê duyệt phương án ứng phó với thiên tai theo các cấp độ rủi ro trên địa bàn tỉnh Quảng Nam./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ban Chỉ đạo quốc gia về PCTT;
- UBQG Ứng phó sự cố, TT và TKCN;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- TT TU, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Tổng cục PCTT;
- Báo Quảng Nam, Đài PT-TH Quảng Nam;
- CPVP;
- Lưu: VT, KGVX, KTN_(Th).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Quang Bửu



PHƯƠNG ÁN

Ứng phó với thiên tai theo các cấp độ rủi ro trong bối cảnh dịch bệnh

Covid-19 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021
của UBND tỉnh Quảng Nam)*

PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ DÂN SINH - KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Vị trí địa lý

Quảng Nam là tỉnh duyên hải miền Trung, có vị trí địa lý từ 14⁰57'10'' đến 16⁰03'50'' vĩ độ Bắc và 107⁰12'50'' đến 108⁰44'20'' kinh độ Đông. Phía Bắc giáp tỉnh Thừa Thiên Huế và thành phố Đà Nẵng, phía Nam giáp tỉnh Quảng Ngãi, phía Tây giáp tỉnh Kon Tum và tỉnh Sê Kông (Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào), phía Đông giáp biển Đông. Dân số toàn tỉnh là 1.495.812 người, tập trung chủ yếu ở vùng đồng bằng ven biển.

2. Điều kiện địa hình, địa mạo

Địa hình Quảng Nam nghiêng dần từ Tây sang Đông, căn cứ vào các đặc điểm chung, có thể phân ra 03 vùng địa hình như sau:

- Địa hình vùng núi: Có độ cao trung bình từ 700 đến 800m, hướng thấp dần từ Tây sang Đông; bao gồm 6 huyện: Đông Giang, Tây Giang, Nam Giang, Phước Sơn, Nam Trà My, Bắc Trà My.

- Địa hình vùng gò đồi, trung du: Là vùng chuyển tiếp giữa vùng núi phía Tây và vùng đồng bằng ven biển, độ cao trung bình từ 100 đến 200m; bao gồm các huyện: Phú Ninh, Tiên Phước, Hiệp Đức, Quế Sơn, Nông Sơn, Đại Lộc.

- Vùng đồng bằng ven biển: Là dạng địa hình tương đối bằng phẳng, ít biến đổi, có độ cao dưới 30m gồm những dải đồng bằng nhỏ hẹp phía Đông và vùng cồn cát, bãi cát ven biển; bao gồm 06 huyện, thị xã, thành phố: Núi Thành, Tam Kỳ, Thăng Bình, Duy Xuyên, Điện Bàn, Hội An.

3. Mạng lưới sông ngòi

Tỉnh Quảng Nam có 02 hệ thống sông lớn là hệ thống sông Vu Gia - Thu Bồn và hệ thống sông Tam Kỳ.

- Hệ thống sông Vu Gia - Thu Bồn được hình thành từ 02 sông chính là Vu Gia và Thu Bồn, với diện tích lưu vực 10.350km² (kể cả phần lưu vực nằm trên tỉnh Kon Tum và thành phố Đà Nẵng). Hệ thống sông này đổ ra cửa Hàn (thành phố Đà Nẵng) và Cửa Đại (thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam). Trên vùng thượng nguồn, đã có quy hoạch 46 dự án thủy điện (10 dự án thuộc quy

hoạch bậc thang thủy điện hệ thống sông Vu Gia - Thu Bồn và 36 dự án thủy điện vừa và nhỏ), với tổng công suất 1.726,06 MW, tổng lượng điện bình quân là 6.530 tỷ kWh/năm.

- Sông Tam Kỳ, có hai nhánh chính là nhánh sông Tam Kỳ và nhánh sông Bàn Thạch, diện tích lưu vực khoảng 1.040km², sông chính dài 70 km, chảy ra biển tại Cửa Lở thuộc huyện Núi Thành. Phía thượng nguồn của sông Tam Kỳ có hồ chứa nước Phú Ninh chiếm lưu vực 235 km².

Ngoài 2 hệ thống sông chính nêu trên, dọc theo bờ biển còn có sông Trường Giang, đây là sông tiêu thoát lũ ở khu vực vùng đồng bằng, nối liền sông Thu Bồn và sông Tam Kỳ với chiều dài khoảng 70 km.

4. Khí hậu

Quảng Nam có lượng mưa trung bình hằng năm khoảng 2.000 mm đến 2.500 mm. Vị trí địa lý, điều kiện địa hình, cùng với những thay đổi phức tạp của chế độ khí hậu nhiệt đới gió mùa đã tạo nên khí hậu Quảng Nam có 02 mùa rõ rệt trong năm:

- Mùa khô: Từ tháng 01 đến tháng 8, có lượng mưa chiếm 25% đến 30% lượng mưa trung bình năm, thường xảy ra hạn hán, nắng nóng, đông tố, lốc, sét và xâm nhập mặn.

- Mùa mưa: Bắt đầu từ tháng 9 đến tháng 12, lượng mưa chiếm khoảng 70% đến 75% lượng mưa trung bình cả năm và thường gây ra lũ, lụt.

II. ĐẶC ĐIỂM VÀ TÌNH HÌNH THIÊN TAI, DỊCH BỆNH COVID-19 TRÊN ĐỊA BÀN

1. Tình hình thiên tai từ năm 1997 đến nay

Do vị trí địa lý, đặc điểm địa hình, địa mạo cùng với tác động biến đổi khí hậu toàn cầu, tình hình thiên tai trên địa bàn tỉnh diễn ra hết sức phức tạp và có xu thế ngày càng gia tăng về số lượng cũng như mức độ khốc liệt. Các loại hình thiên tai thường xuất hiện ở Quảng Nam là áp thấp nhiệt đới (ATNĐ), bão, lũ, lũ quét, ngập lụt, đông, sét, lốc, hạn hán, xâm nhập mặn, sạt lở đất, gió mạnh trên biển,...

a) Bão và ATNĐ

Bão và ATNĐ ở Quảng Nam thường xảy ra trong thời gian từ tháng 5 đến tháng 12, tập trung chủ yếu vào tháng 10 và tháng 11. Các cơn bão và ATNĐ thường đi kèm với mưa to. Vì vậy, ngoài việc xuất hiện gió mạnh, trên đất liền còn bị ảnh hưởng của lũ, ngập lụt.

Qua thống kê, từ năm 1997 đến 2020 trên biển Đông xuất hiện 321 cơn bão và ATNĐ, trong đó có 32 cơn bão và 12 ATNĐ ảnh hưởng đến tỉnh Quảng Nam; đặc biệt cơn bão số 6 có tên Quốc tế là Xangsane (2006), cơn bão số 9 có tên Quốc tế là Ketsana (2009) và cơn bão Molave, bão số 9 năm 2020 đổ bộ trực tiếp vào Quảng Nam gây thiệt hại nặng nề về người và tài sản của Nhà nước và Nhân dân.

b) Lũ, ngập lụt

Từ tháng 9 đến tháng 12 hằng năm là thời kỳ mưa lũ ở Quảng Nam, mưa lớn tập trung từ trung tuần tháng 10 đến thượng tuần tháng 12. Có 03 loại hình thái thời tiết gây mưa lũ trên địa bàn tỉnh, đó là:

Khi có bão, ATNĐ đổ bộ vào đất liền hoặc ảnh hưởng trực tiếp như di chuyển dọc theo bờ biển hoặc đổ bộ vào phía Bắc tỉnh Quảng Ngãi, phía Nam tỉnh Thừa Thiên Huế. Đi kèm với bão thường có các đợt mưa to trước và sau bão, ATNĐ.

Khi có gió mùa Đông - Bắc cường độ mạnh tràn về kết hợp với hoàn lưu của bão, ATNĐ. Đây là hình thái thời tiết có xu thế gây mưa to, lũ lớn trên đất liền.

Khi dải hội tụ nhiệt đới hoạt động ở phía Nam biển Đông, đồng thời ở phía Bắc có gió mùa hoặc tín phong Đông Bắc hoạt động và di chuyển xuống phía Nam. Hình thái thời tiết này thường gây ra mưa lớn, kéo dài nhiều ngày.

Các cơn lũ lớn điển hình năm 1964, 1999, 2007, 2009, 2011, 2013, 2017, 2020 trên địa bàn tỉnh đều do các hình thái kết hợp nêu trên gây ra.

c) Lũ quét

Hằng năm, lũ quét gây ra sạt lở núi và xói lở đất vùng ven sông, suối diễn ra khá phức tạp, nhất là ở các huyện vùng núi, trung du có độ dốc sông, suối lớn. Những năm gần đây, do ảnh hưởng của mưa có cường suất cao, lũ quét xuất hiện ngày càng nhiều với mức độ khác nhau. Lũ quét thường phát sinh bất ngờ, xảy ra trong phạm vi hẹp nhưng sức tàn phá lớn và gây ra những tổn thương nghiêm trọng về người và tài sản, ảnh hưởng đến cuộc sống của Nhân dân ở khu vực ven các sông, suối.

d) Sạt lở bờ sông, bờ biển

- Sạt lở bờ sông: Hệ thống sông Thu Bồn - Vu Gia của tỉnh đều có độ dài ngắn, chảy quanh co khúc khuỷu, độ uốn khúc từ 1,3 đến 2 lần. Do đặc điểm, hằng năm đến mùa lũ lụt, những vị trí bờ lở dọc theo ven bờ sông thường bị sạt lở đất, ăn sâu vào bờ khoảng 10m ÷ 20m, có nơi lớn hơn, làm mất đất sản xuất và hư hỏng, sập đổ nhiều nhà dân và các công trình cơ sở hạ tầng, công trình thủy lợi, trong đó các huyện, thị xã: Điện Bàn, Đại Lộc, Duy Xuyên và thành phố Hội An,... bị ảnh hưởng nhiều nhất.

- Sạt lở bờ biển: Quảng Nam có chiều dài bờ biển 125km, hằng năm nhiều vị trí bờ biển bị xâm thực, gây ảnh hưởng mất đất sản xuất và các khu dân cư, khu du lịch ven biển. Qua khảo sát theo dõi từ năm 1996 đến nay, tại khu vực Cửa Đại (thuộc phường Cửa Đại, thành phố Hội An) hiện tượng bồi lấp cửa sông, xói lở bờ biển diễn ra rất phức tạp; tại các xã: Tam Hải, Tam Quang - huyện Núi Thành, Duy Hải - huyện Duy Xuyên; Tam Thanh - thành phố Tam Kỳ,... bị sạt lở bờ biển nghiêm trọng do tác động của gió bão, ATNĐ.

- Sạt lở núi:

Khu vực miền núi tỉnh Quảng Nam có địa mạo, địa chất phức tạp, độ dốc

của các sườn núi khá lớn. Khi xuất hiện mưa lớn kéo dài nhiều ngày, cùng với tác động của con người như bạt núi, mở đường, chặt phá rừng, khai thác khoáng sản trái phép,... đã gây ra sạt lở đồi núi, sườn dốc nhiều nơi, tập trung chủ yếu ở các địa phương vùng trung du và miền núi.

Do nhiều tác động khác nhau, khi có mưa lũ, tình hình sạt lở núi ngày càng có diễn biến phức tạp gây nhiều thiệt hại về người và tài sản, trong đó một số vụ điển hình về sạt lở núi được thống kê như sau:

+ Tại huyện Tiên Phước vào năm 1999, tại núi Dương Bà Bướm xã Tiên Lộc xảy ra sạt lở núi làm vùi lấp 03 mẹ con, nhà và tài sản;

+ Tại huyện Phước Sơn vào năm 2004, do mưa lớn đã gây sạt lở núi làm chết 19 người; tại xã Tam Lãnh, huyện Phú Ninh năm 2008 sạt lở núi làm chết 6 người;

+ Tại xã Trà Giác, huyện Bắc Trà My năm 2009 sạt lở núi làm 13 người chết;

+ Năm 2017, do mưa lớn, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 12 vụ sạt lở đất, trong đó huyện Bắc Trà My 06 vụ (01 vụ ở thị trấn Trà My, 01 vụ ở Trà Giang, 01 vụ ở Trà Giáp, 01 vụ ở Trà Bui, 01 vụ ở Trà Núi, 01 vụ ở Trà Cang); huyện Nam Trà My 02 vụ tại xã Trà Vân; huyện Phước Sơn 02 vụ (01 vụ ở Phước Hòa, 01 vụ ở Phước Hiệp) làm 29 người chết và nhiều tài sản bị vùi lấp, hư hỏng.

+ Năm 2020, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 05 vụ sạt lở đất làm thiệt hại nghiêm trọng về người, nhà ở... của người dân (Nam Trà My: 02 vụ, Phước Sơn: 01 vụ, Bắc Trà My: 02 vụ), cụ thể như sau:

Ngày 28/10/2020, bão số 9 đổ bộ vào đất liền gây mưa lớn trên diện rộng tại các huyện trên địa bàn tỉnh Quảng Nam đã làm hư hỏng nhiều nhà dân, làm sạt lở đất tại nhiều điểm, gây ách tắc giao thông nhiều tuyến đường ở các huyện miền núi; đặc biệt đã làm sạt lở núi với khối lượng lớn, vùi lấp nhiều người trên địa bàn huyện Nam Trà My (19 người chết, 13 người mất tích), Phước Sơn (09 người chết, 04 người mất tích), Bắc Trà My (01 người chết).

Vụ sạt lở đất tại Quốc lộ 40B đoạn qua thôn 3, xã Trà Tân, huyện Bắc Trà My lúc 14 giờ 45 phút ngày 11/11/2020 đã làm 01 người chết (trú tại huyện Thăng Bình), 02 người bị thương trong lúc lưu thông trên đường.

đ) Gió mùa Đông Bắc

Trung bình hằng năm Quảng Nam có 14 đến 15 đợt gió mùa Đông Bắc. Trong thời kỳ đầu, từ tháng 10 đến tháng 12, gió mùa Đông Bắc tràn về thường kết hợp với nhiều động nhiệt đới ở phía Nam biển Đông như bão, ATNĐ, dãy hội tụ nhiệt đới... gây ra mưa to kéo dài nhiều ngày gây ra lũ lụt; trong thời kỳ từ tháng 01 đến tháng 3 năm sau, các đợt gió mùa Đông Bắc tràn về gây ra mưa, nhiệt độ giảm, gió mạnh.

e) Đông, lốc, sét

Đông, lốc, sét xuất hiện nhiều nhất từ tháng 4 đến tháng 9, mỗi tháng có 06 đến 10 đợt dông tố, vùng có nhiều dông tố nhất gồm các huyện ở khu vực trung du, miền núi. Đông, lốc, sét là loại hình thiên tai gần như không thể dự báo

trước được, nó thường xảy ra bất ngờ, phạm vi nhỏ nhưng sức tàn phá lớn. Tình hình diễn biến của dông, lốc, sét đang có xu thế xuất hiện bất thường, tăng về số lượng, mạnh về cường độ.

g) Hạn hán và xâm nhập mặn

Tình hình hạn hán và xâm nhập mặn phụ thuộc vào chế độ mưa và dòng chảy mùa khô, tập trung chủ yếu từ tháng 4 đến tháng 7 hằng năm. Với tác động của biến đổi khí hậu, hiện nay lượng mưa trong mùa khô trên địa bàn tỉnh có xu thế thấp hơn trung bình nhiều năm, lại phân bố không đều trong các tháng, gây nên tình trạng hạn hán trong thời kỳ lúa Vụ Đông Xuân và Hè Thu làm đòng, trổ bông; những năm hạn, xâm nhập mặn điển hình trong khoảng 15 năm qua là các năm 2003, 2004, 2010, 2014, 2019, 2020.

Xâm nhập mặn thường xảy ra khi thời tiết nắng nóng dài ngày, dòng chảy trên các cửa sông chính và sông nhánh bị suy kiệt và khi gặp triều cường, nước mặn xâm nhập sâu vào các cửa sông, có nơi lên đến 20km với độ mặn có lúc lên cao hơn 10‰, trong đó đáng lưu ý nhất là ở trên các sông Vĩnh Điện, Thu Bồn, Tam Kỳ. Xu thế xâm nhập mặn trên các sông này có diễn biến tăng và xuất hiện sớm hơn, gây ảnh hưởng cho sản xuất nông nghiệp và đời sống của Nhân dân.

h) Động đất

Động đất là loại hình thiên tai xuất hiện ở Quảng Nam từ năm 2012, số cơn động đất xảy ra liên tục, mặc dù nhỏ nhưng đã gây tâm lý bất an trong nhân dân, nhất là khu vực hồ thủy điện Sông Tranh 2, trong đó huyện Bắc Trà My là tâm điểm thường xảy ra các đợt dư chấn.

2. Thiệt hại do thiên tai gây ra từ năm 1997 đến nay

Theo tổng hợp trên địa bàn tỉnh, từ năm 1997 đến năm 2020, thiên tai trên địa bàn tỉnh đã làm 824 người chết, 2.503 người bị thương, 38.553 nhà bị sập, 597.370 nhà dân bị hư hỏng. Tổng ước tính thiệt hại khoảng 25.200 tỷ đồng. Trong đó năm 2020, thiên tai đã làm 46 người chết, 17 người mất tích, gây thiệt hại nghiêm tài sản, cơ sở hạ tầng, môi trường, điều kiện sống của người dân, với tổng ước tính thiệt hại khoảng hơn 11.000 tỷ đồng.

3. Tình hình dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam

Từ năm 2020 đến nay, dịch bệnh COVID-19 đã và đang diễn ra phức tạp, lây lan nhanh, mạnh trong cộng đồng tại hầu hết các tỉnh, thành phố, đến nay chưa dự báo được thời gian hết dịch. Thực hiện chỉ đạo của Trung ương về tiếp tục khống chế và kiểm soát tốt dịch bệnh COVID-19, không để dịch bệnh xâm nhập, lây lan trong nước, tiếp tục thực hiện thành công mục tiêu kép, bảo vệ và nâng cao sức khỏe của người dân, bảo đảm an sinh xã hội, toàn hệ thống chính trị, toàn dân đã và đang vào cuộc thực hiện phòng chống dịch COVID-19 theo phương châm chỉ đạo của Chính phủ “5K+Vắc xin”.

Hiện nay tình hình dịch bệnh covid-19 trong nước và tỉnh Quảng Nam diễn biến phức tạp, khó lường, dự báo trong thời gian tới số lượng người dân từ vùng dịch về địa bàn tỉnh là rất lớn (đáng chú ý là các tỉnh giáp ranh có nhiều ca

nhằm như Đà Nẵng, Quảng Ngãi, đặc biệt là công dân từ Thành phố Hồ Chí Minh và một số tỉnh phía Nam) sẽ tăng nhanh, nếu không kiểm soát tốt nguy cơ lây lan dịch bệnh trong cộng đồng là rất cao.

Song song với tình hình dịch bệnh Covid-19, dự báo những tháng cuối năm 2021 thiên tai tiếp tục sẽ có những diễn biến phức tạp.

Đứng trước “Thách thức kép: Thiên tai - Dịch bệnh COVID-19”, công tác phòng, chống thiên tai trong thời gian tới phải đảm bảo 02 mục tiêu là hạn chế thiệt hại do thiên tai gây ra và an toàn trước dịch bệnh COVID-19, đảm bảo an toàn tính mạng người dân, không để dịch bệnh lây lan, đặc biệt trong hoạt động sơ tán dân ứng phó thiên tai.

III. ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI THEO CẤP ĐỘ RỦI RO THIÊN TAI

1. Đánh giá thiên tai

a) Đối với ATNĐ, bão

Cấp độ rủi ro thiên tai	Vị trí hoạt động của ATNĐ, bão	Khu vực ảnh hưởng
3	<ul style="list-style-type: none"> - ATNĐ, bão cấp 8, cấp 9 hoạt động trên vùng biển ven bờ, trên đất liền tỉnh Quảng Nam. - Bão mạnh cấp 10, cấp 11 hoạt động trên Biển Đông, vùng biển ven bờ, trên đất liền tỉnh Quảng Nam và các tỉnh lân cận (Đà Nẵng, Quảng Ngãi). - Bão rất mạnh cấp 12 đến cấp 13 hoạt động trên Biển Đông. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các địa phương bị ảnh hưởng trực tiếp: + Điện Bàn, Duy Xuyên, Núi Thành, Hội An, Tam Kỳ, Thăng Bình. + Đại Lộc, Phú Ninh, Quế Sơn, Nông Sơn, Tiên Phước và Hiệp Đức. - Các địa phương bị ảnh hưởng gián tiếp: Các địa phương còn lại trên địa bàn tỉnh - Tàu thuyền và ngư dân hoạt động trên biển Đông.
4	<ul style="list-style-type: none"> - Bão rất mạnh cấp 12 đến cấp 15 hoạt động trên vùng biển ven bờ, trên đất liền tỉnh Quảng Nam và các tỉnh lân cận (Đà Nẵng, Quảng Ngãi). - Bão từ cấp 14 trở lên hoạt động trên biển Đông. 	<ul style="list-style-type: none"> - Toàn tỉnh; - Tàu thuyền và ngư dân hoạt động trên biển Đông.
5	<ul style="list-style-type: none"> Siêu bão từ cấp 16 trở lên hoạt động trên vùng biển ven bờ, trên đất liền tỉnh Quảng Nam và các tỉnh lân cận (Đà Nẵng, Quảng Ngãi). 	<ul style="list-style-type: none"> - Toàn tỉnh; - Tàu thuyền và ngư dân hoạt động trên biển Đông.

b) Đối với lốc, sét, mưa đá

- Rủi ro thiên tai cấp độ 1: Lốc, sét, mưa đá xảy ra dưới 1/2 số đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh.

- Rủi ro thiên tai cấp độ 2: Lốc, sét, mưa đá xảy ra từ 1/2 số đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trở lên trên địa bàn tỉnh.

c) Đối với mưa lớn

- Rủi ro thiên tai cấp độ 1: Lượng mưa trong 24 giờ từ 100 mm đến 200 mm hoặc 50 mm đến 100 mm trong 12 giờ kéo dài từ 1 ngày đến 2 ngày trên phạm vi dưới 1/2 số đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã của tỉnh.

- Rủi ro thiên tai cấp độ 2: Lượng mưa trong 24 giờ từ 100 mm đến 200 mm hoặc từ 50 mm đến 100 mm trong 12 giờ kéo dài từ trên 2 ngày đến 4 ngày ở khu vực trung du, miền núi và kéo dài trên 2 ngày ở khu vực đồng bằng, ven biển trên phạm vi hơn 1/2 số đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn toàn tỉnh; lượng mưa từ trên 200 mm đến 400 mm trong 24 giờ kéo dài từ 1 ngày đến 2 ngày trên phạm vi hơn 1/2 số đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã của tỉnh.

- Rủi ro thiên tai cấp độ 3: Lượng mưa từ 100 mm đến 200 mm trong 24 giờ hoặc từ 50 mm đến 100 mm trong 12 giờ kéo dài trên 4 ngày ở khu vực trung du, miền núi; lượng mưa từ trên 200 mm đến 400 mm trong 24 giờ kéo dài từ trên 2 ngày đến 4 ngày ở khu vực trung du, vùng núi hoặc kéo dài trên 2 ngày ở khu vực đồng bằng, ven biển; lượng mưa trên 400 mm trong 24 giờ kéo dài từ 1 ngày đến 2 ngày ở khu vực trung du, vùng núi hoặc kéo dài từ 1 ngày đến 4 ngày ở khu vực đồng bằng, ven biển.

- Rủi ro thiên tai cấp độ 4: Lượng mưa từ trên 200 mm đến 400 mm trong 24 giờ kéo dài trên 4 ngày ở khu vực trung du, vùng núi; lượng mưa trên 400 mm trong 24 giờ kéo dài từ trên 2 ngày ở khu vực trung du, vùng núi hoặc kéo dài trên 4 ngày ở khu vực đồng bằng, ven biển.

d) Đối với nắng nóng

- Rủi ro thiên tai cấp độ 1: Đợt nắng nóng với nhiệt độ cao nhất trong ngày từ trên 35°C đến 39°C, kéo dài từ 3 ngày tới 25 ngày; đợt nắng nóng với nhiệt độ cao nhất trong ngày từ trên 39°C kéo dài từ 3 ngày đến 5 ngày.

- Rủi ro thiên tai cấp độ 2: Đợt nắng nóng với nhiệt độ cao nhất trong ngày từ trên 37°C đến 39°C kéo dài trên 25 ngày; đợt nắng nóng với nhiệt độ cao nhất trong ngày từ trên 39°C đến 41°C kéo dài từ trên 5 ngày đến 25 ngày; đợt nắng nóng với nhiệt độ cao nhất trong ngày trên 41°C kéo dài từ trên 5 ngày đến 10 ngày.

- Rủi ro thiên tai cấp độ 3: Đợt nắng nóng với nhiệt độ cao nhất trong ngày từ trên 39°C đến 41°C kéo dài trên 25 ngày; đợt nắng nóng với nhiệt độ cao nhất trong ngày trên 41°C kéo dài từ trên 10 ngày đến 25 ngày.

- Rủi ro thiên tai cấp độ 4: Đợt nắng nóng với nhiệt độ cao nhất trong

ngày trên 41°C kéo dài trên 25 ngày.

đ) Đối với hạn hán

- Rủi ro thiên tai cấp độ 1: Tình trạng thiếu hụt tổng lượng mưa tháng trên 50% so với trung bình nhiều năm, kéo dài từ 2 tháng đến 3 tháng và thiếu hụt nguồn nước mặt trong khu vực từ 20% đến 50% so với trung bình nhiều năm.

- Rủi ro thiên tai cấp độ 2: Tình trạng thiếu hụt tổng lượng mưa tháng trên 50% so với trung bình nhiều năm, kéo dài từ 2 tháng đến 5 tháng và thiếu hụt nguồn nước mặt trong khu vực từ trên 50% đến 70% so với trung bình nhiều năm; tình trạng thiếu hụt tổng lượng mưa tháng trên 50% so với trung bình nhiều năm, kéo dài trên 5 tháng và thiếu hụt nguồn nước mặt trong khu vực từ 20% đến 50% so với trung bình nhiều năm.

- Rủi ro thiên tai cấp độ 3: Tình trạng thiếu hụt tổng lượng mưa tháng trên 50% so với trung bình nhiều năm, kéo dài từ 2 tháng đến 3 tháng và thiếu hụt nguồn nước mặt trong khu vực trên 70% so với trung bình nhiều năm; tình trạng thiếu hụt tổng lượng mưa tháng trên 50% so với trung bình nhiều năm, kéo dài từ trên 3 tháng đến 5 tháng và thiếu hụt nguồn nước mặt trong khu vực từ trên 50% đến 70% so với trung bình nhiều năm.

- Rủi ro thiên tai cấp độ 4: Tình trạng thiếu hụt tổng lượng mưa tháng trên 50% so với trung bình nhiều năm, kéo dài trên 3 tháng và thiếu hụt nguồn nước mặt trong khu vực trên 70% so với trung bình nhiều năm.

e) Đối với lũ, ngập lụt

Sông	Vu Gia	Thu Bồn	Tam Kỳ
Rủi ro thiên tai cấp độ 1	BĐ1 - dưới BĐ2	BĐ1 - dưới BĐ2	BĐ1 - dưới BĐ2
Rủi ro thiên tai cấp độ 2	- BĐ2 - dưới BĐ3 (tại trạm Ái Nghĩa) - BĐ2 - dưới BĐ3+1m (tại trạm Hội Khách, Thành Mỹ)	- BĐ2- dưới BĐ3 (tại các trạm Giao Thủy, Câu Lâu, Hội An) - BĐ2- dưới BĐ3+1m (tại các trạm Hiệp Đức, Nông Sơn)	BĐ2 - dưới BĐ3 + 1m
Rủi ro thiên tai cấp độ 3	- BĐ3 trở lên (tại trạm Ái Nghĩa) - BĐ3+1m trở lên (tại trạm Hội Khách, Thành Mỹ)	- BĐ3 trở lên (tại các trạm Giao Thủy, Câu Lâu, Hội An) - BĐ3+1m trở lên (tại các trạm Hiệp Đức, Nông Sơn)	BĐ3+1m trở lên

- Rủi ro thiên tai cấp độ 1: Mực nước lũ cao từ báo động 1 đến dưới báo động 2 trên các sông: Vu Gia, Thu Bồn, Tam Kỳ (*tại các Trạm thủy văn: Ái Nghĩa, Câu Lâu, Hội An, Tam Kỳ, Giao Thủy, Nông Sơn, Thành Mỹ, Hội Khách, Hiệp Đức*).

Khu vực bị ảnh hưởng là các xã ven các sông Vu Gia - Thu Bồn, Tam Kỳ, Trường Giang thuộc địa bàn các địa phương: Nam Giang, Đại Lộc, Điện Bàn, Duy Xuyên, Hội An, Nông Sơn, Quế Sơn, Hiệp Đức, Tam Kỳ, Phước Sơn, Thăng Bình.

- Rủi ro thiên tai cấp độ 2:

+ Mực nước lũ cao từ báo động 2 đến dưới báo động 3 trên các sông: Vu Gia - Thu Bồn (*tại các Trạm thủy văn: Giao Thủy, Câu Lâu, Hội An*). Khu vực bị ảnh hưởng là các xã ven các sông Vu Gia, Thu Bồn thuộc địa bàn các địa phương: Đại Lộc, Điện Bàn, Duy Xuyên, Hội An.

+ Mực nước lũ cao từ báo động 2 đến dưới báo động 3 + 01m trên các sông: Vu Gia, Thu Bồn, Tam Kỳ, Trường Giang (*tại các Trạm thủy văn: Hội Khách, Thành Mỹ, Hiệp Đức, Nông Sơn, Tam Kỳ*). Khu vực bị ảnh hưởng là các xã ven các sông Vu Gia, Thu Bồn, Tam Kỳ, Trường Giang thuộc địa bàn các địa phương: Nam Giang, Nông Sơn, Quế Sơn, Hiệp Đức, Tam Kỳ, Phước Sơn, Thăng Bình, Núi Thành.

- Rủi ro thiên tai cấp độ 3:

+ Mực nước lũ cao từ mức báo động 3 trở lên trên các sông: Vu Gia, Thu Bồn, Tam Kỳ (*tại các Trạm thủy văn: Ái Nghĩa, Giao Thủy, Câu Lâu, Hội An*). Khu vực bị ảnh hưởng là các xã ven các sông Vu Gia, Thu Bồn thuộc địa bàn các địa phương: Đại Lộc, Điện Bàn, Duy Xuyên, Hội An.

+ Mực nước lũ cao từ báo động 3 + 01m trở lên trên các sông: Vu Gia, Thu Bồn, Tam Kỳ (*tại các Trạm thủy văn: Hội Khách, Thành Mỹ, Hiệp Đức, Nông Sơn, Tam Kỳ*). Khu vực bị ảnh hưởng là các xã ven các sông Vu Gia, Thu Bồn, Tam Kỳ, Trường Giang thuộc địa bàn các địa phương: Nam Giang, Nông Sơn, Quế Sơn, Hiệp Đức, Tam Kỳ, Phước Sơn, Thăng Bình, Núi Thành.

* Đối với các khu vực không có cấp báo động lũ thì căn cứ vào mực nước ngập trung bình hằng năm (MNTB) (Cấp độ 1: dưới MNTB, Cấp độ 2: MNTB, Cấp độ 3: MNTB trở lên).

g) Đối với lũ quét, sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy

- Rủi ro thiên tai cấp độ 1: Lượng mưa từ 100 mm đến 200 mm trong 24 giờ và mưa đã xảy ra trước đó từ 1 ngày đến 2 ngày ở các địa phương: Tây Giang, Nam Giang, Đông Giang, Phước Sơn, Bắc Trà My, Nam Trà My, Nông Sơn, Hiệp Đức, Tiên Phước; lượng mưa từ trên 200 mm đến 400 mm trong 24 giờ và mưa đã xảy ra trước đó trên 2 ngày tại các địa phương còn lại của tỉnh.

- Rủi ro thiên tai cấp độ 2: Lượng mưa trên 200mm đến 400 mm trong 24 giờ và mưa đã xảy ra trước đó trên 2 ngày ở các địa phương: Đông Giang, Tây Giang, Nam Giang, Bắc Trà My, Nam Trà My, Phước Sơn, Hiệp Đức, Quế Sơn,

Thăng Bình, Tiên Phước, Phú Ninh, Núi Thành, Duy Xuyên, Đại Lộc; lượng mưa từ trên 400 mm trong 24 giờ và mưa đã xảy ra trước đó trên 2 ngày tại các địa phương còn lại của tỉnh.

- Rủi ro thiên tai cấp độ 3: Lượng mưa trên 400 mm trong 24 giờ và mưa đã xảy ra trước đó trên 2 ngày ở các địa phương: Đông Giang, Tây Giang, Nam Giang, Bắc Trà My, Nam Trà My, Phước Sơn, Hiệp Đức, Quế Sơn, Thăng Bình, Tiên Phước, Phú Ninh, Núi Thành, Duy Xuyên, Đại Lộc.

h) Đối với gió mạnh trên biển

- Rủi ro thiên tai cấp độ 2: Khi có gió mạnh trên biển cấp 6 xảy ra trên vùng biển ven bờ; gió mạnh trên biển từ cấp 7 đến cấp 8 xảy ra trên vùng biển ngoài khơi. Ngoài các tàu, thuyền đang hoạt động trên biển, các khu vực dân cư ven biển, các phương tiện, tàu, thuyền neo đậu tại các khu neo đậu tránh trú được xác định có nguy cơ cao gặp nguy hiểm: Cửa Đại, Cù Lao Chàm (Hội An); Hồng Triều (Duy Xuyên); An Hoà (Núi Thành).

- Rủi ro thiên tai cấp độ 3: Khi có gió mạnh trên biển từ cấp 7 trở lên xảy ra trên vùng biển ven bờ; gió mạnh trên biển từ cấp 9 trở lên trên vùng biển ngoài khơi. Ngoài các tàu, thuyền đang hoạt động trên biển, các khu vực dân cư ven biển, các phương tiện, tàu, thuyền neo đậu tại các khu neo đậu tránh trú được xác định có nguy cơ cao gặp nguy hiểm: Cửa Đại, Cù Lao Chàm (Hội An); Hồng Triều (Duy Xuyên); An Hoà (Núi Thành).

i) Đối với xâm nhập mặn

- Rủi ro thiên tai cấp độ 1: Dự báo ranh giới độ mặn 4‰ xâm nhập sâu vào nhiều cửa sông từ 15 km đến 25 km tính từ cửa sông ảnh hưởng trực tiếp đến các khu vực như Thăng Bình, Hội An, Duy Xuyên, Điện Bàn, Núi Thành, Tam Kỳ.

- Rủi ro thiên tai cấp độ 2: Dự báo ranh giới độ mặn 4‰ xâm nhập sâu vào nhiều cửa sông từ trên 25 km đến 50 km tính từ cửa sông ảnh hưởng trực tiếp đến các khu vực như Thăng Bình, Hội An, Duy Xuyên, Điện Bàn, Núi Thành, Tam Kỳ với ranh giới độ mặn trên 4‰.

k) Đối với động đất

- Rủi ro thiên tai cấp độ 1: Cường độ chấn động từ cấp V đến cấp VI, xảy ra ở bất kỳ khu vực nào thuộc tỉnh.

- Rủi ro thiên tai cấp độ 2: Cường độ chấn động từ cấp VI đến cấp VII, xảy ra ở khu vực nông thôn, khu vực đô thị.

- Rủi ro thiên tai cấp độ 3: Cường độ chấn động từ cấp VI đến cấp VII, xảy ra ở khu vực có các hồ chứa thủy lợi, thủy điện.

- Rủi ro thiên tai cấp độ 4: Cường độ chấn động từ cấp VII đến cấp VIII, xảy ra ở khu vực đô thị hoặc khu vực có các hồ chứa thủy lợi, thủy điện.

- Rủi ro thiên tai cấp độ 5: Cường độ chấn động trên cấp VIII, xảy ra ở bất kỳ khu vực nào thuộc tỉnh.

l) Đối với sóng thần

- Rủi ro thiên tai cấp độ 1: Khi phát hiện khả năng xảy ra sóng thần có độ cao sóng dưới 2 m và cường độ sóng thần cấp VI.

- Rủi ro thiên tai cấp độ 2: Khi phát hiện khả năng xảy ra sóng thần có độ cao sóng từ 2 m đến dưới 4 m và cường độ sóng thần từ cấp VII đến cấp VIII.

- Rủi ro thiên tai cấp độ 3: Khi phát hiện khả năng xảy ra sóng thần có độ cao sóng từ 4 m đến dưới 8 m và cường độ sóng thần từ cấp IX đến cấp X..

- Rủi ro thiên tai cấp độ 4: Khi phát hiện khả năng xảy ra sóng thần có độ cao sóng từ 8 m đến dưới 16 m và cường độ sóng thần cấp XI.

- Rủi ro thiên tai cấp độ 5: Khi phát hiện khả năng xảy ra sóng thần có độ cao sóng trên 16 m và cường độ sóng thần cấp XII.

2. Đánh giá năng lực ứng phó thiên tai

a) Về chỉ đạo, chỉ huy ứng phó

- Cấp tỉnh: Để chủ động trong công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trong tình hình dịch bệnh Covid-19, UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh, Ban Chỉ đạo phòng chống dịch bệnh Covid-19 kịp thời tổ chức kiện toàn bộ máy, phân công nhiệm vụ các thành viên Ban Chỉ huy PCTT và TKCN, Ban Chỉ đạo phòng chống dịch bệnh Covid-19; ban hành các văn bản chỉ đạo tăng cường công tác phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh, ban hành Phương án ứng phó với thiên tai theo cấp độ rủi ro trong tình hình dịch Covid-19 cấp tỉnh và các kế hoạch liên quan. Ngoài ra, đối với các trận bão có nguy cơ ảnh hưởng trực tiếp đến địa bàn tỉnh hoặc các đợt mưa, lũ lớn; UBND tỉnh ban hành cụ thể các Quyết định thành lập Sở Chỉ huy tiền phương tại các khu vực có nguy cơ rủi ro thiên tai cao, trực tiếp chỉ đạo công tác phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn.

- Cấp huyện, xã:

+ Thực hiện các nội dung công việc tương tự như cấp tỉnh về: Kiện toàn tổ chức bộ máy Ban Chỉ huy PCTT và TKCN cùng cấp, Ban Chỉ đạo phòng chống dịch bệnh Covid-19; ban hành Phương án ứng phó với thiên tai theo cấp độ rủi ro trong tình hình dịch Covid-19, tổ chức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch, phương án đã ban hành;

+ Trong chỉ huy, chỉ đạo đảm bảo tính thống nhất, phân công các thành viên Ban Chỉ huy PCTT và TKCN, Ban Chỉ đạo phòng chống dịch bệnh Covid-19 đứng điểm trên từng địa bàn để chỉ đạo thực hiện tốt công tác phòng tránh và ứng phó với thiên tai, dịch bệnh;

+ Chấp hành chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, đánh giá của Ban Chỉ huy PCTT và TKCN, Ban Chỉ đạo phòng chống dịch bệnh Covid-19 cấp trên trực tiếp.

b) Về lực lượng

- Bộ máy chỉ huy, điều hành công tác phòng, chống thiên tai, dịch bệnh được tổ chức từ tỉnh đến cơ sở. Ngoài bộ máy Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh

và Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các Sở, Ban, ngành, thống kê có khoảng 1.000 cán bộ, nhân viên trực tiếp làm công tác chỉ huy, điều hành, văn phòng giúp việc tại các cấp huyện, xã.

- Lực lượng tham gia ứng phó khi có bão lụt xảy ra trên địa bàn tỉnh có khoảng 3.176 cán bộ chiến sỹ quân đội, 1.487 cán bộ chiến sỹ công an, gần 265 cán bộ chiến sỹ Bộ đội biên phòng tỉnh và khoảng 9.691 dân quân tự vệ, 11.440 thanh niên xung kích địa phương cấp xã.

- Lực lượng phòng, chống dịch bệnh Covid-19.

Ngoài ra, còn có lực lượng vũ trang chính quy của Quân khu V đóng trên địa bàn phục vụ ứng cứu dân khi cần thiết, như Sư đoàn Bộ binh 315 có khả năng hỗ trợ trên 1.000 cán bộ, chiến sỹ; Lữ đoàn Công binh 270 trên 150 cán bộ, chiến sỹ với các khí tài hiện đại (xuồng cứu hộ, xe lội nước, cầu phao...); Lữ đoàn tăng thiết giáp 574 với hơn 300 quân; Sư đoàn không quân 372 có khả năng hỗ trợ máy bay trực thăng để cứu nạn, cứu hộ và tiếp tế lương thực, thực phẩm cho dân ở vùng bị cô lập do ảnh hưởng của thiên tai...

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

c) Về vật tư, phương tiện

Phương tiện thông tin liên lạc phục vụ chỉ đạo điều hành cũng như phương tiện ứng cứu, tìm kiếm cứu nạn khi có thiên tai xảy ra nhìn chung tuy đã có nhiều cố gắng trang bị nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu, nhất là các địa phương ở miền núi.

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)

Ngoài ra, nhiều hộ gia đình vùng trũng thấp ở các huyện phía Bắc của tỉnh cũng chủ động tự mua sắm một số ghe thuyền nhỏ phục vụ cho công tác phòng, tránh thiên tai cho gia đình. Số liệu này chưa được điều tra thống kê đầy đủ, ước tính khoảng trên 1.000 chiếc.

d) Về dự trữ lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm cần thiết

Sở Công Thương, các địa phương, doanh nghiệp chủ động tổ chức dự trữ lương thực, thực phẩm và các mặt hàng thiết yếu tại các khu cách ly tập trung, trụ sở UBND cấp xã, trường học, Trung tâm Y tế, các công trình kiên cố, những vị trí an toàn,...; đối với các địa bàn, khu vực có nguy cơ bị chia cắt, cô lập khi có mưa bão, sạt lở đất đảm bảo dùng đủ trong 30 ngày trở lên.

(Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo)

PHẦN II. CƠ SỞ PHÁP LÝ, MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU CỦA PHƯƠNG ÁN

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai;
- Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19/6/2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17/6/2020;
- Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng, chống thiên tai;
- Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;
- Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai;
- Quyết định số 987/QĐ-TTg ngày 09/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai;
- Quyết định số 1857/QĐ-BTNMT ngày 29/8/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt và công bố kết quả phân vùng bão và xác định nguy cơ bão, nước dâng do bão cho khu vực ven biển Việt Nam;
- Quyết định số 2901/QĐ-BTNMT ngày 16/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố kết quả cập nhật phân kỳ bão, xác định nguy cơ bão, nước dâng do bão và phân vùng gió cho các vùng ở sâu trong đất liền khi bão mạnh, siêu bão đổ bộ;
- Quyết định số 02/QĐ-TWPCTT ngày 18/02/2020 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai ban hành Sổ tay hướng dẫn xây dựng phương án ứng phó tương ứng với cấp độ rủi ro thiên tai;
- Công văn số 60/TWPCTT ngày 11/5/2021 của Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng chống thiên tai rà soát, chủ động phương án sẵn sàng đảm bảo an toàn phòng chống thiên tai trong điều kiện dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp;
- Công văn số 76/TWPCTT ngày 30/6/2021 của Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng chống thiên tai về việc triển khai kết luận chỉ đạo tại Hội nghị trực tuyến công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2021;
- Kế hoạch số 318-KH/TU ngày 24/6/2020 của Tỉnh ủy Quảng Nam về triển khai thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai.

II. MỤC ĐÍCH

- Việc xây dựng Phương án ứng phó với thiên tai trong tình hình dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn tỉnh để chủ động các hoạt động phòng ngừa, ứng phó với thiên tai theo từng cấp độ, dịch bệnh nhằm giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản của nhân dân.

- Đảm bảo an toàn về người và tài sản của nhân dân, chủ động sơ tán dân ra khỏi vùng nguy hiểm, hạn chế thấp nhất mọi rủi ro gây ra đặc biệt là trong tình hình dịch bệnh Covid-19.

III. YÊU CẦU

- Các cấp, các ngành thực hiện có hiệu quả phương châm “Bôn tại chỗ” (chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; phương tiện, vật tư tại chỗ; hậu cần tại chỗ) và nguyên tắc “phòng ngừa chủ động, ứng phó kịp thời, khắc phục khẩn trương và hiệu quả”; hoàn thành việc di dời, sắp xếp và ổn định đời sống Nhân dân vùng thường xuyên xảy ra thiên tai.

- Bảo vệ an toàn tính mạng và tài sản của Nhân dân, tài sản của nhà nước, giữ gìn trật tự an ninh, an toàn xã hội.

- Bảo đảm an toàn cho hệ thống đê điều, hồ chứa, đặc biệt là các hồ chứa nước lớn, các hồ gần nơi khu dân cư đông đúc hoặc gần trung tâm kinh tế, văn hóa, an ninh, quốc phòng quan trọng ở hạ du công trình thủy lợi.

- Đảm bảo giao thông được thông suốt trong mọi tình huống; hoàn thành hệ thống thông tin liên lạc từ cấp tỉnh đến cấp xã (hữu tuyến, vô tuyến, di động, lực lượng hỏa tốc).

- Người dân theo dõi chặt chẽ diễn biến của thiên tai, dịch bệnh, nghiêm chỉnh chấp hành các mệnh lệnh, hướng dẫn cảnh báo của chính quyền, cơ quan chức năng; đồng thời nâng cao ý thức chủ động, tự giác tham gia cùng chính quyền, các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể ở địa phương trong công tác phòng chống, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai.

- Tổ chức triển khai công tác phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn phải gắn với việc đảm bảo các biện pháp phòng, chống dịch bệnh Covid-19 cho lực lượng thực hiện nhiệm vụ và Nhân dân.

PHẦN III. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN

I. MỤC TIÊU

- Chuẩn bị, sẵn sàng ứng phó kịp thời với các tình huống thiên tai trong bối cảnh dịch bệnh đảm bảo an toàn người dân trước thiên tai, dịch bệnh và hỗ trợ thực hiện mục tiêu kép của Chính phủ.

- Tạo sự chủ động tham gia, phối hợp giữa các ngành, địa phương với các cơ quan, lực lượng phòng chống dịch bệnh trong việc thực hiện các hoạt động phòng chống thiên tai, phòng chống dịch.

- Huy động các nguồn lực để chủ động ứng phó có hiệu quả trước mọi tình huống thiên tai có thể xảy ra trong phạm vi quản lý, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại về người, tài sản, tài nguyên thiên nhiên, môi trường, di sản văn hóa, cơ sở hạ tầng và các công trình trọng yếu do thiên tai có thể gây ra, góp phần quan trọng phát triển bền vững kinh tế - xã hội của ngành và địa phương.

- Các đơn vị, địa phương trên địa bàn được phân công, chủ động xây dựng phương án ứng phó để làm cơ sở xây dựng phương án ứng phó thiên tai ở cấp cao hơn nhằm ứng phó kịp thời, đạt hiệu quả với từng tình huống cụ thể do thiên tai gây ra.

- Đảm bảo an toàn về người và tài sản của Nhân dân, chủ động sơ tán dân ra khỏi vùng nguy hiểm, hạn chế thấp nhất mọi rủi ro gây ra.

- Bảo vệ các công trình quan trọng về an ninh Quốc gia, phòng, chống thiên tai, công trình trọng điểm trên địa bàn được phân công, đảm bảo các công trình giao thông, thông tin liên lạc hoạt động thông suốt.

- Bảo đảm an ninh trật tự vùng bị thiên tai.

II. PHƯƠNG CHÂM ỨNG PHÓ VỚI THIÊN TAI

Ứng phó nhanh, kịp thời, hiệu quả; có sự chỉ đạo, chỉ huy, triển khai thực hiện thống nhất, đồng bộ, xuyên suốt, phối hợp chặt chẽ giữa các cấp chính quyền địa phương, đơn vị và người dân nhằm đảm bảo được các mục tiêu đã đặt ra.

III. PHƯƠNG ÁN ỨNG PHÓ VỚI CÁC LOẠI HÌNH THIÊN TAI TƯƠNG ỨNG THEO CÁC CẤP ĐỘ RỦI RO THIÊN TAI

1. Công tác chỉ đạo, chỉ huy phòng tránh, ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn

a) Ứng phó ATNĐ, bão

a1) Đối với rủi ro ATNĐ, bão cấp độ 3

- Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh:

Ban hành theo thẩm quyền hoặc tham mưu cho Trưởng Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh, UBND tỉnh các Công điện, văn bản chỉ đạo các địa phương, đơn vị tổ chức phòng, tránh bão, ATNĐ;

Phối hợp với Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, UBND các huyện, thành phố ven biển, đảo thống kê các phương tiện, tàu, thuyền đang hoạt động trên biển, báo cáo Trung ương, tỉnh để chỉ đạo;

Phối hợp Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Sở Ngoại vụ tham mưu UBND tỉnh ban hành văn bản đề nghị Cục Lãnh sự Bộ Ngoại giao can thiệp trong các trường hợp tàu, thuyền của tỉnh cần vào các đảo hoặc lãnh thổ nước bạn để tránh, trú ATNĐ, bão.

- Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh:

Chỉ đạo các Đai canh TKCN trực thuộc phối hợp cùng các gia đình chủ tàu thống kê, rà soát, kiểm đếm kỹ số lượng phương tiện, tàu, thuyền của tỉnh. Cần chú ý, các phương tiện, tàu, thuyền ở khu vực ảnh hưởng của bão, ATNĐ hoặc gió mạnh, hướng dẫn, yêu cầu phải quay vào bờ hoặc di chuyển tránh trú bão;

Thông kê danh sách các tàu, thuyền hoạt động trong khu vực nguy hiểm, báo cáo Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh để theo dõi, chỉ đạo.

- Sở Giáo dục và Đào tạo:

Theo dõi thông tin diễn biến của ATNĐ, bão và các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh để chủ động cho học sinh, sinh viên nghỉ học trong thời gian bị ảnh hưởng của ATNĐ, bão.

- Sở Thông tin và Truyền thông:

Chỉ đạo công tác đảm bảo kết nối thông tin liên lạc thông suốt phục vụ công tác chỉ đạo điều hành ứng phó ATNĐ, bão, tổ chức thông tin tuyên truyền, nhấn tin về công tác ứng phó ATNĐ, bão đến người dân.

- UBND, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các huyện, thị xã, thành phố

Các huyện, thị xã, thành phố ven biển phối hợp với các Đồn Biên phòng của Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, gia đình các chủ tàu, rà soát, thống kê cụ thể các tàu, thuyền của địa phương đang hoạt động trên biển. Theo dõi chặt chẽ thông tin diễn biến bão, ATNĐ. Sử dụng tất cả các phương tiện thông tin liên lạc hiện có thông báo cho các chủ phương tiện, tàu, thuyền biết về diễn biến của bão, ATNĐ để chủ động phòng, tránh;

Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan Khí tượng thủy văn, thông tấn, báo chí thường xuyên cung cấp thông tin về diễn biến bão, ATNĐ đến các địa phương và nhân dân để chủ động phòng tránh.

a2) Đối với rủi ro ATNĐ, bão cấp độ 4

Ngoài nội dung được triển khai như ATNĐ, bão cấp độ 3, các địa phương, đơn vị triển khai các biện pháp sau:

- Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh:

Tham mưu UBND tỉnh thành lập Ban Chỉ huy tiên phương tại địa bàn có nguy cơ bão đổ bộ;

Tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh ban hành các Công điện, văn bản chỉ đạo công tác phòng, chống bão, ATNĐ;

Tham mưu Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh chỉ đạo chủ các hồ chứa nước thủy lợi, thủy điện triển khai phương án PCTT đảm bảo an toàn đập và an toàn cho nhân dân vùng hạ du công trình; chú trọng đến các hồ chứa, công trình đê điều xung yếu;

Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan khí tượng thủy văn, thông tấn, báo chí thường xuyên cung cấp thông tin về diễn biến bão, ATNĐ đến các địa phương và nhân dân để chủ động phòng tránh;

Phối hợp với các địa phương rà soát, thống kê cụ thể số lượng người cần di dời, sơ tán, báo cáo Trung ương, tỉnh để chỉ đạo;

Phối hợp cùng Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh triển khai lực lượng, phương tiện hỗ trợ chính quyền các địa phương và nhân dân tổ chức phòng, tránh bão, ATNĐ.

- Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh:

Triển khai các biện pháp kêu gọi, hướng dẫn tàu thuyền khẩn trương di chuyển tránh, trú bão, ATNĐ; đảm bảo an toàn cho người, tàu thuyền tại nơi neo đậu;

Sẵn sàng phương tiện, lực lượng để hỗ trợ chính quyền địa phương và nhân dân trong việc phòng, tránh bão, ATNĐ khi có yêu cầu của UBND tỉnh hoặc Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh.

- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh:

Sẵn sàng phương tiện, lực lượng để hỗ trợ chính quyền địa phương và nhân dân trong việc phòng, tránh bão, ATNĐ khi có yêu cầu của UBND tỉnh hoặc Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh;

Chủ trì, phối hợp cùng các địa phương, đơn vị liên quan trong việc tổ chức cứu hộ, cứu nạn nhân dân vùng thiên tai;

Sẵn sàng lực lượng, phương tiện hỗ trợ các đơn vị liên quan ứng phó sự cố công trình hồ chứa thủy lợi, thủy điện, đê điều.

- Công an tỉnh:

Triển khai lực lượng đảm bảo tình hình ANTT trên địa bàn tỉnh; tổ chức chốt chặn, hướng dẫn người, phương tiện qua lại tại các khu vực ngầm, tràn đảm bảo an toàn. Chủ động cấm người, phương tiện qua lại tại các khu vực bị ngập sâu, nước chảy xiết; cấm các phương tiện thuyền, đò lưu thông trên sông khi có lũ;

Sẵn sàng phương tiện, lực lượng hỗ trợ chính quyền địa phương và Nhân dân trong việc phòng, tránh bão, ATNĐ; tham gia ứng cứu sự cố các công trình thủy lợi, thủy điện, đê điều,... khi có yêu cầu của Chủ tịch UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh.

- UBND, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các huyện, thành phố:

Tổ chức PCTT và TKCN theo phương án đã được lập. Trong đó cần chú ý

các nội dung sau:

Tổ chức sơ tán dân tại những khu vực vùng ven biển, trũng, thấp, vùng thường xuyên bị ngập sâu, vùng nguy cơ sạt lở đất, núi, bờ sông, bờ biển;

Nghiên cứu các mẫu nhà, chòi chống bão, chống lũ phù hợp với đặc điểm từng vùng chịu ảnh hưởng khi xảy ra các loại hình thiên tai: bão, ngập lụt, sạt lở,... đảm bảo an toàn sơ tán Nhân dân khi xảy ra trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19, thực hiện giãn cách xã hội;

Thông báo thường xuyên tình hình diễn biến thiên tai đến từng cộng đồng dân cư (kể cả truyền thanh lưu động). Trong bất cứ trường hợp nào cũng phải đảm bảo Nhân dân nhận được thông tin về diễn biến thiên tai;

Sẵn sàng lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm, thuốc men cần thiết để cứu trợ Nhân dân trong vùng;

Chuẩn bị lực lượng, phương tiện của địa phương và hỗ trợ Nhân dân vùng thiên tai trong việc di dời, sơ tán phòng, tránh thiên tai;

Chỉ đạo các cơ quan, trường học, trạm y tế tại địa phương tạo điều kiện cho Nhân dân đến trú, tránh thiên tai;

Phối hợp với các đơn vị liên quan trên địa bàn tổ chức thực hiện phương án bảo vệ công trình đê điều, hồ, đập thủy lợi, thủy điện; đặc biệt là các công trình xuống cấp, xung yếu, các công trình đang thi công dở dang.

Tổ chức khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra;

Tổng hợp tình hình thiệt hại tại địa phương, báo cáo UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh.

- Các Sở, ngành, Hội, đoàn thể tỉnh:

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, tổ chức phòng, chống bão, ATNĐ cho cơ quan, đơn vị mình. Huy động lực lượng, hỗ trợ các địa phương, đơn vị phòng, tránh và khắc phục hậu quả thiên tai.

a3) Đối với rủi ro bão cấp độ 5

- Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh:

Phối hợp chặt chẽ với Đài Khí tượng thủy văn tỉnh theo dõi diễn biến bão;

Xác định khu vực nguy cơ bão đổ bộ, mực nước dâng do bão làm cơ sở trong việc di dời, sơ tán dân;

Tham mưu UBND tỉnh thành lập Sở Chỉ huy tiền phương tại địa phương có nguy cơ bão đổ bộ để điều hành trực tiếp công tác phòng, chống bão;

Tham mưu UBND tỉnh huy động tối đa nguồn lực hiện có hoặc đề xuất Trung ương hỗ trợ tỉnh để thực hiện công tác phòng, chống bão mạnh, siêu bão;

Thực hiện các nội dung công tác khác như ATNĐ, bão cấp độ 3 nêu trên.

- Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh, các Hội đoàn thể:

Triển khai thực hiện các nội dung như với ANTD, bão cấp độ 4. Riêng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh tổ chức bổ sung các nội dung sau:

Tạo điều kiện cho nhân dân vào trú ẩn tại các doanh trại quân đội trên địa bàn;

Đề nghị các lực lượng quân đội của Bộ Quốc phòng và Quân khu 5 đóng trên địa bàn tỉnh hỗ trợ chính quyền địa phương và Nhân dân phòng, chống bão.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố:

Chỉ đạo, tổ chức sơ tán nhân dân đến các vị trí an toàn. Các vị trí an toàn được khuyến khích bao gồm: Nhà kiên cố, trụ sở, cơ quan, trạm y tế kiên cố, hầm tránh bão,...;

Các khu vực phải tổ chức di dời bao gồm: Các xã ven biển, nhà dân không kiên cố, các khu vực dân cư nằm vùng trũng, thấp, ven sông, suối, hạ du các hồ chứa;

Thường xuyên cập nhật tình hình di dời, sơ tán dân tại địa phương, báo cáo tỉnh để biết, hỗ trợ trong các tình huống cấp bách.

Nghiên cứu các mẫu nhà, chòi chống bão, chống lũ phù hợp với đặc điểm từng vùng chịu ảnh hưởng khi xảy ra các loại hình thiên tai: bão, ngập lụt, sạt lở,... đảm bảo an toàn sơ tán Nhân dân khi xảy ra trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19, thực hiện giãn cách xã hội.

- Các Sở, Ban, ngành:

Tổ chức chằng, chống, gia cố trụ sở, triển khai phương án PCTT tại đơn vị;

Sẵn sàng lực lượng, trang thiết bị, phương tiện của đơn vị tham gia hỗ trợ các địa phương tổ chức và khắc phục hậu quả thiên tai khi có yêu cầu từ UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh.

- Cứu hộ, cứu nạn trên biển

Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh (Cơ quan thường trực tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn trên biển, hải đảo) tổ chức thực hiện nghiêm túc các nội dung sau:

Khi nhận được tin thiên tai, tai nạn, yêu cầu người báo tin cung cấp thông tin: Thời gian, vị trí (tọa độ hoặc khu vực) xảy ra tai nạn; tên phương tiện; thuyền trưởng; số người trên tàu; lý do bị nạn; hậu quả ban đầu; điều kiện thời tiết sóng, gió ở khu vực bị nạn; tần số, thời gian các phiên liên lạc; số điện thoại, địa chỉ của thuyền trưởng, chủ tàu; đề nghị, yêu cầu của thuyền trưởng;

Chỉ đạo thông tin TKCN của đơn vị phối hợp với Đài thông tin duyên hải miền Trung, gia đình chủ tàu, thuyền trưởng giữ liên lạc với tàu bị nạn, đồng thời phát thông báo tàu bị nạn và huy động những tàu thuyền đang hoạt động gần khu vực tham gia cứu nạn;

Kịp thời báo cáo tình hình tai nạn về Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng và Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh chỉ đạo;

Chỉ thị cho các Đoàn Biên phòng sẵn sàng lực lượng, phương tiện cơ động cứu hộ, cứu nạn khi có lệnh, đồng thời thông báo cho các lực lượng chức năng (Trung tâm phối hợp Hàng hải khu vực, Hải quân, Cảnh sát biển, Biên phòng các

tỉnh lân cận) sẵn sàng lực lượng, phương tiện phối hợp tham gia cứu hộ, cứu nạn;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm khu vực được phân công và điều kiện khả năng cho phép tham mưu Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh điều động, huy động lực lượng, phương tiện từ bờ ra cứu hộ, cứu nạn. Trường hợp không có khả năng hoặc không thuộc phạm vi địa bàn phụ trách kịp thời báo cáo Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh đề nghị Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và TKCN điều động lực lượng, phương tiện ra cứu hộ, cứu nạn;

Phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể, chính quyền địa phương chuẩn bị mọi mặt thường trực tại bên để tiếp nhận, chăm sóc y tế ban đầu, chuyển nạn nhân nặng đến cơ sở y tế cấp cứu, điều trị;

Trường hợp chưa tổ chức lực lượng phương tiện cơ động ra hiện trường TKCN, nhưng qua hệ thống thông tin liên lạc phát hiện trên tàu bị nạn có người bị thương, chỉ đạo quân y đơn vị sử dụng máy trực canh TKCN để thăm khám, hướng dẫn những người trên tàu sơ cứu, điều trị ban đầu cho nạn nhân. Qua máy thông tin hướng dẫn thuyền trưởng đưa nạn nhân vào nơi gần nhất, có điều kiện để cấp cứu và thường xuyên giữ liên lạc với trạm canh của Bộ đội biên phòng để xử lý các tình huống;

Kết thúc vụ việc, tổng hợp báo cáo Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, UBND tỉnh theo quy định.

- Vị trí neo đậu, sức chứa của các cảng neo trú tàu, thuyền

Hiện, trên địa bàn tỉnh có 11 khu neo đậu cho các tàu, thuyền tránh trú bão với công suất từ 15CV đến 300CV.

(Chi tiết tại Phụ lục IV kèm theo)

b) Ứng phó với lũ, ngập lụt

b1) Đối với rủi ro lũ, ngập lụt cấp độ 1

- Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh

Tham mưu ban hành các Công điện, văn bản chỉ đạo các địa phương tổ chức phòng, tránh lũ;

Tham mưu cho Trưởng Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh chỉ đạo các hồ chứa thủy điện trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn thực hiện theo quy trình vận hành liên hồ chứa đã ban hành.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Theo dõi, chỉ đạo các chủ hồ, đập thủy lợi thực hiện nghiêm quy trình, chế độ vận hành công trình và kiểm soát chặt chẽ bảo đảm an toàn công trình, vùng hạ du, sẵn sàng các điều kiện cần thiết để ứng phó sự cố có thể xảy ra;

Tổng hợp thông tin, báo cáo của chủ các công trình thủy lợi để tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh chỉ đạo phòng, chống lũ cho công trình và vùng hạ du.

- Sở Công Thương

Theo dõi, chỉ đạo các chủ hồ, đập thủy điện thực hiện nghiêm quy trình, chế độ vận hành công trình và kiểm soát chặt chẽ bảo đảm an toàn công trình, sẵn sàng các điều kiện cần thiết để ứng phó sự cố có thể xảy ra;

Tổng hợp thông tin, báo cáo của chủ các công trình thủy điện để phối hợp tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh chỉ đạo phòng, chống thiên tai, xử lý các sự cố công trình thủy điện do mưa, lũ gây ra.

- Sở Tài nguyên và Môi trường

Phối hợp với Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh theo dõi, tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh chỉ đạo thực hiện quy trình vận hành liên hồ chứa.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố

Các địa phương thuộc lưu vực các sông Vu Gia - Thu Bồn, Tam Kỳ: Rà soát các khu vực dân cư vùng trũng, thấp, khu vực có nguy cơ cao bị sạt lở đất, núi, bờ sông. Tổ chức di dời, sơ tán dân tương ứng cấp độ lũ, lụt;

Các huyện miền núi: Kiểm tra, rà soát các khu vực dân cư ven sông, suối, khu vực có nguy cơ cao bị sạt lở núi. Tổ chức di dời, sơ tán dân; các vị trí an toàn được xác định chủ yếu là trụ sở cơ quan, trường học, cơ sở y tế hoặc nhà dân nơi cao ráo, không bị ảnh hưởng của lũ, sạt lở đất.

b2) Đối với rủi ro lũ, ngập lụt cấp độ 2, 3

Từ mức rủi ro thiên tai cấp độ 2, hầu hết các địa phương trên địa bàn tỉnh bị ảnh hưởng. Trong đó, phải chú ý mức ngập lụt tại các xã, phường, thị trấn vào trận lũ lịch sử năm 2009 để làm căn cứ sơ tán dân.

- Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh

Tham mưu UBND tỉnh, Trưởng Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh ban hành Công điện chỉ đạo phòng, tránh lũ. Trong đó cần chú ý đến các nội dung: sơ tán dân, an toàn hồ chứa thủy lợi, thủy điện, giao thông trước, trong và sau lũ;

Cập nhật thường xuyên tình hình sơ tán dân tại các địa phương, báo cáo kịp thời cho Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTT, Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và TKCN, UBND tỉnh để hỗ trợ trong các tình huống cấp bách;

Theo dõi tình hình vận hành các hồ chứa thủy lợi, thủy điện trên địa bàn tỉnh. Kiểm tra việc thực hiện Quy trình vận hành liên hồ đối với hồ thủy điện trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn;

Phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh tham mưu UBND tỉnh thành lập các Đoàn công tác chỉ đạo phòng, chống và khắc phục lũ tại các địa phương;

Phối hợp cùng các Hội, đoàn thể tỉnh trong việc cung cấp tình hình thiệt hại do lũ gây ra làm cơ sở cho công tác kêu gọi cộng đồng, doanh nghiệp trong và ngoài nước hỗ trợ nhân dân khắc phục hậu quả.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Theo dõi, chỉ đạo các chủ hồ, đập thủy lợi thực hiện nghiêm quy trình, chế

độ vận hành công trình và kiểm soát chặt chẽ bảo đảm an toàn công trình, sẵn sàng các điều kiện cần thiết để ứng phó sự cố có thể xảy ra;

Tổng hợp thông tin, báo cáo của chủ các công trình thủy lợi để tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh chỉ đạo phòng, chống lũ cho công trình, vùng hạ du công trình và các tình huống sự cố khẩn cấp.

- Sở Công Thương

Theo dõi, chỉ đạo các chủ hồ, đập thủy điện thực hiện nghiêm quy trình, chế độ vận hành công trình và kiểm soát chặt chẽ bảo đảm an toàn công trình, sẵn sàng các điều kiện cần thiết để ứng phó sự cố có thể xảy ra;

Tổng hợp thông tin, báo cáo của chủ các công trình thủy điện để phối hợp tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh chỉ đạo phòng, chống thiên tai, xử lý các sự cố công trình thủy điện do mưa, lũ gây ra.

- Sở Tài nguyên và Môi trường

Phối hợp với Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh theo dõi, tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh chỉ đạo thực hiện quy trình vận hành liên hồ chứa.

- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh

Huy động tối đa lực lượng, phương tiện của đơn vị hỗ trợ chính quyền các địa phương và nhân dân phòng, chống lũ.

- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh

Phối hợp với Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh, Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh cập nhật thông tin, diễn biến mưa, lũ cung cấp thường xuyên cho nhân dân được biết, chủ động phòng, tránh.

- Sở Thông tin và Truyền thông

Đảm bảo kết nối thông tin liên lạc trong mọi tình huống phục vụ công tác chỉ đạo ứng phó mưa, lũ.

- Sở Giáo dục và Đào tạo

Theo dõi thông tin diễn biến của lũ, ngập lụt và các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh để chủ động cho học sinh, sinh viên nghỉ học trong thời gian bị ảnh hưởng của lũ, ngập lụt.

- Sở Xây dựng

Chủ trì, tham mưu thiết kế các mẫu nhà, chòi chống bão, chống lũ phù hợp với đặc điểm từng vùng chịu ảnh hưởng khi xảy ra các loại hình thiên tai: bão, ngập lụt, sạt lở,... đảm bảo an toàn sơ tán Nhân dân khi xảy ra trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19, thực hiện giãn cách xã hội.

- Các Sở, ngành, Hội đoàn thể tỉnh

Huy động lực lượng, phương tiện của đơn vị tham gia cùng chính quyền

và nhân dân các địa phương phòng, chống và khắc phục hậu quả lũ, ngập lụt.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố

Tổ chức di dời, sơ tán hết nhân dân tại nơi ngập sâu (kể cả nhân dân vùng hạ du các hồ chứa thủy lợi, thủy điện), khu dân cư có nguy cơ bị sạt lở núi;

Nghiên cứu các mẫu nhà, chòi chống bão, chống lũ phù hợp với đặc điểm từng vùng chịu ảnh hưởng khi xảy ra các loại hình thiên tai: bão, ngập lụt, sạt lở,... đảm bảo an toàn sơ tán Nhân dân khi xảy ra trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19, thực hiện giãn cách xã hội;

Kiểm tra, kiểm soát giao thông trên các tuyến đường trong và sau lũ;

Cứu trợ Nhân dân vùng thiên tai;

Thường xuyên cập nhật tình hình thiên tai và thiệt hại ban đầu tại địa phương, báo cáo UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh.

Chỉ đạo các Đài Truyền thanh - Truyền hình tiếp nhận các thông tin từ Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh hoặc cập nhật thông tin từ Ban Chỉ huy PCTT và TKCN địa phương thường xuyên thông báo cho Nhân dân được biết. Tuyệt đối không để Nhân dân không tiếp cận được thông tin diễn biến lũ, lụt;

Huy động lực lượng, phương tiện phối hợp với các chủ công trình, hỗ trợ ứng cứu sự cố công trình khi có đề nghị;

Tổ chức khắc phục thiệt hại sau lũ, ngập lụt tại các khu vực bị thiệt hại. Báo cáo đề xuất hỗ trợ trong các tình huống vượt khả năng của địa phương.

c) Ứng phó dông, lốc, sét

Đối với rủi ro dông, lốc, sét xảy ra cấp độ 1, 2, UBND, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các cấp chủ động tổ chức triển khai thực hiện một số nội dung sau:

c1) Công tác tổ chức phòng, tránh và ứng phó

- Trên đất liền

Tổ chức tập huấn tuyên truyền các biện pháp, kỹ năng phòng tránh khi xảy ra dông, lốc sét;

Thường xuyên kiểm tra, chằng chống nhà cửa để tăng độ vững chắc. Ở các vùng ven biển, cửa sông, ven sông nơi trồng trái, nếu nhà ở lợp bằng lá, tôn tráng kẽm, fibroximăng, ngói có thể dẫn lên mái nhà các loại thanh nẹp bằng gỗ, sắt, dây kẽm cỡ lớn hoặc các bao chứa cát để hạn chế tốc mái khi có dông gió, lốc, sét;

Chặt tỉa cành, nhánh của các cây cao, dễ gãy đổ, cây nằm gần nhà ở, lưới điện...; kiểm tra mức độ an toàn, vững chắc của các biển quảng cáo, pa nô, áp phích; các khu vực nhà lá, nhà tạm bợ và các dàn giáo của công trình cao tầng đang thi công;

Khi có mưa kèm theo dông, cần sơ tán người già và trẻ em ra khỏi những căn nhà tạm bợ, đến những nơi an toàn, vững chắc hơn; tránh núp dưới bóng

cây, trú ẩn trong nhà tạm bợ dễ bị ngã đổ gây tai nạn;

Thường xuyên theo dõi tình hình thời tiết, thiên tai trên các phương tiện thông tin đại chúng để kịp thời có biện pháp phòng, tránh và ứng phó hiệu quả.

- Trên sông, biển

Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Chi cục Thủy sản thông báo, yêu cầu và kiểm tra các chủ phương tiện tàu thuyền hoạt động trên biển đảm bảo các yêu cầu sau:

Toàn bộ thủy thủ, thuyền viên phải mặc áo phao và chuẩn bị đầy đủ phao cứu sinh trên thuyền khi đang ở trên sông, trên biển;

Khi thấy mây dông thì phải nhanh chóng trở vào bờ hoặc di chuyển tìm nơi tránh, trú an toàn;

Tổ chức hợp lý đội hình khai thác trên biển theo tổ, nhóm, trong đó đảm bảo cự ly, khoảng cách hợp lý giữa các tàu thuyền kịp thời hỗ trợ nhau khi gặp nạn;

Thường xuyên kiểm tra hệ thống, thiết bị thông tin liên lạc, đảm bảo luôn hoạt động hiệu quả để kịp thời thông báo cho cơ quan chức năng khi gặp sự cố, tình huống nguy hiểm, bất lợi.

c2) Công tác tổ chức khắc phục hậu quả

Sau khi xảy ra dông gió, lốc, sét, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ khẩn trương huy động lực lượng, phương tiện, vật tư, thiết bị để nhanh chóng xử lý sự cố, khắc phục hậu quả thiên tai, trong đó tập trung một số công việc cấp thiết:

Khẩn trương cứu nạn, cứu hộ người và tài sản;

Chủ động tiến hành cắt điện cục bộ tại nơi xảy ra sự cố ngay khi phát hiện tình trạng mất an toàn trong vận hành lưới điện do bị ảnh hưởng của dông gió, lốc, sét. Sau khi khắc phục, sửa chữa và đảm bảo chắc chắn an toàn của hệ thống điện thì phải khôi phục lại ngay việc cung cấp điện cho khu vực để Nhân dân ổn định sinh hoạt và sản xuất;

Khẩn trương sửa chữa gia cố công trình, nhà ở dân cư bị hư hỏng, thu dọn cây xanh bị ngã đổ và xử lý vệ sinh môi trường theo quy định;

Khắc phục các sự cố tàu thuyền bị đánh chìm, trôi dạt, hư hỏng và tổ chức tìm kiếm người, tàu thuyền bị mất liên lạc;

Kịp thời cứu trợ các cá nhân, hộ gia đình bị thiệt hại sau thiên tai;

Thống kê, đánh giá thiệt hại và đề xuất các biện pháp khôi phục sản xuất, kinh doanh, ổn định đời sống cho nhân dân.

c3) Công tác báo cáo, thống kê thiệt hại

UBND, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN cấp huyện, xã tổ chức đến hiện trường khi trên địa bàn xảy ra dông gió, lốc, sét gây ra; thống kê, báo cáo, thông tin kịp thời mọi tình huống xấu về Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh để kịp thời

chỉ đạo, hỗ trợ khi cần thiết.

d) Ứng phó lũ quét, sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy

d1) Công tác phòng ngừa

Chỉ đạo lập quy hoạch phân vùng có nguy cơ sạt lở đất;

Chỉ đạo, kiểm tra rà soát hiện trạng các vùng dân cư, ngăn chặn việc xây mới và có kế hoạch di chuyển dân ra khỏi vùng bãi bồi, ven sông, suối, vùng sườn đồi, núi, vùng ven taluy đường giao thông có nguy cơ sạt lở. Nghiêm cấm việc san lấp sông suối và đổ chất thải rắn làm ảnh hưởng đến tiêu thoát lũ;

Xây dựng hệ thống cảnh báo, biển báo đối với vùng có nguy cơ bị sạt lở đất;

Tăng cường các biện pháp tuyên truyền, giáo dục và phổ biến kiến thức về phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai để nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và cộng đồng dân cư.

d2) Công tác ứng phó

Chỉ đạo, thực hiện công tác trực ban, theo dõi chặt chẽ diễn biến của mưa lũ;

Chỉ đạo các đơn vị sẵn sàng lực lượng để cứu hộ cứu nạn khi có yêu cầu;

Triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo của UBND, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN cấp trên về phòng, tránh sạt lở đất;

Thông báo cho nhân dân biết về tình hình mưa lớn, các sự cố có thể xảy ra do mưa lớn để chủ động di chuyển ra khỏi các vùng có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất như: Đồi dốc, chân vách đá, bờ bãi thấp ven sông suối, trên đường đi của dòng chảy lũ, các chân taluy dễ bị sạt lở...;

Triển khai lực lượng dân quân tự vệ, xung kích cấp xã kiểm tra, rà soát, chốt chặn, cắm biển cảnh báo... tại các khu vực ngầm tràn, vùng trũng thấp, sườn đồi núi, khu dân cư nằm sâu trong núi,...; hỗ trợ, di dời dân đến nơi an toàn trước khi xảy ra lũ quét hoặc sạt lở đất. Chú ý ưu tiên sơ tán trước các đối tượng dễ bị tổn thương: người già, phụ nữ, trẻ em, người tàn tật...; thực hiện hoạt động tìm kiếm, cứu nạn người bị vùi lấp, mất tích; cứu chữa người bị thương, hỗ trợ lương thực, thuốc chữa bệnh, nước uống và nhu yếu phẩm khác tại khu vực bị sạt lở; hỗ trợ chỗ ở cho những hộ bị mất nhà ở do lũ quét, sạt lở đất gây ra.

d3) Công tác khắc phục

Tăng cường cán bộ trực tiếp đến hiện trường các điểm xảy ra sự cố để xử lý, khắc phục hậu quả;

Tổ chức khắc phục các sự cố về hệ thống thông tin liên lạc, giao thông; dọn dẹp vệ sinh môi trường; thực hiện cứu hộ, cứu nạn đối với người, công trình và cơ sở hạ tầng khu vực bị thiệt hại;

Báo cáo kịp thời các sự cố sạt lở đất đến UBND, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN cấp trên để chỉ đạo;

Thông kê, báo cáo, thông tin kịp thời mọi tình huống xấu về UBND, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN cấp trên để kịp thời chỉ đạo, hỗ trợ khi cần thiết.

e) Ứng phó gió mạnh trên biển

- Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh:

Ban hành theo thẩm quyền hoặc tham mưu Trưởng Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh, UBND tỉnh các Công điện, văn bản chỉ đạo các địa phương ven biển tổ chức phòng, tránh gió mạnh trên biển;

Phối hợp với Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố ven biển thống kê các phương tiện, tàu, thuyền đang hoạt động trên biển, báo cáo Trung ương, tỉnh để chỉ đạo;

Phối hợp Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Sở Ngoại vụ tham mưu UBND tỉnh ban hành văn bản đề nghị Cục Lãnh sự Bộ Ngoại giao can thiệp trong các trường hợp tàu, thuyền của tỉnh cần vào các đảo hoặc lãnh thổ nước bạn để tránh, trú gió mạnh trên biển.

- Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh

Chỉ đạo các Đồn Biên phòng trực thuộc phối hợp cùng các gia đình chủ tàu thống kê, rà soát, kiểm đếm kỹ số lượng phương tiện, tàu, thuyền của tỉnh. Cần chú ý, các phương tiện, tàu, thuyền ở khu vực có gió mạnh, hướng dẫn, yêu cầu phải quay vào bờ hoặc di chuyển tránh gió;

Thống kê danh sách các tàu, thuyền hoạt động trong khu vực nguy hiểm, báo cáo Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh để theo dõi, chỉ đạo.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố ven biển

Phối hợp với các Đồn Biên phòng của Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, gia đình các chủ tàu, rà soát, thống kê cụ thể các tàu, thuyền của địa phương đang hoạt động trên biển. Theo dõi chặt chẽ thông tin diễn biến của gió mạnh trên biển. Sử dụng tất cả các phương tiện thông tin liên lạc hiện có thông báo cho các chủ phương tiện, tàu, thuyền biết về diễn biến của gió mạnh để chủ động phòng, tránh;

Phối hợp với các Đồn Biên phòng tổ chức, hướng dẫn neo đậu tàu thuyền an toàn để tránh gió mạnh.

g) Ứng phó xâm nhập mặn

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Thường xuyên theo dõi, giám sát, chỉ đạo các địa phương, đơn vị về công tác chống xâm nhập mặn trên địa bàn tỉnh;

Chủ trì làm việc với các Nhà máy thủy điện trên thượng nguồn lập kế hoạch và thống nhất chế độ điều tiết xả nước qua phát điện hợp lý nhằm bổ sung dòng chảy kiệt trên hệ thống sông Vu Gia - Thu Bồn;

Phối hợp với Sở Tài chính kiểm tra hồ sơ chống xâm nhập mặn của các

địa phương, đơn vị trình UBND tỉnh xem xét, quyết định cấp hỗ trợ kinh phí;

Tổ chức xây dựng và trình UBND tỉnh phê duyệt phương án phòng, chống xâm nhập mặn trên bàn toàn tỉnh;

Đôn đốc Phòng Nông nghiệp và PTNT (Phòng kinh tế) các huyện, thị xã, thành phố và Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Quảng Nam lập phương án và biện pháp phòng, tránh xâm nhập mặn;

Phê duyệt phương án phòng chống xâm nhập mặn do Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Quảng Nam lập;

Thông kê, tổng hợp, báo cáo đề xuất kinh phí hỗ trợ cho các địa phương, đơn vị để phòng, chống xâm nhập mặn.

- Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu UBND tỉnh hỗ trợ một phần kinh phí cho các địa phương, đơn vị theo phương án phòng, chống xâm nhập mặn theo quyết định phê duyệt của UBND tỉnh.

- UBND huyện, thị xã, thành phố

Tăng cường công tác theo dõi, chỉ đạo UBND các xã, HTX và các đơn vị quản lý công trình thủy lợi trên địa bàn triển khai thực hiện kịp thời, tiết kiệm, hiệu quả các biện pháp công trình phòng, chống nhiễm mặn phục vụ sản xuất nông nghiệp và nguồn nước sinh hoạt cho Nhân dân.;

Tổ chức xây dựng phương án phòng, chống xâm nhập mặn cụ thể trên địa bàn;

Chỉ đạo các bộ phận có liên quan kiểm tra, thẩm tra hồ sơ quyết toán kinh phí chống xâm nhập mặn hằng năm;

Đối với những trạm bơm có nguồn nước bị nhiễm mặn, tăng cường theo dõi chặt chẽ lịch thủy triều, quan trắc thường xuyên độ mặn để bơm lách triều, tuyệt đối không được vận hành bơm nước có nồng độ mặn lớn hơn 0,8‰ vào đồng ruộng;

Báo cáo tình hình phòng, chống nhiễm mặn về Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn biết để chỉ đạo.

- Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Quảng Nam

Xây dựng công trình chống nhiễm mặn trạm bơm Xuyên Đông, huyện Duy Xuyên, gồm: Đập chính, đập phụ và cống lấy nước;

Đối với các trạm bơm điện có nguồn nước bị nhiễm mặn, tổ chức đo mặn tại các bể hút hằng ngày, theo dõi chặt chẽ diễn biến triều để bơm lách triều, tận dụng nguồn nước ngọt chống hạn, áp dụng các biện pháp tưới luân phiên, tưới lúa ở tất cả các loại công trình nhằm hạn chế tối đa việc thất thoát nước;

Hằng năm, tổ chức xây dựng phương án phòng, chống xâm nhập mặn trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt;

Thông kê, tổng hợp, báo cáo kết quả tình hình triển khai chống nhiễm

mặn trên các khu tưới cho UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh.

h) Ứng phó động đất, sóng thần

Động đất, sóng thần là loại hình thiên tai mà hầu như đến nay chưa thể dự báo trước được. Vì vậy, để hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do động đất gây ra, công tác chuẩn bị trước khi xảy ra động đất là hết sức quan trọng.

- Đối với UBND cấp huyện và các cơ quan chức năng ở địa phương

+ Công tác chuẩn bị

Khảo sát, xác định và chuẩn bị các khu vực sơ tán an toàn cho Nhân dân.

Chủ động xây dựng kế hoạch sơ tán dân của từng thôn, bản, tổ dân phố và sẵn sàng triển khai thực hiện khi có động đất, sóng thần.

Dự trữ lương thực, thực phẩm, các nhu yếu phẩm, thuốc y tế đảm bảo cho công tác cứu trợ nhân dân trong khu vực bị động đất, sóng thần.

Có kế hoạch chuẩn bị lực lượng tại chỗ (Đội xung kích PCTT và TKCN) để hỗ trợ kịp thời nhân dân bị thương vong, mất tích trong vùng bị động đất, sóng thần. Đồng thời, có kế hoạch hiệp đồng với các lực lượng vũ trang để hỗ trợ trong công tác tìm kiếm cứu nạn khi động đất, sóng thần có cường độ lớn, xảy ra trên phạm vi rộng.

Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn thường xuyên cho nhân dân các kỹ năng phòng, tránh động đất, sóng thần.

+ Công tác chỉ đạo, chỉ huy

Phát cảnh báo trên hệ thống cảnh báo thiên tai đa mục tiêu, trên các mạng viễn thông đến từng người dân.

Chỉ đạo công tác trực ban 24/24 giờ để nhận và truyền tin cảnh báo từ Viện Vật lý địa cầu.

Chỉ đạo công tác ứng phó bằng các văn bản (công điện, chỉ thị,..).

Ra lệnh sơ tán dân toàn bộ khu vực có nguy cơ xảy ra động đất, sóng thần.

Chỉ đạo các sở ngành triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn khu vực xảy ra động đất, sóng thần.

Chỉ đạo công tác kêu gọi tàu thuyền ra khỏi khu vực nguy hiểm hoặc chạy ra xa bờ.

Chỉ huy lực lượng ứng phó tại hiện trường.

+ Công tác ứng phó

Huy động lực lượng toàn tỉnh để tổ chức sơ tán dân; ứng cứu tìm kiếm cứu nạn.

Huy động lực lượng, phương tiện kinh phí, vật tư, tại chỗ hỗ trợ vận chuyển người dân sơ tán, hỗ trợ lương thực, nước uống, nhu yếu phẩm... tại nơi

sơ tán.

Tổ chức lực lượng, phương tiện, vật tư để chi viện, tìm kiếm cứu nạn khi có động đất, sóng thần: thực hiện công tác tìm kiếm cứu nạn đối với người bị nạn trong tình huống bị sập đổ, cuốn trôi, tàu thuyền bị chìm... do động đất, sóng thần gây ra.

Tăng cường lực lượng các y, bác sĩ của các bệnh viện thực hiện công tác cứu chữa người bị thương. Có thể lập phương án bệnh viện dã chiến khi có nhiều người bị thương; hỗ trợ dịch vụ y tế, phòng, chống dịch bệnh cho khu vực bị ảnh hưởng.

Kiểm tra, giám sát công tác vệ sinh an toàn thực phẩm và cung cấp nước sạch tại các vùng trọng điểm. Căn cứ vào tình hình sức khỏe, bệnh tật tại cộng đồng dân cư ở những vùng xảy ra động đất, sóng thần để hỗ trợ tăng cường cơ sở thuốc, hoá chất phục vụ công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân và xử lý vệ sinh môi trường, phòng ngừa dịch bệnh.

Triển khai phương án dò tìm, xử lý và vô hiệu hóa các kho hóa chất phát tán ra môi trường.

Triển khai phương án đảm bảo an ninh trật tự tại khu vực dân di dời để bảo vệ tài sản người dân; điều phối giao thông, đảm bảo an ninh trật tự, tránh trường hợp kẻ xấu lợi dụng tình hình.

- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

Sẵn sàng điều động các lực lượng vũ trang trên địa bàn bao gồm cán bộ, chiến sĩ, lực lượng dân quân tự vệ và phương tiện theo kế hoạch đã hiệp đồng, khẩn trương tổ chức ứng cứu nhân dân vùng bị động đất, sóng thần.

- Công an tỉnh

Huy động lực lượng, phương tiện phối hợp tổ chức thực hiện công tác cứu nạn, cứu hộ và đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn bị động đất, sóng thần; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi lợi dụng tình hình thiên tai để thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Phối hợp với chính quyền địa phương chỉ đạo công tác sơ tán dân vùng bị động đất, sóng thần đến nơi an toàn.

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Chủ trì, phối hợp với chính quyền địa phương và các đoàn thể khẩn trương tổ chức thực hiện cứu trợ cho nhân dân ở khu vực bị ảnh hưởng của động đất, sóng thần; thăm viếng, động viên và giải quyết chính sách kịp thời cho những người bị chết, bị thương; tham mưu UBND tỉnh hỗ trợ lương thực, thực phẩm (gạo, mì tôm, nhu yếu phẩm khác) cho người dân vùng bị ảnh hưởng động đất, sóng thần.

- Sở Y tế

Chủ trì, phối hợp với Hội Chữ thập đỏ cấp cứu và đảm bảo các dụng cụ y tế, thuốc, dược phẩm thực hiện công tác sơ cứu tại chỗ người bị nạn và chăm sóc sức khỏe người dân vùng bị ảnh hưởng động đất, sóng thần. Đồng thời, có kế hoạch ưu tiên bố trí xe cấp cứu vận chuyển người bị thương về Trung tâm Y tế huyện để cấp cứu những người bị thương nặng được chuyển đến.

- Sở Tài nguyên và Môi trường

Phối hợp với chính quyền địa phương xử lý môi trường khu vực bị động đất, sóng thần.

- Sở Giao thông vận tải

Chỉ đạo khẩn trương xử lý khẩn cấp các tuyến đường bị sạt lở, cầu cống bị hư trong thời gian sớm nhất để phục vụ công tác cứu nạn, cứu hộ và đi lại của nhân dân.

- Sở Thông tin và Truyền thông

Chỉ đạo công tác đảm bảo kết nối thông tin liên lạc thông suốt phục vụ công tác chỉ đạo điều hành ứng phó Ứng phó động đất, sóng thần, tổ chức thông tin tuyên truyền, nhấn tin về công tác ứng phó Ứng phó động đất, sóng thần đến người dân.

- Công ty Điện lực Quảng Nam

Tổ chức khắc phục sự cố về điện phục vụ cho Nhân dân vùng động đất, sóng thần.

- Các Sở, Ban, ngành, Hội, đoàn thể có liên quan

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, theo yêu cầu của Chủ tịch UBND tỉnh có trách nhiệm điều động, bố trí phương tiện, lực lượng phục vụ công tác cứu nạn, cứu hộ và khắc phục hậu quả của động đất, sóng thần ở các địa phương.

i) Ứng phó hạn hán

Hằng năm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo dõi, tham mưu, trình UBND tỉnh phê duyệt Phương án phòng, chống hạn trên địa bàn toàn tỉnh.

2. Kế hoạch di dời, sơ tán dân trong điều kiện không có dịch bệnh COVID-19:

a) Đối với bão (*Chi tiết tại Phụ lục V kèm theo*)

b) Đối với lũ, ngập lụt (*Chi tiết tại Phụ lục VI kèm theo*)

c) Đối với sạt lở đất (*Chi tiết tại Phụ lục VII kèm theo*)

d) Đối với lũ quét (*Chi tiết tại Phụ lục VIII kèm theo*)

e) Đối với động đất, sóng thần: (*Chi tiết có kế hoạch ứng phó với động đất, sóng thần của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh*)

IV. ỨNG PHÓ THIÊN TAI TRONG BỐI CẢNH DỊCH BỆNH COVID-19 PHỨC TẠP

Để sẵn sàng chủ động ứng phó với các tình huống thiên tai có thể xảy ra trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 đang diễn biến hết sức phức tạp; ngoài việc triển khai thực hiện đầy đủ các nội dung theo Phương án ứng phó thiên tai theo các cấp độ rủi ro được quy định tại khoản 1, Mục I, Phần III; các địa phương, cơ quan, đơn vị có liên quan tập trung triển khai các nội dung sau để hoạt động sơ tán dân ứng phó với 03 loại hình thiên tai sau đây: bão; ngập lụt; lũ quét, sạt lở đất xảy ra trong điều kiện dịch bệnh Covid-19 đảm bảo an toàn; cụ thể:

Phòng chống thiên tai trong bối cảnh dịch bệnh: là các hoạt động phòng chống thiên tai trong 03 giai đoạn (phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai) đảm bảo 02 mục tiêu: Giảm thiểu thiệt hại do thiên tai và bảo vệ kết quả phòng chống dịch trong quá trình triển khai các hoạt động PCTT, đặc biệt tại vùng có nguy cơ dịch hoặc vùng có dịch bệnh.

1. Về phòng ngừa

Trước khi thiên tai xảy ra, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các cấp, các Sở, ban, ngành phải có đủ thông tin, dữ liệu về nguy cơ hoặc tình trạng dịch bệnh tại địa phương, dự tính trước những vấn đề, hoạt động có thể gây phát sinh hoặc lây lan dịch bệnh tại địa phương; đảm bảo chủ động phòng ngừa và kịp thời ứng phó nếu phát sinh tình huống xấu nhất:

- Rà soát, phân công nhiệm vụ và cơ chế phối hợp giữa lực lượng PCTT, lực lượng phòng chống dịch bệnh tại địa phương;
- Ưu tiên triển khai tiêm Vắc-xin cho lực lượng làm công tác phòng chống thiên tai và người dân thuộc diện sơ tán đối với bão, ngập lụt;
- Rà soát danh sách các hộ gia đình có nhà kiên cố, cập nhật phương án sơ tán dân theo hướng tăng cường sơ tán tại chỗ, hạn chế sơ tán tập trung. Chuẩn bị trang thiết bị, máy móc, cơ sở thuốc, đội ngũ y, bác sĩ,... cần thiết để đo thân nhiệt, phân loại các đối tượng để xây dựng phương án sơ tán;
- Sẵn sàng phương án huy động lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm thiết yếu, hóa chất khử trùng, khẩu trang y tế cho các địa điểm sơ tán dân;
- Lập danh sách các lực lượng phải huy động để ứng phó thiên tai trong trường hợp dịch bệnh diễn biến phức tạp, đặc biệt là lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai ở cơ sở;
- Thực hiện kiểm tra, đánh giá mức độ an toàn của các trụ sở y tế, cơ sở cách ly tập trung, cơ sở sơ tán tập trung, các nhà xưởng tại các khu công nghiệp. Tổ chức xây dựng và phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho các địa điểm nêu trên theo quy định;
- Có kịch bản xử lý tình huống xuất hiện người nghi hoặc có triệu chứng nghi nhiễm dịch bệnh, có F0 tại điểm tránh trú an toàn;
- Chuẩn bị dụng cụ, trang thiết bị, thuốc men, khẩu trang y tế,... đảm bảo an toàn dịch bệnh cho các thành viên Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các cấp trong trường hợp phải tập trung chỉ đạo hoặc đi kiểm tra hiện trường và các lực lượng được huy động tham gia công tác ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai.

2. Về ứng phó

- Chủ động theo dõi sát tình hình thiên tai, dịch bệnh; cung cấp thường xuyên, kịp thời, đầy đủ nội dung tin cảnh báo thiên tai, dịch bệnh hoặc nguy cơ dịch bệnh hàng ngày cho các thành viên Ban Chỉ huy PCTT và TKCN, Ban Chỉ đạo phòng chống dịch bệnh, các lực lượng PCTT, phòng chống dịch bệnh, các tổ chức xã hội, doanh nghiệp, người dân. Đảm bảo mọi đối tượng người dân, đặc biệt đối tượng dễ bị tổn thương đều nhận và hiểu thông tin;

- Tăng cường, chủ động phương án kết nối, chỉ đạo trực tuyến và ứng dụng công nghệ thông tin (email, mạng xã hội facebook, zalo...) phục vụ công tác chỉ huy điều hành ứng phó và thông tin về thiên tai giữa Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các cấp phù hợp với tình hình và điều kiện cụ thể của từng địa phương;

- Bám sát phương án, kịch bản đã xây dựng để điều hành, chỉ đạo, ra quyết định tại chỗ theo tình hình thiên tai, dịch bệnh;

- Chỉ đạo xét nghiệm nhanh cho lực lượng PCTT, lực lượng phòng chống dịch bệnh và người dân tại các điểm sơ tán;

- Phối hợp chặt chẽ, kiểm tra điều kiện an toàn, điều kiện vệ sinh, sinh hoạt, nhu yếu phẩm, vật tư phục vụ PCTT, phòng chống dịch cho người dân tại các cơ sở cách ly tập trung và cơ sở sơ tán tập trung;

- Dự trữ đảm bảo số lượng các nhu yếu phẩm, vật tư phòng chống dịch (khẩu trang, nước khử khuẩn), các loại thuốc chữa bệnh, vết thương thông thường, đặc biệt đảm bảo nhu cầu khác biệt nam giới, phụ nữ, trẻ em gái, phụ nữ mang thai, phụ nữ đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi và các đối tượng dễ bị tổn thương;

- Đối với khu vực có mức độ nguy cơ dịch bệnh: Điểm tránh trú cần xem xét phun khử khuẩn trước khi người dân đến tránh trú; bố trí khu vực hoặc phòng cách ly sẵn sàng xử lý giờ đầu trường hợp phát hiện người dân trong khu tránh trú có biểu hiện nhiễm bệnh trong khi thiên tai đang xảy ra;

- Lực lượng PCTT, phòng chống dịch thực hiện nghiêm túc yêu cầu phòng chống dịch bệnh cho bản thân khi thực hiện nhiệm vụ (đặc biệt tại khu vực có nguy cơ hoặc có dịch bệnh); kiểm tra, hướng dẫn và thường xuyên nhắc nhở, giám sát người dân thực hiện 5K phòng chống dịch bệnh tại các địa điểm tránh trú thiên tai;

- Kiểm tra an toàn về người, tài sản, an ninh, trật tự tại các điểm sơ tán, tránh trú an toàn, các khu vực điều trị, chăm sóc và khu cách ly người nhiễm bệnh dịch khi thiên tai xảy ra.

3. Về khắc phục hậu quả

- Chỉ đạo các lực lượng địa phương tuần tra canh gác chống trộm cắp vật tư, trang thiết bị PCTT, phòng chống dịch bệnh và tài sản của người dân;

- Thu thập, cập nhật thông tin PCTT, thông tin phòng chống dịch bệnh;

- Phun khử khuẩn toàn bộ diện tích, các phòng (bếp, khu vệ sinh) trong

điểm tránh trú an toàn; thu gom rác thải sinh hoạt và rác thải y tế; vệ sinh môi trường khu vực xung quanh điểm tránh trú an toàn;

- Kiểm tra thân nhiệt, khai báo y tế của người dân và tổ chức người dân (đã đeo khẩu trang, rửa tay sát khuẩn) di chuyển theo 01 chiều rời điểm sơ tán. Người dân tại điểm sơ tán an toàn rời trước; người dân nghi nhiễm dịch bệnh trong khu vực, phòng cách ly tạm thời rời sau;

- Đối với người nghi nhiễm dịch bệnh cần tiếp tục quản lý, giám sát theo quy định của cơ quan Y tế. Nếu người nghi nhiễm dịch bệnh có biểu hiện triệu chứng F0 cần thông báo gấp cho cơ quan y tế cấp trên để xử lý theo đúng quy định hiện hành;

- Xét nghiệm nhanh cho lực lượng PCTT, lực lượng phòng chống dịch bệnh sau thiên tai và người dân tại các điểm sơ tán trước khi về nhà;

- Rà soát, kiểm kê số lượng, đánh giá chất lượng các phương tiện, vật tư PCTT, sinh phẩm, vật tư y tế, trang thiết bị phòng chống dịch sau thiên tai để xem xét bổ sung, sửa chữa sẵn sàng cho các thiên tai tiếp theo;

PHẦN IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Các địa phương, đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Luật Phòng, chống thiên tai và Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều và một số nội dung sau để triển khai thực hiện:

1. UBND, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các huyện, thị xã, thành phố

- Chỉ đạo rà soát, hoàn thiện phương án ứng phó với thiên tai theo cấp độ rủi ro năm 2021 trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp để đảm bảo an toàn trong chỉ đạo, ứng phó với thiên tai, đồng thời đảm bảo an toàn phòng chống dịch bệnh. Trong đó; đối với nội dung phương án sơ tán dân, chỉ đạo thực hiện rà soát danh sách các hộ gia đình có nhà kiên cố, cập nhật phương án sơ tán dân theo phương châm **“4 tại chỗ”**; **tăng cường tối đa công tác di dời, sơ tán tại chỗ, xen ghép**; hạn chế sơ tán tập trung;

- Chỉ đạo UBND, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các xã, phường, thị trấn xây dựng Phương án ứng phó với thiên tai theo cấp độ rủi ro; hỗ trợ, phối hợp với các Điện lực trực thuộc Công ty Điện lực Quảng Nam triển khai chặt tĩa cây cối nằm gần các tuyến đường dây điện trước khi bão đổ bộ, đảm bảo an toàn lưới điện và sớm khôi phục cấp điện sau bão;

- Chỉ đạo, phổ biến các nội dung của Phương án ứng phó với thiên tai theo cấp độ rủi ro đến các địa phương, đơn vị trên địa bàn;

- Chuẩn bị trang thiết bị, máy móc, cơ số thuốc, đội ngũ y, bác sĩ... cần thiết để đo thân nhiệt, phân loại các đối tượng để xây dựng phương án sơ tán;

- UBND các huyện miền núi, rà soát, chủ động tổ chức dự trữ lương thực, thực phẩm và các mặt hàng thiết yếu tại các Khu cách ly tập trung, trụ sở UBND cấp xã, trường học, Trung tâm Y tế, các công trình kiên cố, những vị trí an toàn,...; đối với các địa bàn, khu vực có nguy cơ bị chia cắt, cô lập khi có mưa bão, sạt lở đất đảm bảo dùng đủ trong 30 ngày trở lên;

- Chỉ đạo rà soát đối tượng dễ bị tổn thương do thiên tai trong bối cảnh dịch bệnh (nhóm người có đặc điểm và hoàn cảnh khiến họ dễ bị ảnh hưởng từ dịch bệnh, thiên tai và khó phục hồi hơn so với những nhóm người khác trong cộng đồng; bao gồm: *Trẻ em, người cao tuổi, phụ nữ đang mang thai hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi, người khuyết tật, người nghèo, người bị bệnh hiểm nghèo, người nghi nhiễm/bị nhiễm dịch bệnh COVID-19 (bao gồm: Người chăm sóc, điều trị người bệnh tại các khu điều trị, khu cách ly và các lực lượng xung kích PCTT cấp xã)*;

- Chủ động triển khai kế hoạch di dời, sơ tán dân theo các cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn; đề xuất Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh hỗ trợ trong các trường hợp vượt quá khả năng của địa phương;

- Chủ động nghiên cứu các mẫu nhà, chòi chống bão, chống lũ phù hợp

với đặc điểm từng vùng chịu ảnh hưởng khi xảy ra các loại hình thiên tai: bão, ngập lụt, sạt lở,... đảm bảo an toàn sơ tán Nhân dân khi xảy ra trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19, thực hiện giãn cách xã hội;

- Chủ động sử dụng nguồn dự phòng ngân sách của địa phương để chi phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước;

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền cho nhân dân về phòng, chống thiên tai và nâng cao ý thức của người dân trong việc phối hợp cứu hộ, cứu nạn, ứng phó với thiên tai, đặc biệt là ngư dân trên biển;

- Đề xuất nhu cầu tập huấn của địa phương về công tác phòng, chống thiên tai.

2. Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh

- Tổ chức trực ban và hướng dẫn các địa phương tổ chức trực ban đảm bảo công tác phòng chống dịch bệnh COVID-19;

- Chủ trì, phối hợp với các địa phương, đơn vị tổ chức thực hiện phương án. Theo dõi, đôn đốc các địa phương, đơn vị rà soát, hoàn chỉnh lại phương án di dời, sơ tán dân cho phù hợp; tổng hợp báo cáo theo quy định;

- Phối hợp với Sở Xây dựng nghiên cứu, xây dựng phương án hỗ trợ xây dựng chòi chống bão, chòi chống lũ phù hợp với địa hình, thời tiết tại từng khu vực trên địa bàn tỉnh;

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh tham mưu UBND tỉnh, Trưởng Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh huy động lực lượng, phương tiện trên địa bàn hỗ trợ các địa phương trong việc tổ chức phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai;

- Phối hợp với Đài Khí tượng thủy văn Quảng Nam theo dõi thường xuyên tình hình thời tiết, diễn biến thiên tai, kịp thời ban hành theo thẩm quyền hoặc tham mưu cho Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh, Trưởng Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh, UBND tỉnh các văn bản, Công điện chỉ đạo phòng, tránh và khắc phục hậu quả thiên tai;

- Phối hợp với Sở Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã Hội, các Sở, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh phân bổ nguồn kinh phí, nhu yếu phẩm hỗ trợ các địa phương để cứu trợ khẩn cấp, khắc phục hậu quả thiên tai;

- Tổng hợp thiệt hại và đề xuất nhu cầu hỗ trợ của các địa phương, đơn vị, tổ chức có liên quan trình UBND tỉnh xem xét, quyết định;

- Tổng hợp, đề xuất nhu cầu tập huấn của địa phương về công tác phòng, chống thiên tai.

3. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh kiểm tra, đánh giá mức độ an toàn các cơ sở cách ly tập trung. Xây dựng phương án ứng phó thiên tai cho các khu cách ly tập trung theo

quy định;

- Chỉ đạo Ban CHQS huyện, thị xã, thành phố chủ động tham mưu rà soát các kế hoạch ứng phó cụ thể với các tình huống thiên tai có thể xảy ra trên địa bàn tỉnh trong bối cảnh dịch bệnh; đặc biệt là phương án sơ tán nhân dân ra khỏi vùng có nguy cơ bị sạt lở, ngập lụt và ảnh hưởng của bão;

- Rà soát các địa điểm sơ tán tập trung; kiểm tra, đánh giá mức độ an toàn và chuẩn bị các trang thiết bị cần thiết cho công tác PCTT, dịch bệnh;

- Tham mưu cho cấp ủy, địa phương bổ sung kịp thời trang thiết bị cho lực lượng làm nhiệm vụ như: quân sự, công an, y tế, lực lượng khác... trong PCTT, phòng chống dịch bệnh ở cơ sở. Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính tham mưu cho Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch Covid và UBND tỉnh bảo đảm kinh phí hoạt động cho các khu cách ly được thành lập theo quyết định của UBND tỉnh; đồng thời chỉ đạo Ban CHQS cấp huyện dự toán kinh phí bảo đảm cho cấp mình để thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận cách ly theo kế hoạch của các địa phương;

- Huy động lực lượng, phương tiện của đơn vị tham gia hỗ trợ các địa phương tổ chức phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai theo sự phân công của Trưởng Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh;

- Chủ trì, phối hợp với các địa phương, đơn vị thống kê vật tư, phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác PCTT và TKCN hằng năm trên địa bàn tỉnh. Tham mưu UBND tỉnh đề nghị Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm cứu nạn, Ban Chỉ đạo Trung ương Phòng, chống thiên tai bổ sung trang thiết bị cần thiết cho tỉnh;

- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh thực hiện công tác cứu hộ, cứu nạn trên sông và đất liền.

4. Công an tỉnh

- Chỉ đạo Công an các đơn vị, địa phương phối hợp lực lượng chức năng tổ chức chốt chặn, phân luồng, kiểm soát người dân từ vùng dịch về các khu cách ly y tế tập trung trên địa bàn tỉnh theo đúng kế hoạch, bảo đảm an toàn;

- Triển khai lực lượng đảm bảo an ninh, trật tự tại các khu cách ly tập trung trên địa bàn tỉnh. Chỉ đạo Công an các địa phương tham mưu chính quyền các cấp triển khai đồng bộ các biện pháp công tác, đảm bảo an ninh, trật tự tại cơ sở trong điều kiện xảy ra thiên tai, dịch bệnh;

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông kiểm soát chặt chẽ các thông tin trong dư luận, mạng xã hội... kịp thời xử lý nghiêm hành vi vi phạm, như đưa thông tin sai sự thật, bịa đặt, kích động, cản trở, chống đối các cơ sở cách ly tập trung trên địa bàn tỉnh hoạt động;

- Chỉ đạo Công an các đơn vị, địa phương xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật trong công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19. Kiên quyết xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật có đủ yếu tố cấu thành tội phạm theo nội dung Công văn số 45/TANDTC-PC, ngày 30/3/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc xét xử tội phạm liên quan đến phòng, chống dịch bệnh Covid-19;

- Huy động lực lượng của đơn vị hỗ trợ các địa phương tổ chức phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai theo sự phân công của Trưởng Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

5. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh

- Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh phối hợp các địa phương ven biển xây dựng phương án cụ thể đối với công tác ứng phó khi có tàu thuyền của bà con ngư dân các tỉnh vào tránh trú bão tại các khu neo đậu đảm bảo an toàn về người, tài sản và phòng, chống dịch;

- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh tổ chức công tác cứu hộ, cứu nạn các phương tiện, tàu thuyền và ngư dân bị gặp nạn trên biển và hải đảo;

- Huy động lực lượng, phương tiện của đơn vị tham gia hỗ trợ các địa phương tổ chức phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai theo sự phân công của Trưởng Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh;

- Phối hợp tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền cho ngư dân về phòng, chống thiên tai và nâng cao ý thức của ngư dân trong việc phối hợp cứu hộ, cứu nạn, ứng phó với thiên tai trên biển.

6. Sở Y tế

- Rà soát kế hoạch tiêm Vắc-xin phòng dịch Covid-19 phù hợp; trong đó lưu ý cần có ưu tiên cho lực lượng làm công tác phòng chống thiên tai và người dân vùng có nguy cơ cao trên địa bàn tỉnh;

- Chủ trì bảo đảm chăm sóc y tế cho người được cách ly; triển khai thực hiện chặt chẽ quy trình giám sát, xử lý và thực hiện đầy đủ nhiệm vụ chuyên môn theo quy định. Chỉ đạo xử lý chất thải y tế bảo đảm vệ sinh môi trường ở các khu vực cách ly tập trung;

- Chỉ đạo bảo đảm trang thiết bị y tế phòng chống dịch Covid-19 cung cấp cho các lực lượng thực hiện nhiệm vụ, phun thuốc sát trùng trên phương tiện trước và sau khi kết thúc hành trình vận chuyển;

- Thành lập tổ công tác (Tổ Y tế, Tổ phòng chống dịch...), xe cứu thương để trực tiếp theo dõi, kiểm tra sức khỏe cho các đối tượng tại khu vực cách ly và trên đường vận chuyển;

- Phối hợp chặt chẽ với các lực lượng chủ động tham mưu Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch triển khai thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19; tránh lây nhiễm chéo và xử lý kịp thời khi có trường hợp mắc bệnh trong phòng, chống dịch. Thực hiện nghiêm quy trình và quản lý chặt chẽ, kiểm soát toàn diện, yêu cầu kê khai y tế bắt buộc đối với bệnh nhân, người nhà và người chăm sóc bệnh nhân;

- Hướng dẫn Trung tâm y tế các địa phương thực hiện nhiệm vụ chuyên môn tại khu cách ly cấp huyện. Đồng thời chỉ đạo các bệnh viện tuyến tỉnh, trung tâm y tế cấp huyện chuẩn bị sẵn sàng công tác cách ly, điều trị các trường

hợp nhiệm Covid-19 theo quy định;

- Chủ trì phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra, đánh giá mức độ an toàn các cơ sở Y tế; xây dựng phương án ứng phó thiên tai cho các cơ sở Y tế theo quy định.

7. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Theo dõi, tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng Ban PCTT và TKCN tỉnh chỉ đạo phòng, chống thiên tai, xử lý các sự cố công trình thủy lợi khi có mưa lớn, lũ, lụt xảy ra; phối hợp với Bộ Chỉ huy Bộ Đội Biên phòng tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố ven biển tổ chức thực hiện công tác đảm bảo an toàn tàu thuyền trên biển và ở nơi trú tránh khi có thiên tai trên biển xảy ra;

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền cho ngư dân về phòng, chống thiên tai và nâng cao ý thức của ngư dân trong việc phối hợp cứu hộ, cứu nạn, ứng phó với thiên tai trên biển.

8. Sở Công Thương

- Theo dõi, phối hợp tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng Ban PCTT và TKCN tỉnh chỉ đạo phòng, chống thiên tai, xử lý các sự cố công trình thủy điện khi có thiên tai xảy ra;

- Rà soát, hướng dẫn các địa phương chủ động tổ chức dự trữ lương thực, thực phẩm và các mặt hàng thiết yếu tại các khu cách ly tập trung, trụ sở UBND cấp xã, trường học, Trung tâm Y tế, các công trình kiên cố, những vị trí an toàn,...; đối với các địa bàn, khu vực có nguy cơ bị chia cắt, cô lập khi có mưa bão, sạt lở đất đảm bảo dùng đủ trong 30 ngày trở lên.

9. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Phối hợp theo dõi, giám sát việc thực hiện quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn;

- Phối hợp với các địa phương có phương án giải quyết tốt môi trường, rác thải y tế, không để bị ô nhiễm, phát sinh dịch bệnh đối với những khu vực bị ảnh hưởng của thiên tai, các khu cách ly tập trung.

10. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí của tỉnh tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện đúng chủ trương của Chính phủ, Bộ Y tế về việc cách ly và các biện pháp phòng, chống dịch bệnh. Phối hợp các cơ quan liên quan theo dõi, rà soát, xử lý nghiêm các đối tượng thông tin sai lệch về dịch bệnh gây hoang mang dư luận;

- Chỉ đạo hướng dẫn cơ quan, đơn vị bảo đảm các phương tiện nghe, nhìn, báo chí phục vụ công dân trong thời gian cách ly tại khu vực tiếp nhận;

- Chỉ đạo công tác đảm bảo kết nối thông tin liên lạc phục vụ công tác chỉ đạo điều hành ứng phó phòng chống thiên tai trong mọi tình huống. Tổ chức thông tin tuyên truyền, nhấn tin thông báo kịp thời về công tác ứng phó phòng chống thiên tai đến người dân trên địa bàn tỉnh theo chỉ đạo của Ban Chỉ huy

PCTT và TKCN tỉnh.

11. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chỉ đạo các cơ sở lưu trú, điểm tham quan du lịch có kế hoạch, biện pháp đảm bảo an toàn tính mạng và tài sản cho du khách; tập trung đẩy mạnh công tác phòng, chống thiên tai, dịch bệnh Covid-19 tại các cơ sở lưu trú du lịch.

12. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh tham mưu cho UBND tỉnh phân bổ nguồn kinh phí hỗ trợ từ Trung ương và ngân sách tỉnh cho các địa phương, đơn vị thực hiện việc phòng, tránh và khắc phục hậu quả thiên tai đảm bảo quy định hiện hành;

- Tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí từ ngân sách tỉnh cho các cơ quan, đơn vị thực hiện công tác phòng, chống dịch.

13. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Có trách nhiệm tham mưu UBND tỉnh báo cáo các Bộ, ngành Trung ương về nhu cầu vốn đầu tư các công trình phòng, chống thiên tai;

- Tham mưu UBND tỉnh phân bổ kế hoạch vốn cho các công trình phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh từ nguồn Trung ương hỗ trợ theo đúng quy định hiện hành.

14. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Theo dõi, nắm chắc tình hình thiệt hại của nhân dân vùng bị thiên tai, những người bị rủi ro do thiên tai ngoài vùng cư trú;

- Chủ động phối hợp với UBND các địa phương kịp thời tổ chức công tác cứu trợ theo quy định, đồng thời đề xuất UBND tỉnh quyết định các biện pháp cứu trợ khẩn cấp nhằm sớm ổn định đời sống nhân dân vùng bị thiên tai;

- Tăng cường hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện cứu trợ tại các địa phương phải đảm bảo đúng đối tượng, đúng quy định hiện hành của Nhà nước, không để xảy ra thất thoát, tiêu cực;

- Tham mưu UBND tỉnh phân bổ nguồn hàng hóa, lương thực, nhu yếu phẩm cần thiết hỗ trợ các địa phương ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai.

15. Sở Xây dựng

Chủ trì, tham mưu thiết kế các mẫu nhà, chòi chống bão, chống lũ phù hợp với đặc điểm từng vùng chịu ảnh hưởng khi xảy ra các loại hình thiên tai: bão, ngập lụt, sạt lở,... đảm bảo an toàn sơ tán Nhân dân khi xảy ra trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19, thực hiện giãn cách xã hội.

16. Công ty Điện lực Quảng Nam

Có kế hoạch đảm bảo an toàn về điện phục vụ sinh hoạt, sản xuất cho nhân dân, các cơ quan, doanh nghiệp trong mùa mưa bão; có phương án khắc phục kịp thời các sự cố về điện do thiên tai gây ra.

17. Đối với các đơn vị quản lý hồ thủy điện, thủy lợi

- Tổ chức lập, phê duyệt và thực hiện phương án ứng phó thiên tai theo quy định tại Điều 22 Luật Phòng, chống thiên tai;

- Lập phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập; phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ;

- Tăng cường công tác kiểm tra kỹ thuật đối với công trình thủy công, khi phát hiện những vấn đề bất thường hoặc các nguy cơ tiềm ẩn không an toàn phải lập tức báo cáo cho cơ quan có thẩm quyền biết để chỉ đạo khắc phục; đồng thời triển khai ngay các biện pháp xử lý ban đầu nhằm ngăn chặn hậu quả xấu có thể xảy ra;

- Ngoài việc thực hiện đúng quy trình vận hành được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phải chấp hành nghiêm túc các nội dung chỉ đạo của Trưởng Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh trong công tác cắt lũ, giảm lũ và chậm lũ cho vùng hạ du.

18. Các Sở, Ban, ngành liên quan

Theo chức năng, nhiệm vụ của Sở, Ban, ngành, sẵn sàng lực lượng, phương tiện của đơn vị tham gia hỗ trợ các địa phương phòng, tránh và khắc phục hậu quả thiên tai khi có chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh.

19. Đề nghị Hội Chữ thập đỏ tỉnh

Phối hợp tập huấn, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về phòng, chống thiên tai; tổng hợp nhu cầu đề xuất tập huấn về phòng, chống thiên tai tại địa phương; xây dựng Đề án về cộng đồng an toàn trước thiên tai.

20. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các Hội, đoàn thể tỉnh

Phối hợp chặt chẽ với UBND tỉnh (qua Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh) trong việc phân bổ các nguồn hàng hóa, nhu yếu phẩm và tài chính hỗ trợ các địa phương khắc phục hậu quả thiên tai.

21. Đề nghị Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh

Phối hợp cung cấp các bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai nhằm phục vụ công tác chỉ đạo phòng ngừa, ứng phó với thiên tai trên địa bàn tỉnh.

Trên đây là Phương án ứng phó với thiên tai các cấp độ rủi ro trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn tỉnh, yêu cầu Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, đơn vị liên quan và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố phối hợp, triển khai thực hiện.

Trong quá trình thực hiện, trường hợp gặp khó khăn, vướng mắc hoặc cần điều chỉnh, bổ sung phương án cho phù hợp với tình hình thực tế, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo về Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh để tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.

Phụ lục I.

THỐNG KÊ NHÂN LỰC PHỤC VỤ PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI

(Kèm theo Phương án ứng phó với thiên tai theo các cấp độ rủi ro trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn tỉnh)

TT	Tên địa phương, đơn vị	Ban Chỉ huy PCTT & TKCN các cấp	Văn phòng thường trực các cấp	Lực lượng vũ trang tham gia khi có thiên tai xảy ra				Thanh niên xung kích
				Quân sự	Biên phòng	Công an	Dân quân	
1	Núi Thành	527	72	215	30	40	410	1030
2	Thăng Bình	328	84	225	15	136	616	
3	Duy Xuyên	365	74	222		121	615	686
4	Điện Bàn	694	217	236		64	1246	3075
5	Nam Giang	260	24	120	28	75	901	222
6	Phú Ninh	348	61	118		43	336	427
7	Hội An	378	42	90	60	135	430	800
8	Quế Sơn	298	84	233		173	688	147
9	Nông Sơn	149	55	121		53	168	
10	Tiên Phước	180	60	120		38	505	343
11	Đại Lộc	288	74	237		255	532	1211
12	Nam Trà My	110	22	118		65	310	250
13	Tây Giang	341	57	123	72	55	280	700
14	Đông Giang	315	25	117		88	330	665
15	Phước Sơn	60	32	118		35	356	120
16	Bắc Trà My	372	39	136		76	923	176
17	Hiệp Đức	120	20	125		50	308	
18	Tam Kỳ	170	40	243	80	100	702	2038
19	Quân sự tỉnh			125				
Tổng cộng		5303	1082	3042	285	1602	9656	11890

Phụ lục II.

THỐNG KÊ PHƯƠNG TIỆN, DỤNG CỤ CỨU HỘ, CỨU NẠN HIỆN CÓ

(Kèm theo Phương án ứng phó với thiên tai theo các cấp độ rủi ro trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn tỉnh)

TT	Địa phương/ Đơn vị	Tên phương tiện, dụng cụ cứu hộ, cứu nạn																				
		Tàu, thuyền	Ca nô	Ghe	Xe cứu hộ	Xe ô tô	Xe cứu thương	Máy cưa	Máy phát điện	Mặt nạ các loại	Cuộc dây cứu người	Đèn pin	Rựa	Nhà bạt	Bao cát	Bộ đàm cầm tay	Bộ đàm để bàn	Loa cầm tay	Phao bè	Phao cứu sinh	Áo phao	
1	Điện Bàn		6	121	65	4		70	18					12					2	497	550	
2	Thăng Bình		3				2														340	
3	Duy Xuyên	17	4		56		5	21	25				2					88		730	520	
4	Nam Giang				33																177	
5	Hội An	59	22	40	4	20	4	14	39			115	20	14	20000	59	22	105	5	1072	1215	
6	Quế Sơn		2						10					2				16		286	575	
7	Nông Sơn	1																			299	
8	Phú Ninh	6	2					10	12	5	1	159	84	11	350	12	2	30	7	415	420	
9	Núi Thành		6		5	2		5	2					24					7	221	1050	
10	Bắc Trà My	1	0	26		65	2	28	15			550	130	65	10	880	16			51	385	633
11	Nam Trà My	1					2														100	
12	Phước Sơn			2	10	10		5	5			20		4	1000			4	1	40	120	
13	Tây Giang					8	3	66	15			200	259	560	3	3224	5	1	6		30	86
14	Đại Lộc	80	20	833	241	41												53		330	881	
15	Tiên Phước	16						3	6			1000	420	8				80		320	322	
16	Đông Giang					34			3												170	
17	Tam Kỳ		3	64				25	17			201	115	74	17				25	7	1066	500
18	Hiệp Đức		1	3	3	10	1	11	2				131	34	4	1600			11	5	134	230
19	Công an tỉnh	2	35	4	4	88	2	28	35	68	23	223	118	17	2600	195	18	10	37	1433	1542	
20	Quân sự tỉnh		22			6	1	5						34						7	200	500
21	Biên phòng tỉnh	5	18			14	1	1	2					10						10	200	350
Tổng cộng		188	144	1093	421	302	23	292	206	73	1975	1572	955	172	29654	287	43	479	88	7359	10580	

Phụ lục III.

KẾ HOẠCH DỰ TRỮ LƯƠNG THỰC, THỰC PHẨM PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI NĂM 2021

(Kèm theo Phương án ứng phó với thiên tai theo các cấp độ rủi ro trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn tỉnh)

STT	Đơn vị dự trữ	Mặt hàng lương thực, thực phẩm						Y tế			Nhiên liệu		
		Mỹ ăn liền	Lương khô	Gạo	Nước uống đóng chai	Muối	Cá hộp	Cơ số thuốc phòng chống thiên tai	Viên hóa chất Cloramim B 250mg	Phèn chua	Xăng	diezen	dầu hỏa
I	Các doanh nghiệp làm nhiệm vụ dự trữ thiên tai	<i>Thùng</i>	<i>Thùng</i>	<i>tấn</i>	<i>thùng</i>	<i>kg</i>	<i>hộp</i>	<i>cơ số</i>	<i>viên</i>	<i>kg</i>	<i>lít</i>	<i>lít</i>	<i>lít</i>
1	CN Xăng dầu khu vực V tại Quảng Nam										853.000	700.000	30.000
2	Siêu thị Coopmart Tam Kỳ	7.000	50	20	700								
II	Các huyện, thành phố												
1	Huyện Nam Giang	500	100	10	200		9.000				3.000		1.000
2	TP. Tam Kỳ (phòng Kinh Tế)	5.000		100	1.000			10	100.000	200			
3	Huyện Bắc Trà My	1.200	117	10	500						10.000	4.000	1.000
4	Huyện Phú Ninh (phòng KT-HT)	1.800	300	150	500						140.000	70.000	50.000
5	Huyện Phước Sơn (phòng KT-HT)	1.500		12	1.200						10.000	5.000	1.000
6	Huyện Hiệp Đức (phòng KT-HT)	10.548	873	750	4.219						2.098	2.150	1.175
7	Huyện Đại Lộc (phòng Lao động TB&XH)	4.020		35	6.952						2.000		
8	Thị xã Điện Bàn (phòng Kinh tế)	10.000	341	235	15.000						9.645	3.270	5.300
9	Huyện Duy Xuyên (phòng KT-HT)	14.770		13	11.575	228	5.425				1.720		6.280
10	TP. Hội An (phòng Kinh tế)	50.000		100				17			150.000	221.000	133.140
11	Huyện Thăng Bình (phòng KT-HT)	14.200	0	72	17.788						140.000	70.000	50.000
12	Huyện Tây Giang (phòng KT-HT)	865	41	471	615						1.300	3.000	5.200
13	Huyện Nam Trà My	75.000		156	25.000						7.400	950	65.000
14	Huyện Đông Giang	1.100		7							4.000		6.000
15	Huyện Nông Sơn	700	120	120							40.000	10.000	5.000
16	Huyện Núi Thành	33.000		21,8	87.000						80.000	65.000	7.000
17	Huyện Quế Sơn	2.840	2.080	33	3.550		4.040		500	200	380	380	3.570
18	Huyện Tiên Phước	600		9	250	50	600						200
Tổng cộng		234.643	4.022	2.325	176.049	278	19.065	27	100.500	400	1.454.543	1.154.750	370.865

Phụ lục IV.**CÁC KHU NEO ĐẬU TÀU THUYỀN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NAM**

m theo Phương án ứng phó với thiên tai theo các cấp độ rủi ro trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn tỉnh

TT	Tên khu neo đậu	Khả năng neo đậu		Địa điểm
		<90 Cv	>90 Cv	
1	Âu thuyền Cù Lao Chàm	200		Cù Lao Chàm
2	Âu thuyền Hồng Triều	500-600		Xã Duy Nghĩa, Duy Xuyên
3	Âu thuyền An Hòa	100-300		Xã Tam Quang, Núi Thành
4	Thôn Thanh Tam, Vọng Nhi	300		Xã Cẩm Thanh, Hội An
5	Vịnh Châu - Thanh Hà	200		Thanh Hà, Hội An
6	Thôn An Lương 2, Duy Hải; Thôn Trà Đông, Duy Vinh; dọc sông Cỏ Cò phường Cẩm An, Cửa Đại; thôn Vạn Lăng, Cẩm Thanh; Thanh Nam, Cẩm Nam; khu vực cồn 3 xã Cẩm Châu, Cẩm Thanh, Cẩm Nam; An Hội, Minh An; Đông Hà, Cẩm Kim	1100		
7	Thôn 2 Tam Hải Cảng cá Tam Giang	200-300		
8	Thôn 1, thôn 7, Tam Tiến Thôn 5, thôn 7, Tam Hòa	300		
9	Thôn Tân An, Hà Bình, Bình Tịnh xã Bình Minh Thôn 6, thôn Duy Hà xã Bình Dương Thôn Đông Trì, Bình Hải Thôn Vịnh Giang, Phương Tân, Bình Nam	tháo máy, kéo phương tiện lên với phương tiện có công suất 15 Cv		
10	Thôn Tân Phú, Tam Phú	50		

Phụ lục V.

DI DỜI, SƠ TÁN DÂN ỨNG PHÓ VỚI GIÓ, NƯỚC BIỂN DÂNG DO BÃO MẠNH, SIÊU BÃO

(Kèm theo Phương án ứng phó với thiên tai theo các cấp độ rủi ro trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn tỉnh)

TT	Tên xã, phường	BÃO MẠNH					SIÊU BÃO				
		Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển	Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển
		Số người di dời tại chỗ	Số người sơ tán	Tổng			Số người di dời tại chỗ	Số người sơ tán	Tổng		
I	Thị xã Điện Bàn			16265			0	36328	36328		
1	Xã Điện Trung		848	848	Trường Nguyễn Ngọc Nghĩa; Trụ sở UBND xã, nhà Văn hoá	Ô tô, xe máy, đi bộ		1462	1462	Trường Nguyễn Ngọc Nghĩa; Trụ sở UBND xã, nhà Văn hoá	Ô tô, xe máy, đi bộ
2	Xã Điện Thọ		1843	1843	Đồi Bồ Bồ; Các nhà xây kiên cố có đồ sàn; Trường học 2 tầng tại xã; Nhà Văn hoá thôn; Trụ sở UBND xã	Ô tô, xe máy, đi bộ		4273	4273	Đồi Bồ Bồ; Các nhà xây kiên cố có đồ sàn; Trường học 2 tầng tại xã; Nhà Văn hoá thôn; Trụ sở UBND xã	Ô tô, xe máy, đi bộ
3	Xã Điện Tiến		187	187	Trụ sở UBND xã; Nhà Văn hoá thôn	Ô tô, xe máy, đi bộ		511	511	Trụ sở UBND xã; Nhà Văn hoá thôn	Ô tô, xe máy, đi bộ
4	Xã Điện Phước		1493	1493	Trụ sở UBND xã; Nhà Văn hoá thôn; Khu vực Miếu Bà; Trường JumKô; Các nhà kiên cố	Ô tô, xe máy, xe tải, đi bộ		3486	3486	Trụ sở UBND xã; Nhà Văn hoá thôn; Khu vực Miếu Bà; Trường JumKô; Các nhà kiên cố	Ô tô, xe máy, xe tải, đi bộ
5	Phường Điện Ngọc		435	435	Trường Tiểu học và trụ sở UBND xã	Ô tô, xe máy, đi bộ		1188	1188	Trường Tiểu học và trụ sở UBND xã	Ô tô, xe máy, đi bộ
6	Phường Điện Dương		997	997	Trường Tiểu học và trụ sở UBND xã; Nhà Văn hoá; Các nhà cao tầng	Xe máy, đi bộ		2599	2599	Trường Tiểu học và trụ sở UBND xã; Nhà Văn hoá; Các nhà cao tầng	Xe máy, đi bộ
7	Phường Điện Nam Đông		715	715	Trường Tiểu học và trụ sở UBND xã; Nhà Văn hoá; Các nhà cao tầng	Xe máy, đi bộ		1976	1976	Trường Tiểu học và trụ sở UBND xã; Nhà Văn hoá; Các nhà cao tầng	Xe máy, đi bộ
8	Phường Điện Nam Trung		769	769	Trường Tiểu học và trụ sở UBND xã; Nhà Văn hoá; Các nhà cao tầng	Ô tô, xe máy, đi bộ		2105	2105	Trường Tiểu học và trụ sở UBND xã; Nhà Văn hoá; Các nhà cao tầng	Ô tô, xe máy, đi bộ
9	Xã Điện Phong		2754	2754	Trường Mẫu giáo thôn Cẩm Đồng; Nhà Văn hoá; Trường Tiểu học; Trường THCS; Trụ sở UBND xã	Ô tô, xe máy, đi bộ		4459	4459	Trường Mẫu giáo thôn Cẩm Đồng; Nhà Văn hoá; Trường Tiểu học; Trường THCS; Trụ sở UBND xã	Ô tô, xe máy, đi bộ
10	Xã Điện Minh		467	467	Trường Lý Thường Kiệt; Trường Trần Quốc Toản; Trụ Sở UBND xã	Ô tô, xe máy, đi bộ		1236	1236	Trường Lý Thường Kiệt; Trường Trần Quốc Toản; Trụ Sở UBND xã	Ô tô, xe máy, đi bộ
11	Xã Điện Thăng		701	701	Trường Nguyễn Trãi; Trụ sở UBND xã; Nhà cao tầng	Ô tô, xe máy, đi bộ		1962	1962	Trường Nguyễn Trãi; Trụ sở UBND xã; Nhà cao tầng	Ô tô, xe máy, đi bộ

TT	Tên xã, phường	BẢO MẠNH					SIÊU BẢO				
		Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển	Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển
		Số người di dời tại chỗ	Số người sơ tán	Tổng			Số người di dời tại chỗ	Số người sơ tán	Tổng		
12	Phường Điện An		340	340	Trường Phan Châu Trinh; Trụ sở UBND xã	Ô tô, xe máy, đi bộ		975	975	Trường Phan Châu Trinh; Trụ sở UBND xã	Ô tô, xe máy, đi bộ
13	Xã Điện Phương		1143	1143	Trường Phạm Phú Thứ, Nguyễn Du, Nguyễn Văn Cừ; Trụ sở UBND xã	Ô tô, xe máy, đi bộ		2340	2340	Trường Phạm Phú Thứ, Nguyễn Du, Nguyễn Văn Cừ; Trụ sở UBND xã	Ô tô, xe máy, đi bộ
14	Xã Điện Quang		906	906	Trường Phan Thanh Nhà; Nhà Văn hoá thôn; Trụ sở UBND xã; Các nhà cao tầng	Ô tô, xe máy, đi bộ		1581	1581	Trường Phan Thanh Nhà; Nhà Văn hoá thôn; Trụ sở UBND xã; Các nhà cao tầng	Ô tô, xe máy, đi bộ
15	Xã Điện Hồng		1886	1886	Trường Ông Ích Khiêm, Cao Bá Quát, Huỳnh Thúc Kháng; Trụ sở UBND xã; Nhà Văn hoá; Các nhà cao tầng	Ô tô, xe máy, đi bộ		4218	4218	Trường Ông Ích Khiêm, Cao Bá Quát, Huỳnh Thúc Kháng; Trụ sở UBND xã; Nhà Văn hoá; Các nhà cao tầng	Ô tô, xe máy, đi bộ
16	Xã Điện Hoà		781	781	Trụ sở UBND xã; Nhà Văn hoá; Trường học 2 tầng tại xã	Ô tô, xe máy, đi bộ		1957	1957	Trụ sở UBND xã; Nhà Văn hoá; Trường học 2 tầng tại xã	Ô tô, xe máy, đi bộ
II	Tp. Hội An			10805			0	16508	16508		
1	Xã Cẩm Kim		737	737	Trường Tiểu học, THCS; Trụ sở UBND xã	Xe máy, đi bộ		1323	1323	Trường Tiểu học, THCS; Trụ sở UBND xã	Xe máy, đi bộ
2	Xã Cẩm Thanh		2540	2540	Các địa điểm sơ tán tận trung của thành phố (trường THPT, THCS)	Xe máy, ô tô		3025	3025	Các địa điểm sơ tán tận trung của thành phố (trường THPT, THCS)	Xe máy, ô tô
3	Xã Tân Hiệp		324	324	Đồn Biên phòng, trụ sở UBND xã, trạm xá Quân dân y, Tiểu đoàn 70	Đi bộ, xe máy		681	681	Đồn Biên phòng, trụ sở UBND xã, trạm xá Quân dân y, Tiểu đoàn 70	Đi bộ, xe máy
4	Phường Cẩm Phô		470	470	Trường Tiểu học, Trung học; Nhà kiên cố tại xã	Xe máy, ô tô		1144	1144	Trường Tiểu học, Trung học; Nhà kiên cố tại xã	Xe máy, ô tô
5	Phường Thanh Hà		1180	1180	Nhà kiên cố, cao tầng, trụ sở UBND, trường THCS	Đi bộ, xe máy, ô tô		2211	2211	Nhà kiên cố, cao tầng, trụ sở UBND, trường THCS	Đi bộ, xe máy, ô tô
6	Phường Cửa Đại		2718	2718	Nhà kiên cố; Các nhà cao tầng; Trụ sở các cơ quan ban ngành của phường	Đi bộ, xe máy		3146	3146	Các địa điểm sơ tán tận trung của thành phố (trường THPT, THCS)	Đi bộ, xe máy
7	Phường Cẩm Nam		781	781	Trường THCS; Trụ sở UBND phường; Các nhà cao tầng, nhà kiên cố tại phường	Xe máy, ô tô		1540	1540	Trường THCS; Trụ sở UBND phường; Các nhà cao tầng, nhà kiên cố tại phường	Xe máy, ô tô
8	Phường Cẩm Châu		804	804	Trường THCS, Tiểu học và nhà cao tầng	Xe máy, ô tô		1798	1798	Trường THCS, Tiểu học và nhà cao tầng	Xe máy, ô tô

TT	Tên xã, phường	BẢO MẠNH					SIÊU BẢO				
		Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển	Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển
		Số người di dời tại chỗ	Số người sơ tán	Tổng			Số người di dời tại chỗ	Số người sơ tán	Tổng		
9	Phường Cẩm An		1251	1251	Nhà kiên cố, nhà cao tầng, các điểm sơ tán tập trung của thành phố	Đi bộ, xe máy, ô tô		1640	1640	Các địa điểm sơ tán tập trung của thành phố (trường THPT, THCS)	Xe máy, ô tô
III	Huyện Duy Xuyên			12306			48352	32202	80554		
1	Xã Duy Hải	301	200	501	Trường THCS tại Thuận Trị; Trụ sở UBND xã; Các nhà kiên cố	Ô tô, xe máy, đi bộ	4594	2055	6649	Trường THCS tại Thuận Trị; Trụ sở UBND xã; Các nhà kiên cố	Ô tô, xe máy, đi bộ
2	Xã Duy Nghĩa	783	400	1183	Trường THCS, Tiểu học; Trụ sở UBND xã; Các nhà kiên cố	Ô tô, xe máy, đi bộ	7263	1400	8663	Trường THCS, Tiểu học; Trụ sở UBND xã; Các nhà kiên cố	Ô tô, xe máy, đi bộ
3	Xã Duy Vinh	1019	1200	2219	Trường THCS, Tiểu học; Trụ sở UBND xã	xe tải, thuyền, xe máy	6474	2100	8574	Trường THCS, Tiểu học; Trụ sở UBND xã	xe tải, thuyền, xe máy
4	Xã Duy Thành	380	250	630	Trường THCS, Tiểu học; Trụ sở UBND xã	Ô tô, xe máy, đi bộ	4741	1400	6141	Trường THCS, Tiểu học; Trụ sở UBND xã	Ô tô, xe máy, đi bộ
5	Xã Duy Phước	925	300	1225	Trường THCS, Tiểu học; Trụ sở UBND xã; Các nhà kiên cố	Ô tô, xe máy, đi bộ	6463	1100	7563	Trường THCS, Tiểu học; Trụ sở UBND xã; Các nhà kiên cố	Ô tô, xe máy, đi bộ
6	TT. Nam Phước	732	0	732	Trường THCS, Tiểu học; Các nhà cao tầng; Trụ sở UBND xã; Các cơ quan ban ngành	Ô tô, xe máy, đi bộ	4544	10500	15044	Trường THCS, Tiểu học; Các nhà cao tầng; Trụ sở UBND xã; Các cơ quan ban ngành	Ô tô, xe máy, đi bộ
7	Xã Duy Trinh	724	550	1274	Trường THCS, Tiểu học; Các nhà cao tầng; Trụ sở UBND xã;	Ô tô, xe máy, đi bộ	2427	1200	3627	Trường THCS, Tiểu học; Các nhà cao tầng; Trụ sở UBND xã;	Ô tô, xe máy, đi bộ
8	Xã Duy Sơn	506	250	756	Trường THCS, Tiểu học; Các nhà xây kiên cố; Trụ sở UBND xã;	Ô tô, xe máy, đi bộ	2537	3900	6437	Trường THCS, Tiểu học; Các nhà xây kiên cố; Trụ sở UBND xã;	Ô tô, xe máy, đi bộ
9	Xã Duy Trung	553	200	753	Trường THCS, Tiểu học; Các nhà xây kiên cố; Trụ sở UBND xã;	Ô tô, xe máy, đi bộ	1395	700	2095	Trường THCS, Tiểu học; Các nhà xây kiên cố; Trụ sở UBND xã;	Ô tô, xe máy, đi bộ
10	Xã Duy Hoà	158	0	158	Trường THCS, Tiểu học; Các nhà xây kiên cố; Trụ sở UBND xã;	Ô tô, xe máy, đi bộ	400	397	797	Trường THCS, Tiểu học; Các nhà xây kiên cố; Trụ sở UBND xã;	Ô tô, xe máy, đi bộ
11	Xã Duy Phú	687	500	1187	Trường THCS, Tiểu học; Các nhà xây kiên cố; Trụ sở UBND xã;	Ô tô, xe máy, đi bộ	1550	2200	3750	Trường THCS, Tiểu học; Các nhà xây kiên cố; Trụ sở UBND xã;	Ô tô, xe máy, đi bộ
12	Xã Duy Châu	151	0	151	Trường THCS, Tiểu học; Các nhà xây kiên cố; Trụ sở UBND xã;	xe tải, xe máy, đi bộ	910	1900	2810	Trường THCS, Tiểu học; Các nhà xây kiên cố; Trụ sở UBND xã;	xe tải, xe máy, đi bộ

TT	Tên xã, phường	BẢO MẠNH					SIÊU BẢO				
		Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển	Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển
		Số người di dời tại chỗ	Số người sơ tán	Tổng			Số người di dời tại chỗ	Số người sơ tán	Tổng		
13	Xã Duy Tân	303	100	403	Trường THCS, Tiểu học; Các nhà xây kiên cố; Trụ sở UBND xã;	xe tải, xe máy, đi bộ	1532	1600	3132	Trường THCS, Tiểu học; Các nhà xây kiên cố; Trụ sở UBND xã;	xe tải, xe máy, đi bộ
14	Xã Duy Thu	334	800	1134	Trường THCS, Tiểu học; Trụ sở UBND xã;	Ô tô, xe máy, đi bộ	3522	1750	5272	Trường THCS, Tiểu học; Trụ sở UBND xã;	Ô tô, xe máy, đi bộ
IV	Huyện Đại Lộc			7412			0	7412	7412		
1	Xã Đại Cường		231	231	Trường Phan Bội Châu, Nguyễn Thái Húc, Đỗ Văn Quả, khu văn hóa thôn	Đi bộ, xe bò, xe máy		231	231	Trường Phan Bội Châu, Nguyễn Thái Húc, Đỗ Văn Quả, khu văn hóa thôn	Đi bộ, xe bò, xe máy
2	Xã Đại Hiệp		438	438	UBND xã, THCS Trần Phú, chùa Bửu Hiệp	Đi bộ, xe bò, xe máy		438	438	UBND xã, THCS Trần Phú, chùa Bửu Hiệp	Đi bộ, xe bò, xe máy
3	Xã Đại Hồng		670	670	Hội trường thôn	Đi bộ, xe bò, xe máy		670	670	Hội trường thôn	Đi bộ, xe bò, xe máy
4	Xã Đại Phong		330	330	UBND xã, trường tiểu học Trần Đình Tri, trạm y tế, chùa Tam Phước, hội trường thôn	Đi bộ, xe bò, xe máy		330	330	UBND xã, trường tiểu học Trần Đình Tri, trạm y tế, chùa Tam Phước, hội trường thôn	Đi bộ, xe bò, xe máy
5	Xã Đại Lãnh		320	320	Hội trường thôn	Đi bộ, xe bò, xe máy		320	320	Hội trường thôn	Đi bộ, xe bò, xe máy
6	TT Ái Nghĩa		1008	1008	Hội trường khu, HTX thị trấn, trường Lương Thúc Kỳ, Nguyễn Trãi, trung tâm dạy nghề	Đi bộ, xe bò, xe máy		1008	1008	Hội trường khu, HTX thị trấn, trường Lương Thúc Kỳ, Nguyễn Trãi, trung tâm dạy nghề	Đi bộ, xe bò, xe máy
7	Xã Đại Hòa		300	300	UBND xã, trường Lê Thị Xuyên, chùa Phổ Minh, đình làng, nhà kiên cố	Đi bộ, xe bò, xe máy		300	300	UBND xã, trường Lê Thị Xuyên, chùa Phổ Minh, đình làng, nhà kiên cố	Đi bộ, xe bò, xe máy
8	Xã Đại An		440	440	UBND xã, THCS Mỹ Hòa, trường mầm non, trường Nguyễn Công Sáu, hội trường thôn, nhà kiên cố	Đi bộ, xe bò, xe máy		440	440	UBND xã, THCS Mỹ Hòa, trường mầm non, trường Nguyễn Công Sáu, hội trường thôn, nhà kiên cố	Đi bộ, xe bò, xe máy
9	Xã Đại Hưng		473	473	Trụ sở UBND, trường mẫu giáo Đại Hưng, trường THCS Quang Trung, trường Tiểu học Trương Đình Nam, nhà xây kiên cố	Đi bộ, xe bò, xe máy		473	473	Trụ sở UBND, trường mẫu giáo Đại Hưng, trường THCS Quang Trung, trường Tiểu học Trương Đình Nam, nhà xây kiên cố	Đi bộ, xe bò, xe máy
10	Xã Đại Thắng		389	389	Trường Lý Tự Trọng, Đoàn Quý Phi, trường mầm non, khu văn hóa, hội trường thôn	Đi bộ, xe bò, xe máy		389	389	Trường Lý Tự Trọng, Đoàn Quý Phi, trường mầm non, khu văn hóa, hội trường thôn	Đi bộ, xe bò, xe máy
11	Xã Đại Minh		144	144	Hội trường thôn	Đi bộ, xe bò, xe máy		144	144	Hội trường thôn	Đi bộ, xe bò, xe máy

TT	Tên xã, phường	BẢO MẠNH					SIÊU BẢO				
		Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển	Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển
		Số người di dời tại chỗ	Số người sơ tán	Tổng			Số người di dời tại chỗ	Số người sơ tán	Tổng		
12	Xã Đại Tân		352	352	UBND xã, trường tiểu học Đoàn Trì, bệnh viện bà Lê, nhà thờ tộc Trần, Nguyễn, nhà máy côn	Đi bộ, xe bò, xe máy		352	352	UBND xã, trường tiểu học Đoàn Trì, bệnh viện bà Lê, nhà thờ tộc Trần, Nguyễn, nhà máy côn	Đi bộ, xe bò, xe máy
13	Xã Đại Sơn		261	261	Trường Tiểu học Lê Phong, trạm y tế, trường mẫu giáo, các nhà kiên cố	Đi bộ, xe bò, xe máy		261	261	Trường Tiểu học Lê Phong, trạm y tế, trường mẫu giáo, các nhà kiên cố	Đi bộ, xe bò, xe máy
14	Xã Đại Quang		592	592	Trường tiểu học Trịnh Thị Liên, Trần Tổng, THCS Nguyễn Du, hội trường thôn	Đi bộ, xe bò, xe máy		592	592	Trường tiểu học Trịnh Thị Liên, Trần Tổng, THCS Nguyễn Du, hội trường thôn	Đi bộ, xe bò, xe máy
15	Xã Đại Nghĩa		695	695	UBND xã, trường THCS Trần Hưng Đạo, trung tâm y tế, chi cục Thuế, trạm thủy nông, trường mẫu giáo, trường Đoàn Nghiên, hội trường thôn, nhà kiên cố	Đi bộ, xe bò, xe máy		695	695	UBND xã, trường THCS Trần Hưng Đạo, trung tâm y tế, chi cục Thuế, trạm thủy nông, trường mẫu giáo, trường Đoàn Nghiên, hội trường thôn, nhà kiên cố	Đi bộ, xe bò, xe máy
16	Xã Đại Đồng		385	385	Trường Chu Văn An, Hồ Phước Hậu, Kim Đồng, trụ sở UBND, hội trường thôn	Đi bộ, xe bò, xe máy		385	385	Trường Chu Văn An, Hồ Phước Hậu, Kim Đồng, trụ sở UBND, hội trường thôn	Đi bộ, xe bò, xe máy
17	Xã Đại Thanh		197	197	Trường Nguyễn Nho Túy, hội trường thôn	Đi bộ, xe bò, xe máy		197	197	Trường Nguyễn Nho Túy, hội trường thôn	Đi bộ, xe bò, xe máy
18	Xã Đại Chánh		187	187	UBND xã, trường THCS Lê Lợi, tiểu học Lê Dật	Đi bộ, xe bò, xe máy		187	187	UBND xã, trường THCS Lê Lợi, tiểu học Lê Dật	Đi bộ, xe bò, xe máy
V	Huyện Quế Sơn			6261			0	11559	11559		
1	Xã Quế Phú		885	885	Trường THPT, Tiểu học; Trụ sở UBND xã; Các cơ quan đóng trên địa bàn; Các nhà xây cao tầng kiên cố tại xã	Xe khách, xe tải, ô tô, xe máy		2146	2146	Trường THPT, Tiểu học; Trụ sở UBND xã; Các cơ quan đóng trên địa bàn; Các nhà xây cao tầng kiên cố tại xã	Xe khách, xe tải, ô tô, xe máy
2	Xã Quế Xuân		141	141	Trường Tiểu học; Cơ quan công sở trên địa bàn	Xe khách, xe tải, ô tô		472	472	Trường Tiểu học; Cơ quan công sở trên địa bàn	Xe khách, xe tải, ô tô
3	Xã Quế Cường		493	493	Trụ sở UBND xã; Trường Tiểu học	Đi bộ, xe máy, xe tải		760	760	Trụ sở UBND xã; Trường Tiểu học	Đi bộ, xe máy, xe tải
4	Xã Phú Thọ		724	724	Trường Tiểu học; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố	Xe tải, ô tô, xe máy, đi bộ		1343	1343	Trường Tiểu học; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố	Xe tải, ô tô, xe máy, đi bộ
5	Xã Quế Thuận		238	238	Trường Tiểu học; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố	Xe tải, ô tô, xe máy, đi bộ		514	514	Trường Tiểu học; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố	Xe tải, ô tô, xe máy, đi bộ
6	Xã Quế Hiệp		632	632	Trường THCS; Các nhà xây kiên cố	Xe máy, xe tải, đi bộ		983	983	Trường THCS; Các nhà xây kiên cố	Xe máy, xe tải, đi bộ

TT	Tên xã, phường	BẢO MẠNH					SIÊU BẢO				
		Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển	Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển
		Số người di dời tại chỗ	Số người sơ tán	Tổng			Số người di dời tại chỗ	Số người sơ tán	Tổng		
7	Xã Quế Long		651	651	Trường THCS; Các nhà xây kiên cố	Xe máy, xe tải, đi bộ		856	856	Trường THCS; Các nhà xây kiên cố	Xe máy, xe tải, đi bộ
8	TT. Đông Phú		164	164	Trường Tiểu học; Trụ sở UBND xã	Xe máy, xe tải		465	465	Trường Tiểu học; Trụ sở UBND xã	Xe máy, xe tải
9	Xã Quế Châu		313	313	Trường PTTH	Xe máy, xe ô tô		530	530	Trường PTTH	Xe máy, xe ô tô
10	Xã Quế Minh		451	451	Trường THCS; Trụ sở UBND xã	Xe máy, xe tải		830	830	Trường THCS; Trụ sở UBND xã	Xe máy, xe tải
11	Xã Quế An		434	434	Trường Tiểu học; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố	Xe máy, xe tải		751	751	Trường Tiểu học; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố	Xe máy, xe tải
12	Xã Quế Phong		581	581	Trường Tiểu học; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố	Xe máy, xe tải		923	923	Trường Tiểu học; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố	Xe máy, xe tải
13	Xã Quế Thọ		554	554	Trường Tiểu học; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố	Xe máy, xe tải		986	986	Trường Tiểu học; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố	Xe máy, xe tải
VI	Huyện Nông Sơn			18532				10354	10548	20902	
1	Xã Ninh Phước	3335	865	4200	Trường Tiểu học, THCS	Xe máy, xe tải	2724	2186	4910	Trường Tiểu học, THCS	Xe máy, xe tải
2	Xã Quế Lộc	1560	670	2230	Trường Tiểu học; Nhà kiên cố	Xe máy, xe tải	1980	1100	3080	Trường Tiểu học; Nhà kiên cố	Xe máy, xe tải
3	Xã Quế Lâm	850	380	1230	Trường Tiểu học, THCS; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố	Đi bộ, xe máy, xe tải	1100	520	1620	Trường Tiểu học, THCS; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố	Đi bộ, xe máy, xe tải
4	Xã Quế Trung	3150	2900	6050	Trường Tiểu học; Nhà kiên cố	Xe máy, xe tải	3450	3200	6650	Trường Tiểu học; Nhà kiên cố	Xe máy, xe tải
5	Xã Phước Ninh	1982	1040	3022	Trường Tiểu học; Nhà kiên cố	Xe máy, xe tải		3022	3022	Trường Tiểu học; Nhà kiên cố	Xe máy, xe tải
6	Xã Sơn Viên	1320	480	1800	Trường THCS, Tiểu học; Trụ sở UBND; Nhà kiên cố	Xe máy, xe tải	1100	520	1620	Trường THCS, Tiểu học; Trụ sở UBND; Nhà kiên cố	Xe máy, xe tải
VII	Huyện Thăng Bình			9123				20682	17767	38449	
1	Xã Bình Minh		402	402	Trường THPT Tiểu La - Hà Lam; Các nhà kiên cố; Trụ sở UBND xã	Xe khách, xe tải, ô tô, xe máy	2929	749	3678	Trường THPT Tiểu La - Hà Lam; Các nhà kiên cố; Trụ sở UBND xã	Xe khách, xe tải, ô tô, xe máy
2	Xã Bình Dương		46	46	Trường Tiểu học Kim Đồng - Hà Lam; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố tại xã	Xe khách, xe tải, ô tô, xe máy	1625	387	2012	Trường Tiểu học Kim Đồng - Hà Lam; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố tại xã	Xe khách, xe tải, ô tô, xe máy
3	Xã Bình Hải		503	503	Trường THCS Thái Phiên, Tiểu học; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố tại xã	Đi bộ, xe máy, xe tải	1148	769	1917	Trường THCS Thái Phiên, Tiểu học; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố tại xã	Đi bộ, xe máy, xe tải
4	Xã Bình Tú		260	260	Trường THCS Bình Tú; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố tại xã	Xe tải, ô tô, xe máy, đi bộ	766	859	1625	Trường THCS Bình Tú; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố tại xã	Xe tải, ô tô, xe máy, đi bộ

TT	Tên xã, phường	BẢO MẠNH					SIÊU BẢO				
		Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển	Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển
		Số người di dời tại chỗ	Số người sơ tán	Tổng			Số người di dời tại chỗ	Số người sơ tán	Tổng		
5	Xã Bình Sa		214	214	Trường THCS Bình Trúc 1; Các nhà xây kiên cố tại xã	Xe tải, ô tô, xe máy, đi bộ	678	258	936	Trường THCS Bình Trúc 1; Các nhà xây kiên cố tại xã	Xe tải, ô tô, xe máy, đi bộ
6	Xã Bình Trị		2185	2185	Trường THCS C.Lâm; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố tại xã	Xe máy, xe tải, đi bộ	603	2471	3074	Trường THCS C.Lâm; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố tại xã	Xe máy, xe tải, đi bộ
7	Xã Bình Đào		276	276	Trường Tiểu học; Trụ sở UBND xã	Xe máy, xe tải, đi bộ	1886	645	2531	Trường Tiểu học; Trụ sở UBND xã	Xe máy, xe tải, đi bộ
8	Xã Bình Triều		375	375	Trường PTTH Tiểu La	Xe máy, xe ô tô	1022	841	1863	Trường PTTH Tiểu La	Xe máy, xe ô tô
9	Xã Bình An		68	68	Trường PTTH Tiểu La	Xe máy, xe ô tô	2301	693	2994	Trường PTTH Tiểu La	Xe máy, xe ô tô
10	Xã Bình Nam		630	630	Trường Tiểu học; Trụ sở UBND xã	Xe máy, xe tải	1269	1175	2444	Trường Tiểu học; Trụ sở UBND xã	Xe máy, xe tải
11	Xã Bình Trung		65	65	Trường Tiểu học; Trụ sở UBND xã	Xe máy, xe tải	821	644	1465	Trường Tiểu học; Trụ sở UBND xã	Xe máy, xe tải
12	Xã Bình Giang		202	202	Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố	Xe máy, xe tải	600	704	1304	Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố	Xe máy, xe tải
13	TT. Hà Lam		50	50	Trường Tiểu học; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố	Xe máy, xe tải	300	835	1135	Trường Tiểu học; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố	Xe máy, xe tải
14	Xã Bình Phục		113	113	Trường Tiểu học; Trụ sở UBND xã	Xe máy, xe tải	546	557	1103	Trường Tiểu học; Trụ sở UBND xã	Xe máy, xe tải
15	Xã Bình Nguyên		91	91	Trường Tiểu học; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố	Xe máy, xe tải, đi bộ	489	408	897	Trường Tiểu học; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố	Xe máy, xe tải, đi bộ
16	Xã Bình Quế		680	680	Trường Tiểu học, THCS; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố	Xe máy, xe tải, đi bộ	631	1013	1644	Trường Tiểu học, THCS; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố	Xe máy, xe tải, đi bộ
17	Xã Bình Chánh		379	379	Trường Tiểu học; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố	Xe máy, xe tải, đi bộ	464	587	1051	Trường Tiểu học; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố	Xe máy, xe tải, đi bộ
18	Xã Bình Phú		656	656	Trường Tiểu học; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố	Xe máy, xe tải, đi bộ	294	841	1135	Trường Tiểu học; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố	Xe máy, xe tải, đi bộ
19	Xã Bình Quý		459	459	Trường Tiểu học, THCS; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố	Xe máy, xe tải, đi bộ	1670	1104	2774	Trường Tiểu học, THCS; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố	Xe máy, xe tải, đi bộ
20	Xã Bình Định		789	789	Trường Tiểu học, THCS; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố	Xe máy, xe tải, đi bộ	640	1251	1891	Trường Tiểu học, THCS; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố	Xe máy, xe tải, đi bộ
21	Xã Bình Lãnh		680	680	Trường Tiểu học; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố	Xe máy, xe tải, đi bộ		976	976	Trường Tiểu học; Trụ sở UBND xã; Các nhà xây kiên cố	Xe máy, xe tải, đi bộ
VIII	TP. Tam Kỳ			7804			0	20089	20089		

TT	Tên xã, phường	BẢO MẠNH					SIÊU BẢO				
		Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển	Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển
		Số người di dời tại chỗ	Số người sơ tán	Tổng			Số người di dời tại chỗ	Số người sơ tán	Tổng		
1	Xã Tam Thanh		530	530	Trường Quân sự tỉnh; Trường CĐ KTKT, ĐHSP	Ô tô, xe máy, xe khách, xe tải		1482	1482	Trường Quân sự tỉnh; Trường CĐ KTKT, ĐHSP	Ô tô, xe máy, xe khách, xe tải
2	Xã Tam Phú		553	553	Trường Quân sự tỉnh; Trường CĐ KTKT, ĐHSP	Ô tô, xe máy, xe khách, xe tải		1718	1718	Trường Quân sự tỉnh; Trường CĐ KTKT, ĐHSP	Ô tô, xe máy, xe khách, xe tải
3	Xã Tam Thăng		1164	1164	Trụ sở UBND xã; Trường THCS Lê Lợi, Trung cấp Phương Đông	Ô tô, xe máy, xe khách, xe tải		2063	2063	Trụ sở UBND xã; Trường THCS Lê Lợi, Trung cấp Phương Đông	Ô tô, xe máy, xe khách, xe tải
4	Xã Tam Ngọc		831	831	Sư đoàn 272; Trường CĐ KTKT, Đông Á	Ô tô, xe máy, xe khách, xe tải		1619	1619	Sư đoàn 272; Trường CĐ KTKT, Đông Á	Ô tô, xe máy, xe khách, xe tải
5	Phường An Phú		1019	1019	Trụ sở UBND phường; Trường Quân sự tỉnh, THCS	Ô tô, xe máy, xe khách, xe tải		2078	2078	Trụ sở UBND phường; Trường Quân sự tỉnh, THCS	Ô tô, xe máy, xe khách, xe tải
6	Phường Hoà Hương		654	654	Trường Phan Bội Châu, Trụ sở UBND phường, Trường CĐ KTKT	Ô tô, xe máy, xe khách, xe tải		1886	1886	Trường Phan Bội Châu, Trụ sở UBND phường, Trường CĐ KTKT	Ô tô, xe máy, xe khách, xe tải
7	Phường An Sơn		414	414	Trường Phan Bội Châu, Trụ sở UBND phường, Trường CĐ KTKT	Ô tô, xe máy, xe khách, xe tải		1536	1536	Trường Phan Bội Châu, Trụ sở UBND phường, Trường CĐ KTKT	Ô tô, xe máy, xe khách, xe tải
8	Phường An Mỹ		522	522	Trụ sở UBND phường; Trường THPT Trần Cao Vân, Đông Á	Ô tô, xe máy, xe khách, xe tải		1829	1829	Trụ sở UBND phường; Trường THPT Trần Cao Vân, Đông Á	Ô tô, xe máy, xe khách, xe tải
9	Phường An Xuân		270	270	Trụ sở UBND phường; Trường THPT Lê Quý Đôn, Đông Á	Ô tô, xe máy, xe khách, xe tải		912	912	Trụ sở UBND phường; Trường THPT Lê Quý Đôn, Đông Á	Ô tô, xe máy, xe khách, xe tải
10	Phường Phước Hoà		209	209	Trụ sở UBND phường; Trường ĐHSP	Ô tô, xe máy, xe khách, xe tải		747	747	Trụ sở UBND phường; Trường ĐHSP	Ô tô, xe máy, xe khách, xe tải
11	Phường Tân Thạnh		381	381	Trụ sở UBND phường; Trường Phương Đông	Ô tô, xe máy, xe khách, xe tải		1276	1276	Trụ sở UBND phường; Trường Phương Đông	Ô tô, xe máy, xe khách, xe tải
12	Phường Hoà Thuận		575	575	Trụ sở UBND phường; Trường Phương Đông	Ô tô, xe máy, xe khách, xe tải		1425	1425	Trụ sở UBND phường; Trường Phương Đông	Ô tô, xe máy, xe khách, xe tải
13	Phường Trường Xuân		682	682	Trụ sở UBND phường; Trường THCS, CĐ KTKT	Ô tô, xe máy, xe khách, xe tải		1518	1518	Trụ sở UBND phường; Trường THCS, CĐ KTKT	Ô tô, xe máy, xe khách, xe tải
IX	Huyện Núi Thành			16798			0	38540	38540		
1	Xã Tam Tiến		2048	2048	Trường THCS, Tiểu học Tam Tiến 1,2, CĐ KTKT, Quân sự tỉnh	Xe máy, công nông, đi bộ, xe khách, ô tô		4073	4073	Trường THCS, Tiểu học Tam Tiến 1,2, CĐ KTKT, Quân sự tỉnh	Xe máy, công nông, đi bộ, xe khách, ô tô
2	Xã Tam Hoà		462	462	Trường Quân sự tỉnh, THCS Tam Hoà, Tiểu học Bình An	xe tải, xe máy, đi bộ, tàu đánh cá		978	978	Trường Quân sự tỉnh, THCS Tam Hoà, Tiểu học Bình An	xe tải, xe máy, đi bộ, tàu đánh cá
3	Xã Tam Thạnh		947	947	UBND xã; Trường Tiểu học thôn 2; Các nhà kiên cố	xe tải, xe máy, đi bộ		1404	1404	UBND xã; Trường Tiểu học thôn 2; Các nhà kiên cố	xe tải, xe máy, đi bộ

TT	Tên xã, phường	BẢO MẠNH					SIÊU BẢO				
		Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển	Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển
		Số người di dời tại chỗ	Số người sơ tán	Tổng			Số người di dời tại chỗ	Số người sơ tán	Tổng		
4	Xã Tam Mỹ Tây		741	741	Chùa thôn 7; UBND xã; Trường Tiểu học thôn 5; Các nhà kiên cố	xe tải, xe máy, đi bộ, ô tô		2010	2010	Chùa thôn 7; UBND xã; Trường Tiểu học thôn 5; Các nhà kiên cố	xe tải, xe máy, đi bộ, ô tô
5	Xã Tam Anh Bắc		1004	1004	Trường Cao Bá Quát; Các nhà xây kiên cố	Xe ô tô, xe máy, đi bộ, xe khách		2154	2154	Trường Cao Bá Quát; Các nhà xây kiên cố	Xe ô tô, xe máy, đi bộ, xe khách
6	Xã Tam Xuân II		1325	1325	Khu vực thôn Lý Trà xã Tam Anh Bắc; Trường Cao Bá Quát; Trụ sở UBND xã; Các nhà kiên cố	Xe ô tô, công nông, xe máy, đi bộ, xe khách, xe tải		3317	3317	Khu vực thôn Lý Trà xã Tam Anh Bắc; Trường Cao Bá Quát; Trụ sở UBND xã; Các nhà kiên cố	Xe ô tô, công nông, xe máy, đi bộ, xe khách, xe tải
7	Xã Tam Giang		349	349	Trụ sở UBND xã; Trường Tiểu học, THCS, THPT Núi Thành	Ô tô, xe máy, xe khách		921	921	Trụ sở UBND xã; Trường Tiểu học, THCS, THPT Núi Thành	Ô tô, xe máy, xe khách
8	Xã Tam Quang		1271	1271	Trụ sở UBND xã; Trường Tiểu học, THCS; Các cơ quan đóng trên địa bàn xã; Các nhà xây kiên cố	Ô tô, xe máy, xe khách		3525	3525	Trụ sở UBND xã; Trường Tiểu học, THCS; Các cơ quan đóng trên địa bàn xã; Các nhà xây kiên cố	Ô tô, xe máy, xe khách
9	Xã Tam Xuân I		1485	1485	Trụ sở UBND xã; Trường Tiểu học, THCS; Các cơ quan đóng trên địa bàn xã; Các nhà xây kiên cố	Ô tô, xe máy, công nông, xe khách, xe tải		3753	3753	Trụ sở UBND xã; Trường Tiểu học, THCS; Các cơ quan đóng trên địa bàn xã; Các nhà xây kiên cố	Ô tô, xe máy, công nông, xe khách, xe tải
10	Xã Tam Anh Nam		1003	1003	Trụ sở UBND xã; Trường Tiểu học, THCS Cao Bá Quát; Các nhà xây kiên cố	Ô tô, xe máy, công nông, xe khách, xe tải		2671	2671	Trụ sở UBND xã; Trường Tiểu học, THCS Cao Bá Quát; Các nhà xây kiên cố	Ô tô, xe máy, công nông, xe khách, xe tải
11	Xã Tam Hiệp		1075	1075	Trụ sở UBND xã; Trường Tiểu học, THCS; Các cơ quan đóng trên địa bàn xã; Các nhà xây kiên cố	Ô tô, xe máy, công nông, xe khách		2965	2965	Trụ sở UBND xã; Trường Tiểu học, THCS; Các cơ quan đóng trên địa bàn xã; Các nhà xây kiên cố	Ô tô, xe máy, công nông, xe khách
12	Xã Tam Nghĩa		1323	1323	Trụ sở UBND xã; Trường Tiểu học, THCS; Các cơ quan đóng trên địa bàn xã; Các nhà xây kiên cố	Ô tô, xe máy, công nông, xe khách		3465	3465	Trụ sở UBND xã; Trường Tiểu học, THCS; Các cơ quan đóng trên địa bàn xã; Các nhà xây kiên cố	Ô tô, xe máy, công nông, xe khách
13	Xã Tam Mỹ Đông		741	741	Trụ sở UBND xã; Trường Tiểu học, THCS; Các nhà xây kiên cố	Ô tô, xe máy, công nông, xe khách		1900	1900	Trụ sở UBND xã; Trường Tiểu học, THCS; Các nhà xây kiên cố	Ô tô, xe máy, công nông, xe khách
14	Xã Tam Trà		789	789	Trụ sở UBND xã; Trường Tiểu học; Các nhà xây kiên cố	xe tải, xe máy, đi bộ		1175	1175	Trụ sở UBND xã; Trường Tiểu học; Các nhà xây kiên cố	xe tải, xe máy, đi bộ

TT	Tên xã, phường	BẢO MẠNH					SIÊU BẢO				
		Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển	Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển
		Số người di dời tại chỗ	Số người sơ tán	Tổng			Số người di dời tại chỗ	Số người sơ tán	Tổng		
15	Xã Tam Sơn		1298	1298	Trụ sở UBND xã; Trường Tiểu học, THCS; Các nhà xây kiên cố	xe tải, xe máy, đi bộ		1934	1934	Trụ sở UBND xã; Trường Tiểu học, THCS; Các nhà xây kiên cố	xe tải, xe máy, đi bộ
16	Xã Tam Hải		937	937	Trụ sở UBND xã; Trường Tiểu học; Đồn Biên phòng, Bộ CHQS tỉnh; Các nhà xây kiên cố	xe tải, xe máy, đi bộ		2295	2295	Trụ sở UBND xã; Trường Tiểu học; Đồn Biên phòng, Bộ CHQS tỉnh; Các nhà xây kiên cố	xe tải, xe máy, đi bộ
X	Huyện Tiên Phước			15191			8115	13853	21968		
1	TT. Tiên Kỳ	462	1025	1487	Trường THPT Phan Châu Trinh; Huyện đội; Huyện Ủy; UBND huyện; Trường THCS Lý Tự Trọng	Xe tải và các phương tiện tự có	654	1552	2206	Trường THPT Phan Châu Trinh; Huyện đội; Huyện Ủy; UBND huyện; Trường THCS Lý Tự Trọng	Xe tải và các phương tiện tự có
2	Xã Tiên Mỹ	265	541	806	Trường THCS Võ Thị Sáu, Tiểu học Tiên Mỹ	Xe tải và các phương tiện tự có	401	765	1166	Trường THCS Võ Thị Sáu, Tiểu học Tiên Mỹ	Xe tải và các phương tiện tự có
3	Xã Tiên Phong	248	536	784	Nhà Văn hoá xã; UBND xã; Trường THCS Lê Văn Tám, Tiểu học Tiên Phong	Xe tải và các phương tiện tự có	501	744	1245	Nhà Văn hoá xã; UBND xã; Trường THCS Lê Văn Tám, Tiểu học Tiên Phong	Xe tải và các phương tiện tự có
4	Xã Tiên Thọ	106	285	391	Nhà Văn hoá xã; UBND xã; Trường THCS Lê Ngọc Suong, Tiểu học Tiên Thọ	Xe tải và các phương tiện tự có	321	450	771	Nhà Văn hoá xã; UBND xã; Trường THCS Lê Ngọc Suong, Tiểu học Tiên Thọ	Xe tải và các phương tiện tự có
5	Xã Tiên An	865	1621	2486	UBND xã; Trường THCS Nguyễn Viết Xuân, Tiểu học Tiên An	Xe tải và các phương tiện tự có	1145	2034	3179	UBND xã; Trường THCS Nguyễn Viết Xuân, Tiểu học Tiên An	Xe tải và các phương tiện tự có
6	Xã Tiên Lộc	67	148	215	Trường THCS Lê Đình Chinh; Nhà sơ tán thôn 3; Trường Tiểu học Tiên Lộc	Xe tải và các phương tiện tự có	107	270	377	Trường THCS Lê Đình Chinh; Nhà sơ tán thôn 3; Trường Tiểu học Tiên Lộc	Xe tải và các phương tiện tự có
7	Xã Tiên Lập	204	467	671	Trường THCS Lê Quý Đôn, Tiểu học Tiên Lộc	Xe tải và các phương tiện tự có	358	684	1042	Trường THCS Lê Quý Đôn, Tiểu học Tiên Lộc	Xe tải và các phương tiện tự có
8	Xã Tiên Hiệp	268	458	726	UBND xã; Trường THCS Quang Trung, Tiểu học Tiên Hiệp	Xe tải và các phương tiện tự có	398	689	1087	UBND xã; Trường THCS Quang Trung, Tiểu học Tiên Hiệp	Xe tải và các phương tiện tự có
9	Xã Tiên Cảnh	1024	1957	2981	UBND xã; Trường THCS Lê Thị Hồng Gấm, Tiểu học Tiên Cảnh	Xe tải và các phương tiện tự có	1784	2340	4124	UBND xã; Trường THCS Lê Thị Hồng Gấm, Tiểu học Tiên Cảnh	Xe tải và các phương tiện tự có

TT	Tên xã, phường	BẢO MẠNH					SIÊU BẢO				
		Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển	Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển
		Số người di dời tại chỗ	Số người sơ tán	Tổng			Số người di dời tại chỗ	Số người sơ tán	Tổng		
10	Xã Tiên Lãnh	594	976	1570	Trường Tiểu học Tiên Lãnh	Xe tải và các phương tiện tự có	846	1206	2052	Trường Tiểu học Tiên Lãnh	Xe tải và các phương tiện tự có
11	Xã Tiên Ngọc	75	174	249	Trường THCS Nguyễn Bá Ngọc, Tiểu học Tiên Ngọc	Xe tải và các phương tiện tự có	157	302	459	Trường THCS Nguyễn Bá Ngọc, Tiểu học Tiên Ngọc	Xe tải và các phương tiện tự có
12	Xã Tiên Châu	147	245	392	Trường THCS Nguyễn Trãi, Tiểu học Tiên Châu	Xe tải và các phương tiện tự có	194	360	554	Trường THCS Nguyễn Trãi, Tiểu học Tiên Châu	Xe tải và các phương tiện tự có
13	Xã Tiên Sơn	164	301	465	UBND xã; Trường THCS Lê Cơ, Tiểu học Tiên Sơn	Xe tải và các phương tiện tự có	236	459	695	UBND xã; Trường THCS Lê Cơ, Tiểu học Tiên Sơn	Xe tải và các phương tiện tự có
14	Xã Tiên Cẩm	98	211	309	Trường Tiểu học Tiên Cẩm	Xe tải và các phương tiện tự có	148	333	481	Trường Tiểu học Tiên Cẩm	Xe tải và các phương tiện tự có
15	Xã Tiên Hà	614	1045	1659	Trường THCS Nguyễn Du, Tiểu học Tiên Hà	Xe tải và các phương tiện tự có	865	1665	2530	Trường THCS Nguyễn Du, Tiểu học Tiên Hà	Xe tải và các phương tiện tự có
XI	Huyện Phước Sơn			4400			6150	3150	9300		
1	TT Khâm Đức	400	150	550	Trụ sở UBND thị trấn	Ô tô	1000	400	1400	Trụ sở UBND thị trấn	Ô tô
2	Xã Phước Đức	300	120	420	Trụ sở UBND xã	Ô tô	700	350	1050	Trụ sở UBND xã	Ô tô
3	Xã Phước Năng	350	150	500	Trụ sở UBND xã	Ô tô	750	400	1150	Trụ sở UBND xã	Ô tô
4	Xã Phước Mỹ	250	100	350	Trụ sở UBND xã	Ô tô	500	200	700	Trụ sở UBND xã	Ô tô
5	Xã Phước Chánh	450	200	650	Trụ sở UBND xã	Ô tô	750	450	1200	Trụ sở UBND xã	Ô tô
6	Xã Phước Công	150	60	210	Trụ sở UBND xã	Đi bộ	350	150	500	Trụ sở UBND xã	Đi bộ
7	Xã Phước Kim	200	100	300	Trụ sở UBND xã	Ô tô	400	200	600	Trụ sở UBND xã	Ô tô
8	Xã Phước Thành	250	150	400	Trụ sở UBND xã	Ô tô	500	250	750	Trụ sở UBND xã	Ô tô
9	Xã Phước Lộc	100	50	150	Trụ sở UBND xã	Ô tô	200	150	350	Trụ sở UBND xã	Ô tô
10	Xã Phước Xuân	150	70	220	Trụ sở UBND xã	Ô tô	300	200	500	Trụ sở UBND xã	Ô tô
11	Xã Phước Hoà	100	50	150	Trụ sở UBND xã	Ô tô	200	100	300	Trụ sở UBND xã	Ô tô
12	Xã Phước Hiệp	350	150	500	Trụ sở UBND xã	Ô tô	500	300	800	Trụ sở UBND xã	Ô tô
XII	Huyện Đông Giang			4209			6738	843	7581		
1	Xã Tư	116	39	155	Nhà kiên cố; Trường học	Ô tô	232	39	271	Trường học; Trụ sở UBND xã	Ô tô
2	Xã Ba	507	4	511	Nhà kiên cố; Trường học	Ô tô	1015	4	1019	Trường học; Trụ sở UBND xã	Ô tô

TT	Tên xã, phường	BẢO MẠNH					SIÊU BẢO				
		Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển	Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển
		Số người di dời tại chỗ	Số người sơ tán	Tổng			Số người di dời tại chỗ	Số người sơ tán	Tổng		
3	Xã Jơ Ngây	391	0	391	Nhà kiên cố; Trường học	Ô tô	782	0	782	Trường học; Trụ sở UBND xã	Ô tô
4	Xã Ating	292	228	520	Nhà kiên cố; Trường học	Ô tô	585	228	813	Trường học; Trụ sở UBND xã	Ô tô
5	Xã Sông Kôn	400	73	473	Nhà kiên cố; Trường học	Ô tô	800	73	873	Trường học; Trụ sở UBND xã	Ô tô
6	Xã Tà Lu	163	64	227	Nhà kiên cố; Trường học	Ô tô	327	64	391	Trường học; Trụ sở UBND xã	Ô tô
7	TT Prao	479	39	518	Nhà kiên cố; Trường học	Ô tô	959	39	998	Trường học; Trụ sở UBND xã	Ô tô
8	Xã Za Hung	159	82	241	Nhà kiên cố; Trường học	Ô tô	318	82	400	Trường học; Trụ sở UBND xã	Ô tô
9	Xã A Rooi	307	116	423	Nhà kiên cố; Trường học	Ô tô	615	116	731	Trường học; Trụ sở UBND xã	Ô tô
10	Xã Mả Cooih	273	13	286	Nhà kiên cố; Trường học	Ô tô	546	13	559	Trường học; Trụ sở UBND xã	Ô tô
11	Xã Kà Dăng	279	185	464	Nhà kiên cố; Trường học	Ô tô	559	185	744	Trường học; Trụ sở UBND xã	Ô tô
XIII	Huyện Hiệp Đức			120			0	120	120		
1	Xã Thăng Phước		67	67	Trụ sở UBND xã	Xe tải		67	67	Trụ sở UBND xã	Xe tải
2	Xã Quế Thọ		27	27	Trụ sở UBND xã	Xe tải		27	27	Trụ sở UBND xã	Xe tải
3	Xã Quế Bình		9	9	Trụ sở UBND xã	Xe tải		9	9	Trụ sở UBND xã	Xe tải
4	Xã Hiệp Thuận		17	17	Trụ sở UBND xã	Xe tải		17	17	Trụ sở UBND xã	Xe tải
XIV	Huyện Nam Trà My			15604			2062	25296	27358		
1	Trà Mai	350	100	450	Nhà sinh hoạt CĐ PCTT	Tự túc	420	130	550	Nhà sinh hoạt CĐ PCTT	Tự túc
2	Trà Tập	50	230	280	Trụ sở UBND	Tự túc	63	290	353	Trường THCS	Tự túc
3	Trà Don	70	350	420	Trụ sở UBND	Tự túc	82	420	502	Trụ sở UBND	Tự túc
4	Trà Nam	20	320	340	Trụ sở UBND	Tự túc	31	390	421	Trụ sở UBND	Tự túc
5	Trà Linh	15	170	185	Trạm Y tế xã	Tự túc	26	230	256	Trạm Y tế xã	Tự túc
6	Trà Vân	25	300	325	Trụ sở UBND	Tự túc	33	380	413	Trụ sở UBND	Tự túc
7	Trà Vinh	22	250	272	Trụ sở UBND	Tự túc	29	320	349	Trụ sở UBND	Tự túc
8	Trà Cang	20	450	470	Trụ sở UBND	Tự túc	34	540	574	Trụ sở UBND	Tự túc
9	Trà Don	150	400	550	Trụ sở UBND	Tự túc	170	470	640	Trụ sở UBND	Tự túc
10	Trà Leng	80	370	450	Trụ sở UBND	Tự túc	94	430	524	Trụ sở UBND	Tự túc
XV	Huyện Tây Giang			11862			1080	21696	22776		
1	Ch'om	50		50	Gươl các thôn và trường học, Trụ sở UBND xã	di chuyển bộ và xe máy	78	21	99	Gươl các thôn và trường học, Trụ sở UBND xã	di chuyển bộ và xe máy
2	Gary	45		45	Gươl các thôn, trường học, Đồn Biên phòng	di chuyển bộ và xe máy	89	32	121	Gươl các thôn, trường học, Đồn Biên phòng	di chuyển bộ và xe máy
3	Axan	42		42	Gươl các thôn, trường học, Đồn Biên phòng, Trụ sở UBND xã, Trạm y tế	di chuyển bộ và xe máy	80	34	114	Gươl các thôn, trường học, Đồn Biên phòng, Trụ sở UBND xã, Trạm y tế	di chuyển bộ và xe máy

TT	Tên xã, phường	BẢO MẠNH					SIÊU BẢO				
		Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển	Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển
		Số người di dời tại chỗ	Số người sơ tán	Tổng			Số người di dời tại chỗ	Số người sơ tán	Tổng		
4	Tr'hy	37		37	Giải các thôn, trường học, Trụ sở UBND xã, Trạm y tế	di chuyển bộ và xe máy	112	21	133	Giải các thôn, trường học, Trụ sở UBND xã, Trạm y tế	di chuyển bộ và xe máy
5	Lãng	52		52	Giải các thôn, trường học, Trụ sở UBND xã, Trạm y tế, nhà văn hóa xã	di chuyển bộ và xe máy	135	45	180	Giải các thôn, trường học, Trụ sở UBND xã, Trạm y tế, nhà văn hóa xã	di chuyển bộ và xe máy
6	Atiêng	48		48	Giải các thôn, trường học, Trụ sở UBND xã, các cơ quan tại trung tâm huyện	di chuyển bộ và xe máy	120	39	159	Giải các thôn, trường học, Trụ sở UBND xã, các cơ quan tại trung tâm huyện	di chuyển bộ và xe máy
7	Anông	31		31	Giải các thôn, trường học, Trụ sở UBND xã, Đồn Biên phòng, Trạm y tế, nhà văn hóa xã	di chuyển bộ và xe máy	87	32	119	Giải các thôn, trường học, Trụ sở UBND xã, Đồn Biên phòng, Trạm y tế, nhà văn hóa xã	di chuyển bộ và xe máy
8	Bhalê	64		64	Giải các thôn, trường học, Trụ sở UBND xã, Trạm y tế, Hạt quản lý đường bộ	di chuyển bộ và xe máy	64		64	Giải các thôn, trường học, Trụ sở UBND xã, Trạm y tế, Hạt quản lý đường bộ	di chuyển bộ và xe máy
9	Avương	75		75	Giải các thôn, trường học, Trụ sở UBND xã, Trạm Y tế	di chuyển bộ và xe máy	147	55	202	Giải các thôn, trường học, Trụ sở UBND xã, Trạm Y tế	di chuyển bộ và xe máy
10	Dang	89		89	Giải các thôn, trường học, Trụ sở UBND xã, Trạm Y tế	di chuyển bộ và xe máy	168	69	237	Giải các thôn, trường học, Trụ sở UBND xã, Trạm Y tế	di chuyển bộ và xe máy
XVI	Huyện Phú Ninh			11329			0	21348	21348		
1	Tam An	2.050	1.318	3368	UBND xã, bệnh xá BDBP, Trung tâm huấn luyện BDBP, trường TH Nguyễn Bình Khiêm; các nhà kiên cố	Ca nô, thuyền máy, xe vận tải trung dụng		5368	5368	UBND xã, bệnh xá BDBP, Trung tâm huấn luyện BDBP, trường TH Nguyễn Bình Khiêm; các nhà kiên cố	Ca nô, thuyền máy, xe vận tải trung dụng
2	Tam Đán	1.200	1.300	2500	Trường TH Võ Thị Sáu; Đình Tiên Hoàng; Nông trường Chiên Đán và các địa điểm có địa hình cao của xã; các nhà dân kiên cố	Ca nô, thuyền máy, xe vận tải trung dụng		3500	3500	Trường TH Võ Thị Sáu; Đình Tiên Hoàng; Nông trường Chiên Đán và các địa điểm có địa hình cao của xã; các nhà dân kiên cố	Ca nô, thuyền máy, xe vận tải trung dụng
3	Tam Phước	400	200	600	Những hộ dân có nhà kiên cố gần kè, UBND xã, trường Phan Chu Trinh	xe vận tải trung dụng		1500	1500	Những hộ dân có nhà kiên cố gần kè, UBND xã, trường Phan Chu Trinh	xe vận tải trung dụng
4	Tam Thành	150	331	481	Những hộ dân có nhà kiên cố gần kè, UBND xã; trạm y tế	xe vận tải trung dụng		1400	1400	Những hộ dân có nhà kiên cố gần kè, UBND xã; trạm y tế	xe vận tải trung dụng
5	Tam Lộc	200	450	650	Những hộ dân có nhà kiên cố gần kè, UBND xã, trường học	xe vận tải trung dụng		1200	1200	Những hộ dân có nhà kiên cố gần kè, UBND xã, trường học	xe vận tải trung dụng

TT	Tên xã, phường	BẢO MẠNH					SIÊU BẢO				
		Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển	Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển
		Số người di dời tại chỗ	Số người sơ tán	Tổng			Số người di dời tại chỗ	Số người sơ tán	Tổng		
6	Tam Vinh	170	350	520	Những hộ dân có nhà kiên cố gần kề, UBND xã, trung đoàn 885, trường Lê Văn Tám	xe vận tải trung dụng		1300	1300	Những hộ dân có nhà kiên cố gần kề, UBND xã, trung đoàn 885, trường Lê Văn Tám	xe vận tải trung dụng
7	Tam Dân	500	346	846	Các nhà dân kiên cố, UBND xã, trường học	xe vận tải trung dụng		2000	2000	Các nhà dân kiên cố, UBND xã, trường học	xe vận tải trung dụng
8	Tam Thái	200	250	450	Trường tiểu học Kim Đồng; UBND xã Tam Thái	xe vận tải trung dụng		950	950	Trường tiểu học Kim Đồng; UBND xã Tam Thái	xe vận tải trung dụng
9	Tam Đại	320	220	540	các nhà dân kiên cố, Nhà SHVH thôn, UBND xã	xe vận tải trung dụng		800	800	các nhà dân kiên cố, Nhà SHVH thôn, UBND xã	xe vận tải trung dụng
10	Tam Lãnh	230	224	454	Những hộ dân có nhà kiên cố gần kề, UBND xã, trường học	xe vận tải trung dụng		830	830	Những hộ dân có nhà kiên cố gần kề, UBND xã, trường học	xe vận tải trung dụng
11	TT Phú Thịnh	510	410	920	UBND thị trấn	xe vận tải trung dụng		2500	2500	UBND thị trấn	xe vận tải trung dụng
XVII	Huyện Bắc Trà My			2232			2232	0	2232		
1	Trà Sơn	134		134	Trụ sở UBND các xã, thị trấn; Nhà sinh hoạt cộng đồng; Trường học đóng trên địa bàn	Xe thô sơ, bộ	134		134	Trụ sở UBND các xã, thị trấn; Nhà sinh hoạt cộng đồng; Trường học đóng trên địa bàn	Xe thô sơ, bộ
2	Trà Kót	93		93	Trụ sở UBND các xã, thị trấn; Nhà sinh hoạt cộng đồng; Trường học đóng trên địa bàn	Xe thô sơ, bộ	93		93	Trụ sở UBND các xã, thị trấn; Nhà sinh hoạt cộng đồng; Trường học đóng trên địa bàn	Xe thô sơ, bộ
3	Trà Nú	102		102	Trụ sở UBND các xã, thị trấn; Nhà sinh hoạt cộng đồng; Trường học đóng trên địa bàn	Xe thô sơ, bộ	102		102	Trụ sở UBND các xã, thị trấn; Nhà sinh hoạt cộng đồng; Trường học đóng trên địa bàn	Xe thô sơ, bộ
4	Trà Đông	189		189	Trụ sở UBND các xã, thị trấn; Nhà sinh hoạt cộng đồng; Trường học đóng trên địa bàn	Xe thô sơ, bộ	189		189	Trụ sở UBND các xã, thị trấn; Nhà sinh hoạt cộng đồng; Trường học đóng trên địa bàn	Xe thô sơ, bộ
5	Trà Dương	89		89	Trụ sở UBND các xã, thị trấn; Nhà sinh hoạt cộng đồng; Trường học đóng trên địa bàn	Xe thô sơ, bộ	89		89	Trụ sở UBND các xã, thị trấn; Nhà sinh hoạt cộng đồng; Trường học đóng trên địa bàn	Xe thô sơ, bộ

TT	Tên xã, phường	BẢO MẠNH					SIÊU BẢO				
		Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển	Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển
		Số người di dời tại chỗ	Số người sơ tán	Tổng			Số người di dời tại chỗ	Số người sơ tán	Tổng		
6	Trà Giang	114		114	Trụ sở UBND các xã, thị trấn; Nhà sinh hoạt cộng đồng; Trường học đóng trên địa bàn	Xe thô sơ, bộ	114		114	Trụ sở UBND các xã, thị trấn; Nhà sinh hoạt cộng đồng; Trường học đóng trên địa bàn	Xe thô sơ, bộ
7	Trà Bui	320		320	Trụ sở UBND các xã, thị trấn; Nhà sinh hoạt cộng đồng; Trường học đóng trên địa bàn	Xe thô sơ, bộ	320		320	Trụ sở UBND các xã, thị trấn; Nhà sinh hoạt cộng đồng; Trường học đóng trên địa bàn	Xe thô sơ, bộ
8	Trà Đốc	101		101	Trụ sở UBND các xã, thị trấn; Nhà sinh hoạt cộng đồng; Trường học đóng trên địa bàn	Xe thô sơ, bộ	101		101	Trụ sở UBND các xã, thị trấn; Nhà sinh hoạt cộng đồng; Trường học đóng trên địa bàn	Xe thô sơ, bộ
9	Trà Tân	273		273	Trụ sở UBND các xã, thị trấn; Nhà sinh hoạt cộng đồng; Trường học đóng trên địa bàn	Xe thô sơ, bộ	273		273	Trụ sở UBND các xã, thị trấn; Nhà sinh hoạt cộng đồng; Trường học đóng trên địa bàn	Xe thô sơ, bộ
10	Trà Giác	197		197	Trụ sở UBND các xã, thị trấn; Nhà sinh hoạt cộng đồng; Trường học đóng trên địa bàn	Xe thô sơ, bộ	197		197	Trụ sở UBND các xã, thị trấn; Nhà sinh hoạt cộng đồng; Trường học đóng trên địa bàn	Xe thô sơ, bộ
11	Trà Giáp	205		205	Trụ sở UBND các xã, thị trấn; Nhà sinh hoạt cộng đồng; Trường học đóng trên địa bàn	Xe thô sơ, bộ	205		205	Trụ sở UBND các xã, thị trấn; Nhà sinh hoạt cộng đồng; Trường học đóng trên địa bàn	Xe thô sơ, bộ
12	Trà Ka	201		201	Trụ sở UBND các xã, thị trấn; Nhà sinh hoạt cộng đồng; Trường học đóng trên địa bàn	Xe thô sơ, bộ	201		201	Trụ sở UBND các xã, thị trấn; Nhà sinh hoạt cộng đồng; Trường học đóng trên địa bàn	Xe thô sơ, bộ
13	Thị trấn Bắc Trà My	214		214	Trụ sở UBND các xã, thị trấn; Nhà sinh hoạt cộng đồng; Trường học đóng trên địa bàn	Xe thô sơ, bộ	214		214	Trụ sở UBND các xã, thị trấn; Nhà sinh hoạt cộng đồng; Trường học đóng trên địa bàn	Xe thô sơ, bộ
XVIII	Huyện Nam Giang			2120			2950	1250	4200		
1	Thanh Mỹ	1000	300	1300	Các trường học, Trụ sở các cơ quan	Ô tô, xe máy, đi bộ	1800	600	2400	Các trường học, Trụ sở các cơ quan	Ô tô, xe máy, đi bộ
2	Cà Dy	200	100	300	Các trường học, Trụ sở các cơ quan	Ô tô, xe máy, đi bộ	400	250	650	Các trường học, Trụ sở các cơ quan	Ô tô, xe máy, đi bộ

TT	Tên xã, phường	BẢO MẠNH					SIÊU BẢO				
		Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển	Số người cần di dời, sơ tán			Khu vực dự kiến sơ tán đến	Phương tiện di chuyển
		Số người di dời tại chỗ	Số người sơ tán	Tổng			Số người di dời tại chỗ	Số người sơ tán	Tổng		
3	Đắc Pre	200	100	300	Các trường học, Trụ sở các cơ quan	Xe máy, đi bộ	500	300	800	Các trường học, Trụ sở các cơ quan	Ô tô, xe máy, đi bộ
4	La Dê	150	70	220	Các trường học, Trụ sở các cơ quan	Xe máy, đi bộ	250	100	350	Các trường học, Trụ sở các cơ quan	Ô tô, xe máy, đi bộ
Tổng cộng				172373			108715	278509	387224		

Phụ lục VI.

THỐNG KÊ SỐ LIỆU SƠ TÁN DÂN BỊ ẢNH HƯỞNG CỦA LŨ, NGẬP LỤT

(Kèm theo Phương án ứng phó với thiên tai theo các cấp độ rủi ro trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn tỉnh)

STT	Địa điểm	Số dân sơ tán (người)						Nơi sơ tán đến (đối với sơ tán tập trung)
		Cấp độ 1		Cấp độ 2		Cấp độ 3		
		Xen ghép	Tập trung	Xen ghép	Tập trung	Xen ghép	Tập trung	
I	Duy Xuyên	955	55	2.127	1.718	2.307	5.092	
1	Duy Phú	85		85		85	160	Trường học, UBND, Trạm y tế, gò đồi
2	Duy Thu	75		427	603		1.215	Trường học, UBND, Trạm y tế, gò đồi
3	Duy Tân	78		87	138	134	269	Trường học, UBND, Trạm y tế, gò đồi
4	Duy Hòa	158		149		400	397	Trường học, UBND, Trạm y tế, gò đồi
5	Duy Châu	117	25	211	39	122	33	Trường học, UBND, Trạm y tế, gò đồi
6	Duy Trinh			139	152	158	401	Trường học, UBND, Trạm y tế, gò đồi
7	Duy Sơn			87			160	Trường học, UBND, Trạm y tế, gò đồi
8	Duy Trung	62		265		448	289	Trường học, UBND, Trạm y tế, gò đồi
9	TT Nam Phước		30		485		1.200	Trường học, UBND, Trạm y tế, gò đồi
10	Duy Phước	70		70	21	92	70	Trường học, UBND, Trạm y tế, gò đồi
11	Duy Thành	310		310	210	520	510	Trường học, UBND, Trạm y tế, gò đồi
12	Duy Vinh			234		234	157	Trường học, UBND, Trạm y tế, gò đồi
13	Duy Nghĩa			63	70	114	231	Trường học, UBND, Trạm y tế, gò đồi
14	Duy Hải							
II	Hội An			2.694		2.694		
1	Sơn Phong							Trường học, trụ sở
2	Cẩm Kim			700		700		Trường học, trụ sở
3	Cẩm Nam			290		290		Trường học, trụ sở
4	Minh An			250		250		Trường học, trụ sở
5	Thanh Hà			192		192		Trường học, trụ sở
6	Cẩm Châu			292		292		Trường học, trụ sở
7	Cẩm Thanh			450		450		Trường học, trụ sở
8	Cẩm Phô			420		420		Trường học, trụ sở
9	Cẩm Hà			100		100		Trường học, trụ sở
III	Điện Bàn			4.612	30	8.887	1.449	
1	Vĩnh Điện			210		245	46	Trường học, trụ sở
2	Điện Ngọc			238		242	72	Trường học, trụ sở
3	Điện An			403	30	903	102	Trường học, trụ sở
4	Điện Nam Bắc			77		95	31	Trường học, trụ sở
5	Điện Nam Trung			161		196	64	Trường học, trụ sở
6	Điện Nam Đông			417		420	49	Trường học, trụ sở
7	Điện Dương			277		336	123	Trường học, trụ sở
8	Điện Tiến			343		1.050	108	Trường học, trụ sở
9	Điện Hòa					578		Trường học, trụ sở

STT	Địa điểm	Số dân sơ tán (người)						Nơi sơ tán đến (đối với sơ tán tập trung)
		Cấp độ 1		Cấp độ 2		Cấp độ 3		
		Xen ghép	Tập trung	Xen ghép	Tập trung	Xen ghép	Tập trung	
10	Điện Thắng Bắc			49		441	41	Trường học, trụ sở
11	Điện Thắng Trung			210		238	44	Trường học, trụ sở
12	Điện Thắng Nam			287		427	67	Trường học, trụ sở
13	Điện Hồng			312		375	31	Trường học, trụ sở
14	Điện Thọ			686		1.446	192	Trường học, trụ sở
15	Điện Phước			168		350	41	Trường học, trụ sở
16	Điện Quang			158		354	67	Trường học, trụ sở
17	Điện Trung			70		144	64	Trường học, trụ sở
18	Điện Phong			238		154	92	Trường học, trụ sở
19	Điện Minh			168		557	118	Trường học, trụ sở
20	Điện Phương			140		336	97	Trường học, trụ sở
IV	Đại Lộc	664	4.131	1.910	5.123	3.151	8.723	
1	TT Ái Nghĩa			620		620		Các Trung tâm hành chính - Sự nghiệp, nhà cao lứt, nhà văn hóa, các trường học
2	Đại An			198		198		Các nhà cao lứt
3	Đại Chánh							Các nhà cao lứt
4	Đại Cường	40			63		173	Nhà văn hóa thôn, đình làng, các trường, trung tâm xã
5	Đại Đồng		280		95		148	Nhà cao lứt, trụ sở UBND, các gò cao, nhà văn hóa thôn, các trường học, chùa
6	Đại Hiệp		222		946		946	Trường tiểu học, trường Trần Phú, trường mầm non Đại Hiệp
7	Đại Hòa	81	17	81	17	81	17	Đình làng Giao Thủy, các nhà cao lứt
8	Đại Hồng		610		309		61	Nhà cao lứt, trụ sở UBND, trường Nguyễn Minh Chấn, Phù Đồng, HTX Đại Hồng, Trạm y tế xã, các Chùa Dục Tịch, Lục Nam, Đông Phước
9	Đại Hưng					577		Nhà cao lứt
10	Đại Lãnh					467		Nhà cao lứt, Nhà Công Giáo, đền Thượng Đức, các trường
11	Đại Minh	78	345	110	360	139	980	Chùa Phú An, thánh thất Cao Đài
12	Đại Nghĩa	90	80	168	80	179	127	Trường Đoàn Nghiên, dọc Quốc lộ 14B, Núi Kính, Gò Ua, các trường, nhà văn hóa thôn
13	Đại Phong							Chùa Tam Phước, các trường học, trạm y tế, UBND xã, hội trường các thôn
14	Đại Quang	249	443	541	838	541	838	Các nhà kiên cố, UBND xã, đình làng Phương Trung, các trường học, hợp tác xã
15	Đại Tân		1.733		1.733		1.733	Các nhà văn hóa, nhà kiên cố, TH Đoàn Trị, UBND xã, Gò Báy, Nông ông Nho, gò Cẩm Đồi, gò Bà Đề
16	Đại Thắng	38	115	38	115	135	428	Trường Đoàn Quý Phi (cơ sở 2), nhà văn hóa thôn Xuân Đông, Phú Long
17	Đại Thanh	88		154	65	214	85	Nhà cao lứt, nhà văn hóa thôn An Bằng, Mỹ Lễ
18	Đại Sơn		286		502		3.187	Gò Cầu Phà, nhà văn hóa thôn, gò ông Ngử, trạm y tế, cụm mẫu giáo
V	Phước Sơn			679	286	558	303	

STT	Địa điểm	Số dân sơ tán (người)						Nơi sơ tán đến (đối với sơ tán tập trung)
		Cấp độ 1		Cấp độ 2		Cấp độ 3		
		Xen ghép	Tập trung	Xen ghép	Tập trung	Xen ghép	Tập trung	
1	Phước Hòa			22	25	38	40	Nhà làng thôn 2, trường TH thôn 2
2	Phước Công			96	45	65	153	Trường TH Phước Công, Nhà văn hóa thôn, trụ sở UBND xã
3	Phước Hiệp			200		200		Trụ sở UBND xã, Trường THCS, Trạm y tế xã
4	Phước Chánh			120	40			Trụ sở UBND xã
5	Phước Mỹ			161	176			Trường THCS xã
6	Phước Đức			80		120		Trụ sở UBND xã, trường THCS, nhà văn hóa
7	Phước Kim					100		Trụ sở UBND xã, trường THCS, nhà văn hóa
8	Phước Thành					35	110	Trụ sở UBND xã, trường THCS, nhà văn hóa
VI	Tiên Phước			730	1.907	3.338	4.282	Trụ sở UBND xã
1	Tiên Lãnh			95	575	507	801	Trường mẫu giáo, Nhà văn hóa thôn 4,5; trường cấp 1, núi Dương Thờ và một số nhà dân kiên cố không bị ngập lụt
2	Tiên Cảnh			240	180	545	440	Trường tiểu học Tiên Cảnh, trường Lê Thị Hồng Gấm, trạm Y tế xã và Nhà sinh hoạt Văn hóa xã, trường tiểu học Tiên Cảnh 2 và một số nhà dân kiên cố không bị ngập lụt, Nhà văn hóa thôn 1, trường tiểu học Tiên Cảnh 1
3	Tiên Châu			92		400	263	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn và một số nhà dân xây dựng kiên cố không bị ngập lụt, trụ sở UBND xã, trường tiểu học, trường trung học cơ sở Nguyễn Trãi
	Tiên Hà			118		420	486	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn và một số nhà dân xây dựng kiên cố không bị ngập lụt, trụ sở UBND xã, trường tiểu học, trường trung học cơ sở Lê Hồng Phong
4	Tiên An			45		510	380	Trường mẫu giáo thôn 1, nhà sinh hoạt cộng đồng thôn 2, khu tái định cư thôn 1 và một số nhà dân xây dựng kiên cố không bị ngập lụt; nhà sinh hoạt cộng đồng thôn 2, 3, trường THCS Nguyễn Viết Xuân, UBND xã, trường tiểu học thôn 4, nhà sinh hoạt cộng đồng thôn 4
5	TT Tiên Kỳ			140	1.152	956	1.912	Di dời đến chùa Tế Nam, chùa Hữu Lạm và một số nhà dân kiên cố không bị ngập lụt, trường Lý Tự Trọng, UBND thị trấn, Phòng GD&ĐT, Trung tâm hành chính huyện, huyện đội, trung tâm hướng nghiệp, huyện ủy, trung tâm y tế huyện, trường THPT Phan Châu Trinh
VII	Phú Ninh	255		1.612	337	4.842	3.017	
1	Tam An	87		920	87	2.234	816	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm, Trụ sở UBND xã, Trường TH Nguyễn Trãi, Tiểu đoàn 19-HLBĐBP, Bệnh xá Biên phòng
2	Tam Dân					136	119	Nhà văn hóa thôn Dương Lâm (cũ)

STT	Địa điểm	Số dân sơ tán (người)						Nơi sơ tán đến (đối với sơ tán tập trung)
		Cấp độ 1		Cấp độ 2		Cấp độ 3		
		Xen ghép	Tập trung	Xen ghép	Tập trung	Xen ghép	Tập trung	
3	Tam Đại						1.129	Các trường TH Thái Phiên, MG Bình Minh, HT UBND xã, Nhà SHVH các thôn Đại Hạnh (cũ), Phước Thượng (cũ), Đại An (cũ)
4	Tam Đàn			470	250	2.250	750	Nhà văn hóa xã; trường tiểu học Võ Thị Sáu phân hiệu 1, 2; nhà văn hóa thôn Phú Mỹ, Xuân Trung cũ
5	Tam Lãnh	158		212		212		
6	Tam Lộc	10		10		10		
7	Tam Thái							Các trường: TH Kim Đồng, THCS Phân Tây Hồ, MG Anh Đào
8	Tam Thành						203	Nhà văn hóa các thôn Tú Hội, Phú Văn
VIII	Thăng Bình			5.514	2.289	6.014	2.689	
1	Bình Nam			641,00	318,00	641,00	318,00	Trường học, UBND xã, NVH thôn
2	Bình Hải			757,00	134,00	757,00	134,00	Trường học, UBND xã, NVH thôn
3	Bình Sa			200,00	80,00	200,00	80,00	Trường học, UBND xã, NVH thôn
4	Bình Đào			343,00	158,00	343,00	158,00	Trường học, UBND xã, NVH thôn
5	Bình Minh			459,00	312,00	459,00	312,00	Trường học, UBND xã, NVH thôn
6	Bình Dương			200,00	223,00	200,00	223,00	Trường học, UBND xã, NVH thôn
7	Bình Giang					400,00	400,00	Các trường học, Nhà văn hóa thôn
8	Bình Triều			734,00		734,00		Trường học, UBND xã, NVH thôn
9	Bình Phục			100,00		200,00		Trường học, UBND xã, NVH thôn
10	Bình Nguyên				66,00		66,00	Trường học, UBND xã, NVH thôn
11	TT Hà Lam			50,00		50,00		Trường học, UBND xã, NVH thôn
12	Bình Tú			236,00	34,00	236,00	34,00	Trường học, UBND xã, NVH thôn
13	Bình Trung			256,00	83,00	256,00	83,00	Trường học, UBND xã, NVH thôn
14	Bình An			900,00	400,00	900,00	400,00	Các trường học, Nhà văn hóa thôn
15	Bình Quế				40,00		40,00	Trường học, UBND xã, NVH thôn
16	Bình Chánh			100,00		100,00		Trường học, UBND xã, NVH thôn
17	Bình Quý			75,00	367,00	75,00	367,00	Trường học, UBND xã, NVH thôn
18	Bình Định Bắc			45,00	6,00	45,00	6,00	Trường học, UBND xã, NVH thôn
19	Bình Định Nam			14,00		14,00		Trường học, UBND xã, NVH thôn
20	Bình Trị			270,00	68,00	270,00	68,00	Trường học, UBND xã, NVH thôn
21	Bình Phú							Trường học, UBND xã, NVH thôn
22	Bình Lãnh			134,00		134,00		Trường học, UBND xã, NVH thôn
IX	Tam Kỳ			7.737	5.834	1.744	46.894	
1	Tân Thạnh			1537			14008	Các nhà cao tầng, trường học, trụ sở cơ quan.
2	Phước Hòa			260			1261	Các nhà cao tầng, trường học, trụ sở cơ quan.
3	An Mỹ				186		2195	Trường: K.Đồng, CĐ nghề Asean, CĐ y.tế, H.H.Tập, công an thành phố, UBND phường, chùa Hòa Quang.
4	Hòa Hương			1928		394	1534	TTTĐ tỉnh, Trường Nguyễn Huệ, Trường Hồng Gấm, Trạm Y tế phường, Chùa Diệu Quang, Chùa Tịnh Độ, UBND phường, Công ty MTĐT Q.Nam,
5	An Xuân			44			312	Các nhà cao tầng, trường học, trụ sở cơ quan.
6	An Sơn			60	1415		9273	Trường: P.B.Châu, L.V.Tám, KTKT Q.Nam, Dạy nghề nông dân, nhà thiếu nhi, Cục thuế tỉnh, TT y tế thành phố, Công ty XD và PT CSHT.

STT	Địa điểm	Số dân sơ tán (người)						Nơi sơ tán đến (đối với sơ tán tập trung)
		Cấp độ 1		Cấp độ 2		Cấp độ 3		
		Xen ghép	Tập trung	Xen ghép	Tập trung	Xen ghép	Tập trung	
7	Trường Xuân			96			120	Cụm CN Trường Xuân, Trường TH Hùng Vương, UBND phường
8	An Phú			112	112	1350	1350	Các nhà cao tầng, trường học, trụ sở cơ quan.
9	Hoà Thuận			854			2660	Các nhà cao tầng, trường học, trụ sở cơ quan.
10	Tam Thanh			68			246	Các nhà cao tầng, trường học, trụ sở cơ quan.
11	Tam Thăng			886			3786	Các nhà cao tầng, trường học, trụ sở cơ quan.
12	Tam Phú			1760	4121		9169	Trường: L.T.Kiệt, N.V.Xuân, Anh Đào, UBND xã, Trường Quân Sự.
13	Tam Ngọc			132			980	Nhà văn hóa thôn, Lữ đoàn 270, Trường Trần Quý Cáp, Trường Mẫu giáo xã.
X	Núi Thành			141	576		9.822	
1	Tam Nghĩa						120	Trường mẫu giáo thôn, chùa Hòa Mỹ
2	TT Núi Thành				101		101	Trường THPT Nguyễn Huệ, TH Võ Thị Sáu
3	Tam Hiệp						314	Trường THCS Trần Cao Vân, THPT Nguyễn Huệ
4	Tam Mỹ Đông			141	196		82	Trường MG Hướng Dương, THCS Nguyễn Trãi
5	Tam Anh Nam						493	Trường THCS Nguyễn Hiền, TH Nguyễn Hiền, THCS Nguyễn Khuyến
6	Tam Anh Bắc						601	Trường TH Trần Văn Ôn, THCS Lương Thế Vinh
7	Tam Xuân 1						1640	Trường TH Lê Văn Tám, THCS Lý Thường Kiệt
8	Tam Xuân 2						1115	Trường THPT Cao Bá Quát, TH Nguyễn Văn Trỗi
9	Tam Mỹ Tây						695	Nhà văn hóa thôn, Gò Quánh, chùa Thạnh Mỹ, Gò Bộ, Gò Nha, Gò Mít
10	Tam Thạnh						92	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai
11	Tam Hòa						2142	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng, TH Trần Đại Nghĩa, TH Nguyễn Thái Bình, THCS Phan Bá Phiến
12	Tam Tiến						1478	Trường THCS Nguyễn Chí Thanh, TH Ngô Mây, THCS Nguyễn Chí Thanh, TH Phan Bá Phiến, UBND xã
13	Tam Hải				279		949	Nhà trú bão thôn, trường THCS Nguyễn Chí Thanh
Tổng cộng		1.874	4.186	27.756	18.100	33.535	82.271	

Phụ lục VII.

THỐNG KÊ SỐ TÁN DÂN KHU VỰC CÓ NGUY CƠ SẠT LỞ ĐẤT

(Kèm theo Phương án ứng phó với thiên tai theo các cấp độ rủi ro trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn tỉnh)

TT	ĐỊA PHƯƠNG	KHU VỰC NGUY CƠ	Số dân sơ tán (người)		KHU VỰC BỐ TRÍ ĐẾN SƠ TÁN
			Xen ghép	Tập trung	
I	TÂY GIANG			955	
1	Ch'Om	Thôn H'júh		50	Trường mầm non, nhà Gươl
		Thôn Nhung		60	
2	Gari	Thôn Arooi		20	
		Thôn Ating		50	
		Thôn Dading		20	
		Thôn Pút		15	
3	Axan	Thôn Ga'nil		25	
4	Tr'hy	Thôn Abaanh II		15	
		Thôn Ariêu		16	
5	Lăng	Thôn Nal		15	
		Thôn Por'ning		28	
		Thôn Tà'ri		15	
6	Bhalêê	Thôn Adzóc		180	
		Thôn Bloóc		20	
		Thôn Ta Lang		120	Trường mầm non, nhà Gươl
		Thôn R'cung		50	
7	Avuong	Thôn Ga'lâu		35	Trường mầm non, nhà Gươl
		Thôn Xa'oi		48	
8	Dang	Thôn Alua		26	Trường mầm non, nhà Gươl và một số nhà kiên cố trong thôn
		Thôn Arui		120	
		Thôn Atur		27	
II	HIỆP ĐỨC			393	
1	TT Tân Bình	Thôn 3		70	Viện KSND huyện
		Thôn 2		63	UBND huyện
2	Xã Thăng Phước	Thôn 4		115	Đèo Đá Đen
		Thôn 5		56	Điểm cao 136
3	Xã Quế Thọ	Thôn Bắc An Sơn		89	Trường Kim Đồng
III	THĂNG BÌNH			524	
1	Bình Dương	Thôn 3		200	UBND Xã
		Thôn 1			
2	Bình Phú	Đập Phước Hà/ thôn Phước Hà		100	Gò Đá Trắng
3	Bình Lãnh	Đập Cao Ngan/ Thôn 5		98	Núi Chóp Chài
4	Bình Nam	Bến Lô/Bình Nam		126	Điểm cao 21
IV	BẮC TRÀ MY		204	1950	
1	TT Trà My	Độc tuyến đường Chu Huy mần		72	Trường dân tộc nội trú huyện
		Độc tuyến đường Võ Nguyên Giáp		93	UBND huyện cũ

TT	ĐỊA PHƯƠNG	KHU VỰC NGUY CƠ	Số dân sơ tán (người)		KHU VỰC BỐ TRÍ ĐẾN SƠ TÁN
			Xen ghép	Tập trung	
		Tuyến đường tây thị trấn		43	Trụ sở TDP, nhà khách Nghĩa Trang huyện
2	Xã Trà Dương	Thôn Dương Lâm		112	NSH cộng đồng, khu ĐC
		Thôn Dương Đông		140	UBND xã, trường THCS Huỳnh Thúc Kháng
3	Xã Trà Giang	Thôn 2 cũ (Từ nhà bà Trịnh Thị Thắng đến nhà ông Nguyễn Văn Nhâm)		20	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Huệ
		Thôn 4 cũ (Từ nhà ông Đỗ Tăng đến nhà ông Trần Nhánh)		50	Kí túc xá Trường DT nội trú Huyện Bắc Trà My
4	Xã Trà Tân	Khu vực chợ đầu cầu Trà Đốc (thôn 4 cũ)		52	NSH cộng đồng thôn 4 cũ
5	Xã Trà Giác				
		Từ ngã 3 xã Trà Giác đến hết đường ĐH 4		110	UBND xã, NHV thôn 1, trường tiểu học thôn 2, trường mẫu giáo thôn 2
		Từ ngã 3 Nhà ông Ánh đến nhà bà Chiến (Đông Trường Sơn)		50	Trường tiểu học thôn 1c, trường mẫu giáo thôn 1c
6	Xã Trà Giáp				
		đoạn đường ĐH4 từ giáp ranh Trà Giác vào Ngoại Thương		102	Trường tiểu học, mẫu giáo thôn
		đoạn đường bê tông đi thôn 1 cũ từ cầu treo suối Gòn vào nhà ông Hồ Xuân Út		147	UBND xã, NVH thôn
		Các hộ dân tại thôn 3 (thôn 4, 5 cũ)	204		
7	Xã Trà Bui	Điểm sạt lở đồi diện điểm trường mẫu giáo thôn 6 (thôn 2 cũ)		58	Trường Tiểu học, NVH thôn 6
		Nóc Ông Phong thôn 1 (thôn 9 cũ)		86	Trường Tiểu học Nông Văn Dền
		Thôn 5 từ nhà bà Hương đến nhà ông vũ (thôn 6 cũ)		80	UBND xã, NHV thôn 6
		Điểm nhà ông Long Tổ 5 thôn 4		50	Nhà văn hóa thôn 5a và 5b xã Trà Bui
		Tổ 3 Nóc bà Phi; tổ 4 Nóc ông Xanh		10	Nhà văn hóa thôn 4 xã Trà Bui
		Nóc XơR thôn 2 (thôn 8 cũ)		350	Làng Rược cần và nhà văn hóa thôn 3
8	Xã Trà Nú	Khu vực đồi Hai Vú thôn 2		325	UBND xã, trạm y tế xã
V	TIÊN PHƯỚC			592	
1	Tiên Lãnh	Sông Tum thôn 1 và thôn 5	115	170	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi
2	Tiên Cảnh	Rẫy Tranh lớn thôn 1, ven chân đồi ở các thôn	178	180	Trường TH Minh Viên, Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn 1
3	Tiên An	Núi Đầu Voi thôn 1 và thôn 2 và các hộ ven sông	114		Khu tái định cư mới tại thôn 1 và thôn 2, trường tiểu học
4	Tiên Châu	Hố Rắn thôn Thanh Bôi	58		Trường Tiểu học tại thôn Thanh Bôi
5	Tiên Hà	Các thôn dọc sông Tiên		170	Nhà sinh hoạt cộng đồng của thôn, trụ sở UBND, trường tiểu học
6	TT Tiên Kỳ	Núi Động sinh thôn Hữu Lâm và núi đồi Cao thôn An Đông		72	Nhà sinh hoạt cộng đồng của 02 thôn
VI	PHƯỚC SON		276	969	
1	Phước Hòa	Sạt lở đồi gần nhà ông Ý-thôn 2		16	Nhà làng thôn 2

TT	ĐỊA PHƯƠNG	KHU VỰC NGUY CƠ	Số dân sơ tán (người)		KHU VỰC BỐ TRÍ ĐẾN SƠ TÁN
			Xen ghép	Tập trung	
2	Phước Công	Chân đồi núi đá Cầu Khi		15	Trụ sở UBND xã
3	TT Khâm Đức	Chân đồi E (Tổ dân phố số 2)		215	Trường PTTH Khâm Đức
4	Phước Hiệp	Thôn 1	75		
		Thôn 2	120		
		Thôn 3	11		
		Thôn 4	48		
5	Phước Thành	Thôn 2		98	Trường TH&THCS, trụ sở xã Phước Thành
		Thôn 4		108	
		Thôn 3		110	
6	Phước Chánh	Độc đi lên Xà Riêng	15		
		Độc Tà Dê thôn 1	7		
7	Phước Mỹ	Nhóm dân khu 1 thôn Long viên		92	Trường thôn, NVH thôn
8	Phước Đức	Thôn 1(Cầu ĐăkXa)		51	Trụ sở UBND xã Phước Đức
		Thôn 5 (Cầu ĐăkXa)		47	
9	Phước Kim	Tô Triên, thôn 3		157	Nhà làng thôn, Trường mẫu giáo Kim-Thành-Lộc
		Tô Trà Văn A, thôn 2		60	Nhà làng thôn
VII	NAM TRÀ MY			2	
1	Xã Trà Nam	Nóc Tắc Vinh 3, thôn 2		25	Nhà VH thôn, các trường mẫu giáo, tiểu học
		KDC Long Riêu, thôn 3	96		
		KDC Long Riêu, thôn 4	55		
2	Xã Trà Vân	KDC Văn Moa, thôn 2		84	Nhà VH thôn, các trường mẫu giáo, tiểu học
3	Xã Trà Don	KDC Tắc Tô, thôn 3		64	Nhà VH thôn, các trường mẫu giáo, tiểu học
4	Xã Trà Tập	KDC Lăng Lương, thôn 1		6	Nhà VH thôn, các trường mẫu giáo, tiểu học
		KDC Lập Loa, thôn 2		14	Nhà VH thôn, các trường mẫu giáo, tiểu học
		KDC Tu Lung, thôn 3		28	Nhà VH thôn, các trường mẫu giáo, tiểu học
5	Xã Trà Vinh	Thôn 3		2	Nhà VH thôn, các trường mẫu giáo, tiểu học
VIII	ĐÔNG GIANG			21	
1	TT Prao	Thôn ngã ba		5	UBND TT Prao
2	Xã Tư	Thôn Vầu		3	UBND xã
		Thôn Láy		2	
3	Xã Jơ Ngây	Thôn Cờ Lò		4	
4	Sông Kôn	Thôn Bút Nga		7	
IX	PHÚ NINH		256	1233	
1	Tam Dân	Thôn Ngọc Tú, thôn Kỳ Tân	136	119	Nhà văn hóa thôn Dương Lâm (cũ)
2	Tam Đại	Đập tràn sự cổ Long Sơn		1029	Trường TH Thái Phiên, nhà SHVH các thôn Đại Hanh (cũ), Phước Thượng (cũ)
3	Tam Lãnh	Thôn Phước Mỹ, An Mỹ, Bông Miêu	108		
4	Tam Lộc	Các thôn Tây Lộc, Cầm Long (khu vực eo gió)	12		
5	Tam Thái	Khu vực núi Chùa, thôn Trường Mỹ		85	Nhà văn hóa thôn Trường Mỹ, trường THCS Phan Tây Hồ
X	NÚI THÀNH		77	2455	
1	Tam Mỹ	Thôn Phú Trường		250	Trạm sông Mùi, Trường TH, MN, Nhà VH, UBND
		Thôn Phú Thọ		320	Trường TH, MN, Nhà VH
		Thôn Phú Tân		450	Trường THCS, TH, MN, Nhà VH, Trạm y tế, UBND

TT	ĐỊA PHƯƠNG	KHU VỰC NGUY CƠ	Số dân sơ tán (người)		KHU VỰC BỐ TRÍ ĐẾN SƠ TÁN
			Xen ghép	Tập trung	
		Thôn Phú Tứ		995	Trường TH, MN, Nhà VH
2	Tam Hải	Tân Bình Trung		134	Trường THCS Trần Quý Cáp
		Long Thạnh Tây		301	Nhà chống bão
3	Tam Sơn	Các tổ đoàn kết số 1, 2, 3, 6, 7	77	5	Trường MG thôn 1
XI	QUÊ SƠN			86	
1	Quê Trung	Thôn Trung An		42	Sơ tán cục bộ
2	Quê Lâm	Thôn 4		44	Sơ tán cục bộ
XII	DUY XUYỀN		391	131	
1	Duy Phú		80		
2	Duy Thu		75		
3	Duy Sơn		41		
4	Duy Trung		132	28	NVH thôn
5	Duy Nghĩa		63	70	Trường học
6	Duy Hải			33	Trường tiểu học Duy Hải
XIII	ĐẠI LỘC		234	1503	
1	Đại Hưng	Thôn Mậu Lâm	36		
2	Đại Minh	Thôn Lâm Yên		110	Chùa Phú An, thánh thất Cao Đài
3	Đại Lãnh	Thôn Tân Hà	77		Các nhà kiên cố, an toàn
		Thôn Hà Tân	46		Nhà thờ kiên cố, các nhà kiên cố
		Thôn Đại An	3		Nhà ông Trần Chiến
		Thôn Tịnh Đông Tây	24		Các nhà kiên cố, an toàn
		Thôn Hà Dục Đông	23		Các nhà kiên cố, an toàn
4	Đại Nghĩa	Thôn Phiếm Ái 1		11	Các nhà kiên cố
		Thôn Phiếm Ái 2		4	Các nhà kiên cố
5	Đại Đồng	Hà Nha		63	Các nhà kiên cố
		Lam Phụng		39	Các nhà kiên cố
6	Đại Sơn			243	Gò Ngang, Cây gạo, gò cầu phà, trạm y tế xã
7	Đại Quang	Đông Lâm		86	UBND xã
		Phương Trung		20	Nhà SHCĐ thôn
		Tam Hòa		96	Trường mầm non, Trần Tông
		Mỹ An		106	HTX 27/7
		Trường An		35	TTKT Nông nghiệp
		Song Bình		39	Đền tưởng niệm Trường An
		Hòa Thạch		16	Trạm y tế xã
		Phú Hương		16	Trường mầm non
		Phước Lộc		38	Doanh trại
8	Đại Phong	Mỹ Hào		128	UBND xã
9	Đại Hòa	Thôn 1		17	Nhà kiên cố
		Thôn 3		9	Nhà kiên cố
10	Đại Thanh			150	Nhà kiên cố
11	Đại Hiệp	Phú Quý		68	Trường Trần Phú
		Phú Hải		190	Các nhà kiên cố, nhà thờ tộc

TT	ĐỊA PHƯƠNG	KHU VỰC NGUY CƠ	Số dân sơ tán (người)		KHU VỰC BỐ TRÍ ĐẾN SƠ TÁN
			Xen ghép	Tập trung	
12	Đại Tân	Trà Đức		19	Các nhà kiên cố
13	Đại Chánh	Tập Phước	25		Các nhà kiên cố
TỔNG CỘNG			1438	10814	

TT	ĐỊA PHƯƠNG	KHU VỰC NGUY CƠ	Số dân sơ tán (người)		KHU VỰC BỐ TRÍ ĐẾN SƠ TÁN
			Xen ghép	Tập trung	

TT	ĐỊA PHƯƠNG	KHU VỰC NGUY CƠ	Số dân sơ tán (người)		KHU VỰC BỐ TRÍ ĐẾN SƠ TÁN
			Xen ghép	Tập trung	

TT	ĐỊA PHƯƠNG	KHU VỰC NGUY CƠ	Số dân sơ tán (người)		KHU VỰC BỐ TRÍ ĐẾN SƠ TÁN
			Xen ghép	Tập trung	

Phụ lục VIII.

THỐNG KÊ SỐ LIỆU SƠ TÁN DÂN BỊ ẢNH HƯỞNG CỦA LŨ QUÉT

(Kèm theo Phương án ứng phó với thiên tai theo các cấp độ rủi ro trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn tỉnh)

STT	Địa điểm							Nơi sơ tán đến (đối với sơ tán tập trung)
		Cấp độ 1		Cấp độ 2		Cấp độ 3		
		Xen ghép	Tập trung	Xen ghép	Tập trung	Xen ghép	Tập trung	
I	Duy Xuyên		158		190		235	
1	Duy Trung		158		190		235	Trường học, nhà văn hóa thôn
II	Đại Lộc	23				11		
1	Đại Lãnh	23						
2	Đại Hưng					11		
III	Tây Giang		1.123					
1	Gari		120					Hội trường UBND xã, trạm y tế
2	Axan		350					Hội trường UBND xã, trạm y tế
3	Avuong		653					UBND xã, trạm y tế, trường tiểu học
IV	Núi Thành	62	5	62	5	62	5	
1	Tam Sơn	62	5	62	5	62	5	Trường mẫu giáo thôn 1
	Tổng cộng	85	1.286	62	195	73	240	